



## ĐIỂM TIN

# KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Tháng 01 năm 2024



<https://thongkehochiminh.gso.gov.vn>

<b>TỔNG QUAN</b>	Những nét chính tình hình KT-XH .....1
	Tổng quan các chỉ số vĩ mô .....3

**KINH TẾ  
VĨ MÔ**

<input checked="" type="checkbox"/>	Thu, chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn .....4
<input checked="" type="checkbox"/>	Huy động, dư nợ tín dụng.....7
<input checked="" type="checkbox"/>	Hoạt động chứng khoán .....8
<input checked="" type="checkbox"/>	Doanh nghiệp trong nước .....9
<input checked="" type="checkbox"/>	Dự án FDI đăng ký mới .....11
<input checked="" type="checkbox"/>	Tình hình giải ngân vốn đầu tư công .....12
<input checked="" type="checkbox"/>	Chỉ số giá tiêu dùng .....13

**TÌNH  
HÌNH  
MỘT SỐ  
NGÀNH,  
LĨNH  
VỰC**

<input checked="" type="checkbox"/>	Nông, lâm nghiệp và thủy sản .....17
<input checked="" type="checkbox"/>	Chỉ số sản xuất công nghiệp .....18
<input checked="" type="checkbox"/>	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ .....23
<input checked="" type="checkbox"/>	Xuất, nhập khẩu hàng hóa .....27
<input checked="" type="checkbox"/>	Vận tải hành khách, hàng hóa.....30
<input checked="" type="checkbox"/>	Văn hóa - xã hội .....31

**PHỤ LỤC**

<input checked="" type="checkbox"/>	Nhóm giải pháp thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế.....33
<input checked="" type="checkbox"/>	GRDP quý I/2023 .....35
<input checked="" type="checkbox"/>	GRDP quý II/2023 .....36
<input checked="" type="checkbox"/>	GRDP 6 tháng đầu năm 2023 .....37
<input checked="" type="checkbox"/>	GRDP quý III/2023 .....38
<input checked="" type="checkbox"/>	GRDP 9 tháng đầu năm 2023 .....39
<input checked="" type="checkbox"/>	GRDP năm 2023 .....40

1. Sản xuất công nghiệp tăng cao so với cùng kỳ

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 01/2024 giảm 4,5% so với tháng trước (do tháng 12/2023 là tháng cao điểm sản xuất phục vụ Tết) và tăng 26,9% so với cùng kỳ (do tháng 01 năm 2023 là tháng Tết nên chu kỳ sản xuất đã giảm 8 ngày làm việc). Trong đó, 28/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp cấp II tăng so với cùng kỳ, chỉ số tiêu thụ tăng 27,8% và chỉ số tồn kho tăng 27,5%.

Lao động tại các doanh nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,3% so với tháng trước do doanh nghiệp có đơn hàng mới đến hết quý I/2024, lao động tăng chủ yếu các ngành như chế biến thực phẩm; may trang phục; da giày; sản xuất giấy; sản xuất thiết bị điện; sản xuất hóa chất,..

2. Sức mua của thị trường trong nước vẫn được duy trì, hoạt động ăn uống bị ảnh hưởng

Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 01 tăng 1,1% so tháng trước và tăng 24,4% so với cùng kỳ. Tháng 01/2024 là tháng trước Tết, được xem là thời điểm kinh doanh sôi động nhất trong năm, trong đó doanh thu bán lẻ tăng 15,5% so với cùng kỳ.

Tuy nhiên, doanh thu dịch lưu trú và ăn uống giảm 1,4% so với tháng trước và tăng 18,6% so với cùng kỳ. Việc siết chặt kiểm tra về vi phạm nồng độ cồn đã ảnh hưởng đến doanh thu ăn uống trên địa bàn giảm nhẹ so với tháng trước. Doanh thu dịch vụ lữ hành giảm 1,1% so với tháng trước và tăng 22,8% so với cùng kỳ. Doanh thu dịch vụ khác giảm 2,9% so tháng trước và tăng 39,2% so với cùng kỳ.

3. Xuất nhập khẩu có tín hiệu tích cực

Kim ngạch xuất khẩu qua cảng Thành phố trong tháng 01 năm 2024 đạt 3,3 tỷ USD giảm 16,9% so với tháng trước nhưng tăng 23,3% so với cùng kỳ. Trong khi đó nhập khẩu qua cảng Thành phố đạt 4,6 tỷ USD giảm 5,3% so với tháng trước nhưng tăng 21,0% so với cùng kỳ.

4. Chỉ số giá tiêu dùng được kiểm soát tốt

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01 năm 2024 tăng 0,46% so với tháng trước và tăng 2,76% so với cùng kỳ (cả nước tăng 3,73%). Trong đó, 03/11 nhóm hàng hóa giảm và 08/11 nhóm còn lại tăng so với tháng trước.

Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 3,68% so với cùng kỳ góp phần hưởng lợi cho hoạt động xuất khẩu tuy nhiên ảnh hưởng bất lợi đến doanh nghiệp nhập khẩu (Thành phố là có cán cân nhập siêu).

5. Quyết liệt  
đẩy nhanh  
giải ngân vốn  
đầu tư công

Tính đến 26/01/2024, giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 đạt 47.530,4 tỷ đồng đạt 67,4% so với Kế hoạch vốn Thủ Tướng Chính phủ giao. Ước tính đến hết tháng 01 năm 2024, giải ngân đạt 70% so với Kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao.

Đối với Kế hoạch vốn năm 2024, giải ngân vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý đến ngày 26/01/2024 đạt 178,2 tỷ đồng, gấp 3,2 lần so với cùng kỳ.

6. Thu hút  
đầu tư nước  
ngoài nhưng  
doanh nghiệp  
trong nước  
còn khó khăn

Tính đến 20/01/2024, Thành phố đã cấp phép 80 dự án FDI, tăng 60,0% so với cùng kỳ. Trong đó, 79/80 dự án FDI đều đến từ khu vực Thương mại dịch vụ cho thấy Thành phố có dư địa thu hút nhà đầu tư nước ngoài phát triển các ngành thương mại dịch vụ. Tuy nhiên quy mô vốn khá thấp khi đạt 0,3 triệu USD/dự án, chỉ đạt 26,2% so với quy mô cùng kỳ (cùng kỳ tháng 01/2023 vốn đạt 1,14 triệu USD/dự án).

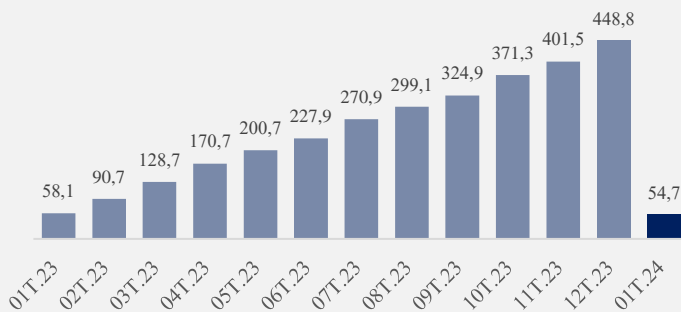
Tháng 01/2024, Thành phố có 7.068 doanh nghiệp tham gia vào thị trường nhưng cũng có đến 12.936 doanh nghiệp rút khỏi thị trường, nghĩa là số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường gấp 1,8 lần doanh nghiệp tham gia vào thị trường (Tháng 01/2023 tỷ lệ này là 1,5 lần).

7. Thu ngân  
sách nhà  
nước không  
đạt Kế hoạch  
đề ra

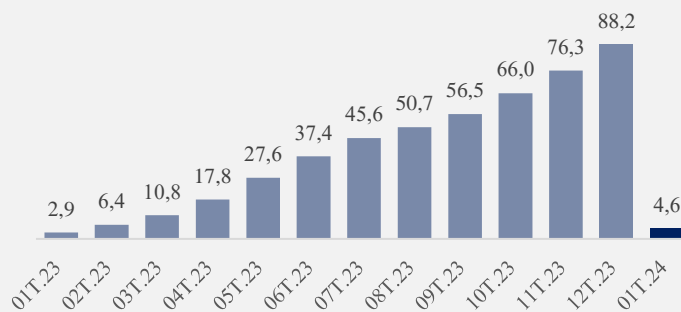
Ước tính tổng thu ngân sách nhà nước tháng 01/2024 giảm 5,8% so với cùng kỳ, trong đó thu nội địa và thu từ dầu thô đều giảm nhưng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu có dấu hiệu tích cực khi tăng 1,4% so với cùng kỳ, nguồn thu giảm sẽ áp lực lên nguồn lực cho Thành phố.

Ngược lại, chi ngân sách nhà nước tăng 60,3% so với cùng kỳ, trong đó chi thường xuyên tăng 1,1%. Chi ngân sách tăng sẽ góp phần thúc đẩy tăng cầu nội địa và tăng trưởng kinh tế.

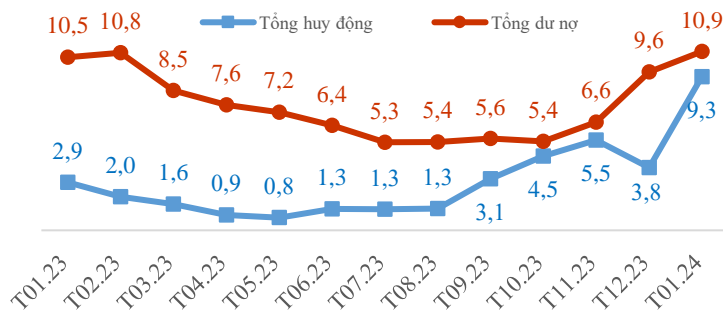
**Tổng thu ngân sách nhà nước**  
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



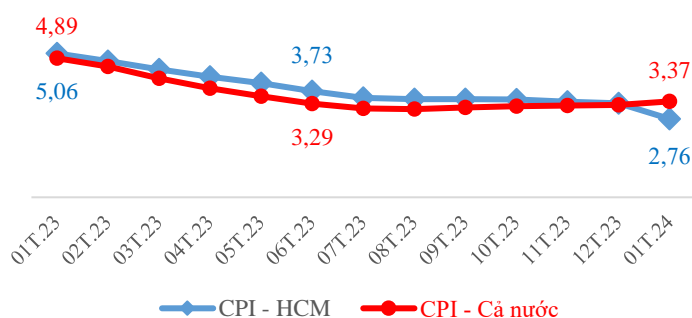
**Tổng chi ngân sách trừ tạm ứng**  
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



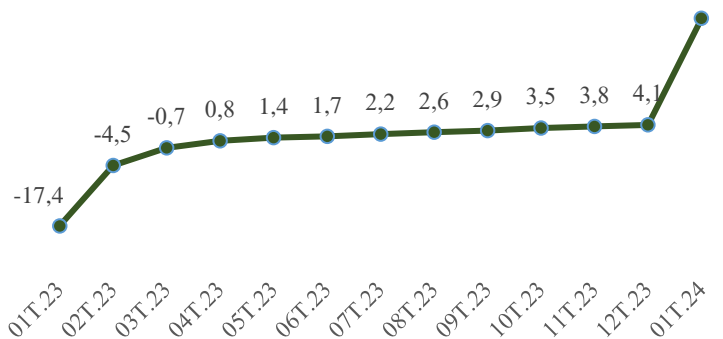
**Tốc độ tăng vốn huy động, dư nợ tín dụng**  
so với cùng kỳ (%)



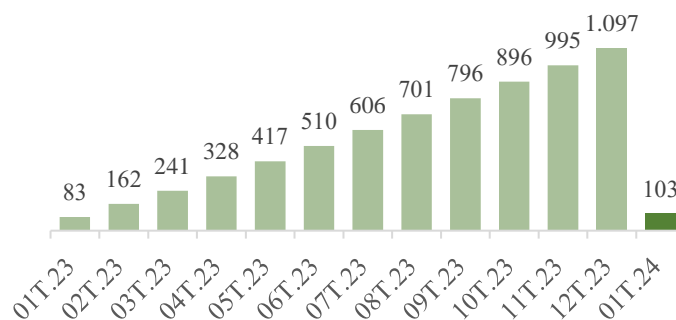
**CPI bình quân của TP. HCM và Cả nước**  
(lũy kế, %)



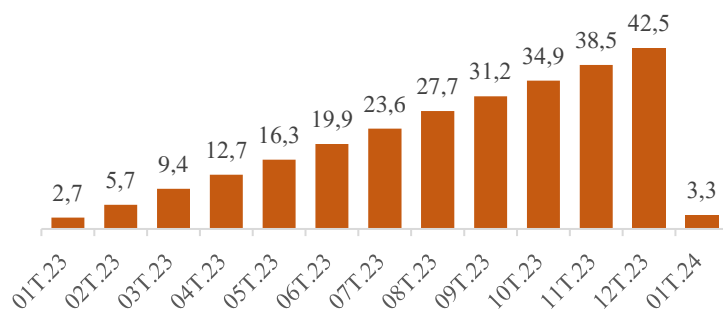
**IIP so với cùng kỳ (lũy kế, %)**



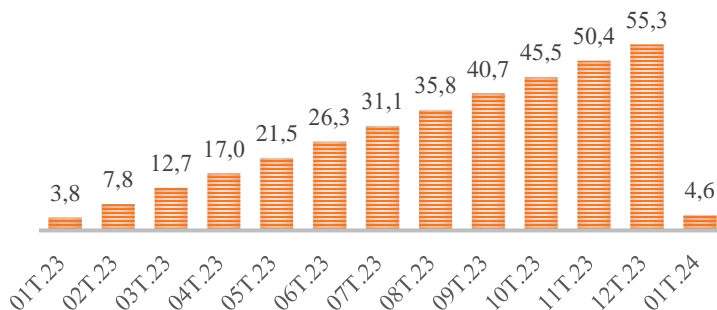
**Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ**  
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



**GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU**  
(LŨY KẾ, TỶ USD)



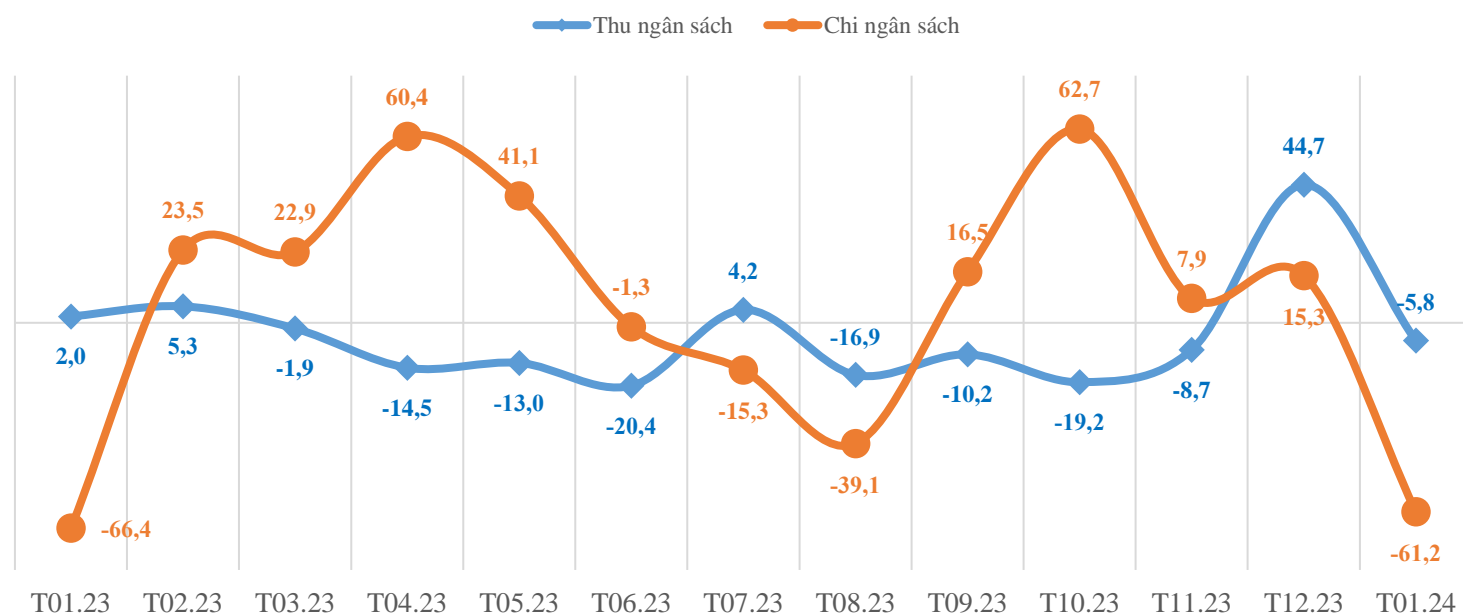
**GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU**  
(LŨY KẾ, TỶ USD)



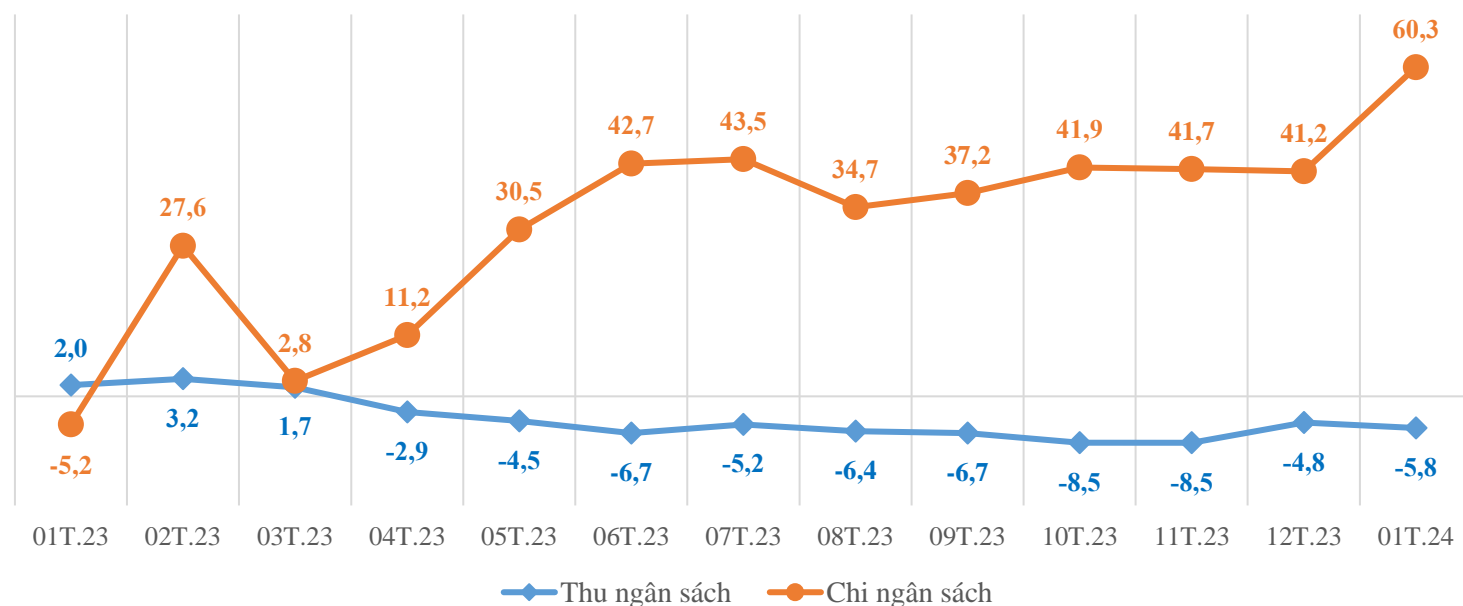
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước tháng 01 năm 2024 ước giảm 5,8% so với cùng kỳ, cụ thể: Thu nội địa ước giảm 6,1% so với cùng kỳ, trong đó thu từ doanh nghiệp nhà nước ước tăng 4,0%, thu từ khu vực ngoài nhà nước ước tăng 25,7%, thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước tăng 12,2%; thu dầu thô ước giảm 23,7% và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước tăng 1,4%.

Chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước tăng 60,3% so với cùng kỳ. Trong đó: Chi thường xuyên tăng 1,1%, riêng chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước tăng 13,4%, chi cho sự nghiệp y tế ước tăng 10,0%, chi khoa học và công nghệ ước giảm 76,5%.

### Tốc độ tăng thu, chi ngân sách so với cùng kỳ (theo tháng, %)



### Tốc độ tăng thu, chi ngân sách so với cùng kỳ (Lũy kế, %)

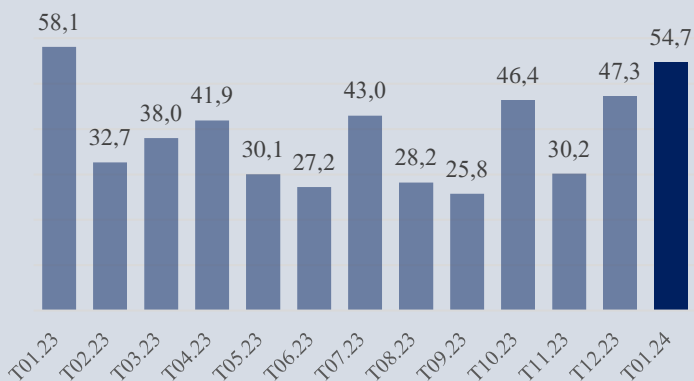




▼  
-5,8%

**Thu ngân sách**  
lũy kế so với cùng kỳ

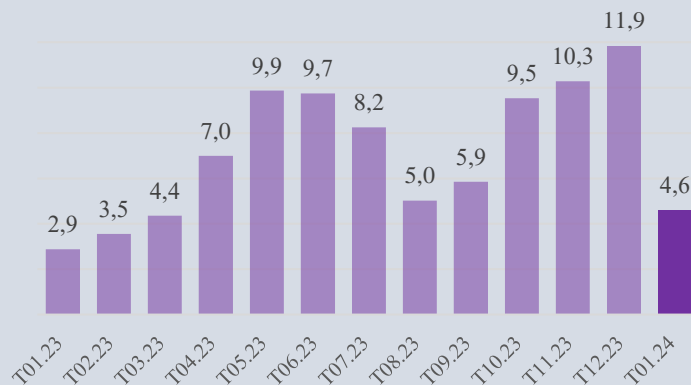
**Tổng thu ngân sách nhà nước**  
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



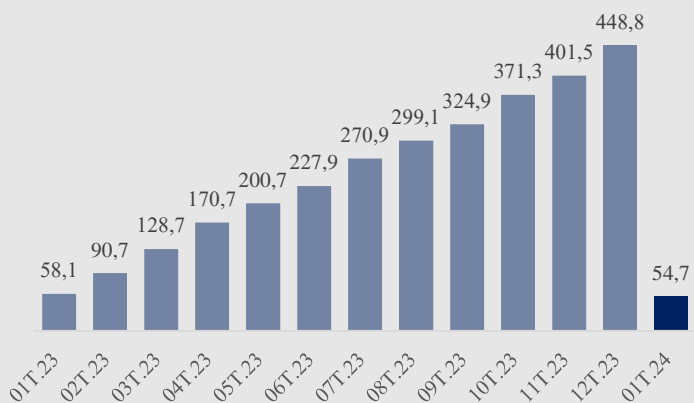
▲  
60,3%

**Chi ngân sách (trừ tạm ứng)**  
lũy kế so với cùng kỳ

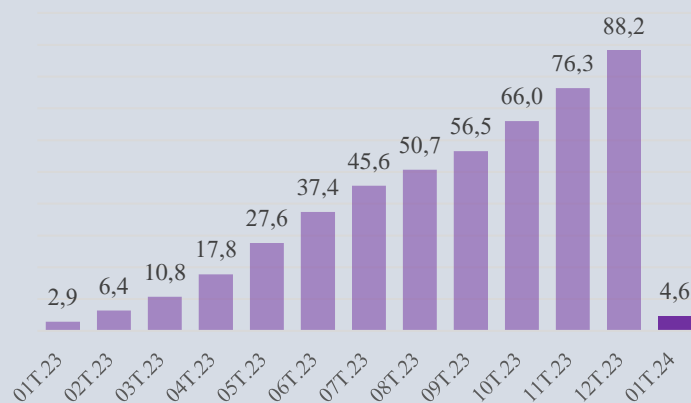
**Tổng chi ngân sách trừ tạm ứng**  
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



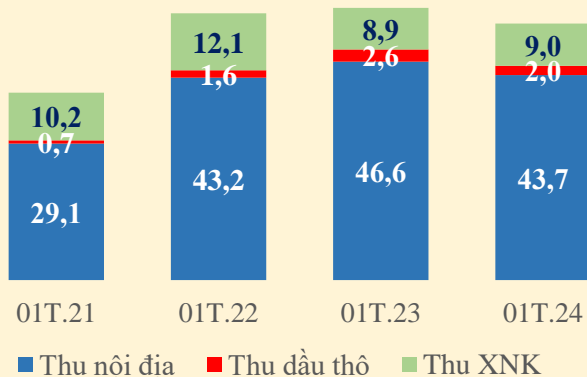
**Tổng thu ngân sách nhà nước**  
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



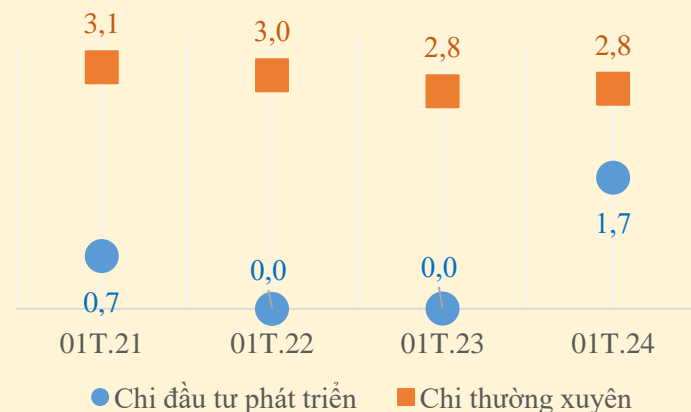
**Tổng chi ngân sách trừ tạm ứng**  
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



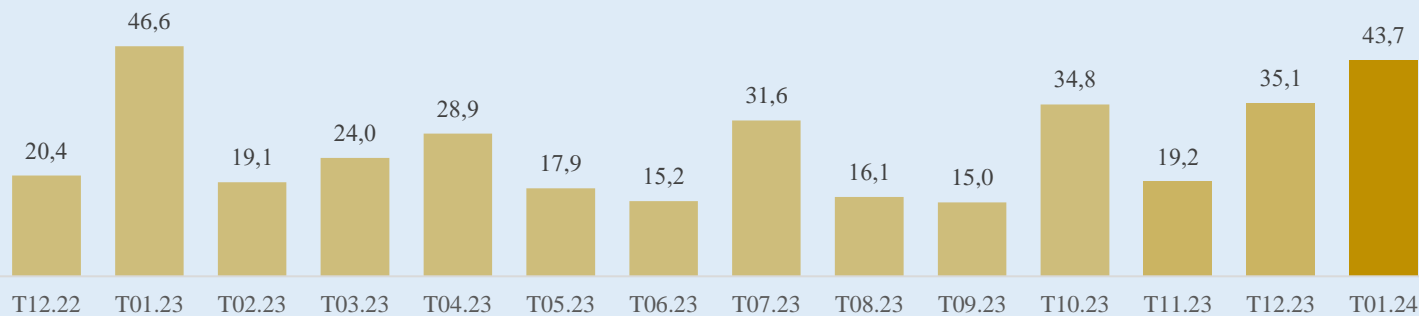
**Thu ngân sách các khu vực**  
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



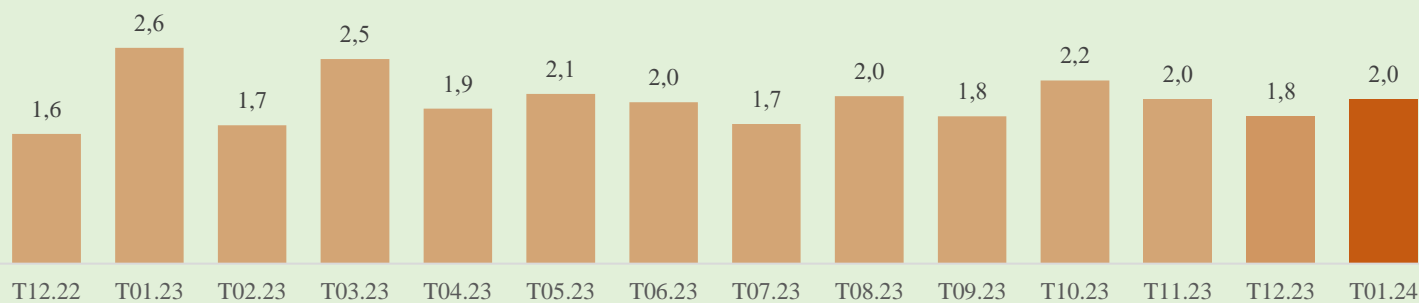
**Chi ngân sách lĩnh vực**  
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



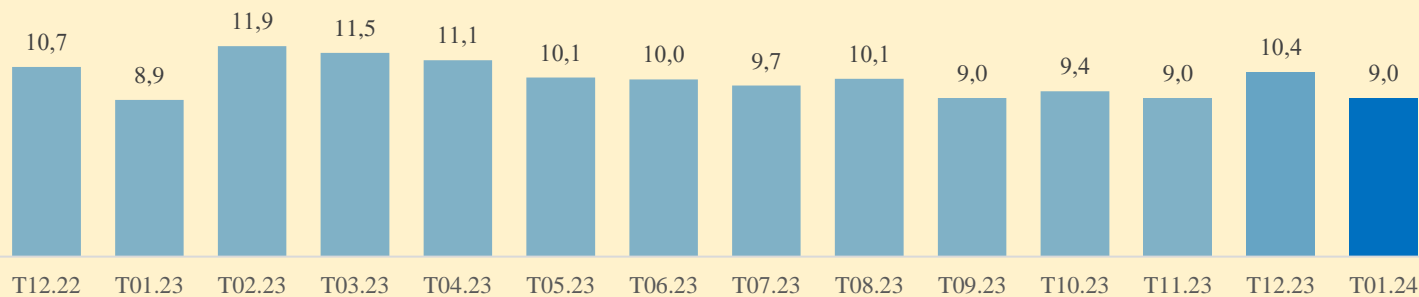
**Tổng thu ngân sách nhà nước từ thu nội địa**  
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



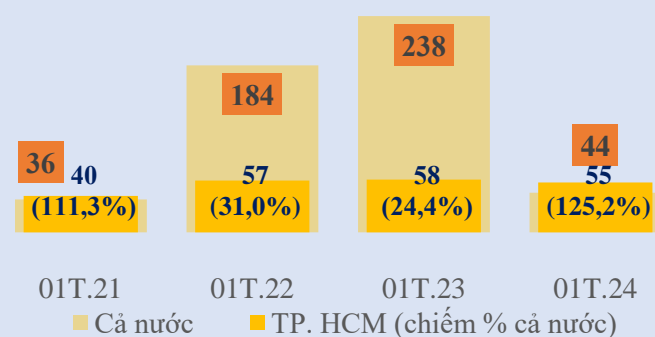
**Tổng thu ngân sách nhà nước từ dầu thô**  
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



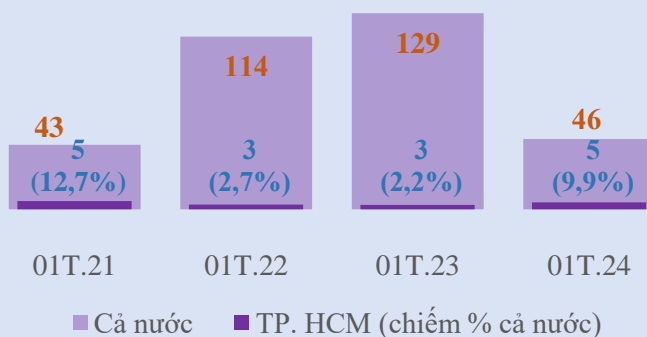
**Tổng thu ngân sách nhà nước từ xuất nhập khẩu**  
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



**Thu ngân sách nhà nước TP.HCM và Cả nước (lũy kế, nghìn tỷ đồng)**



**Chi ngân sách nhà nước TP.HCM và Cả nước (lũy kế, nghìn tỷ đồng)**

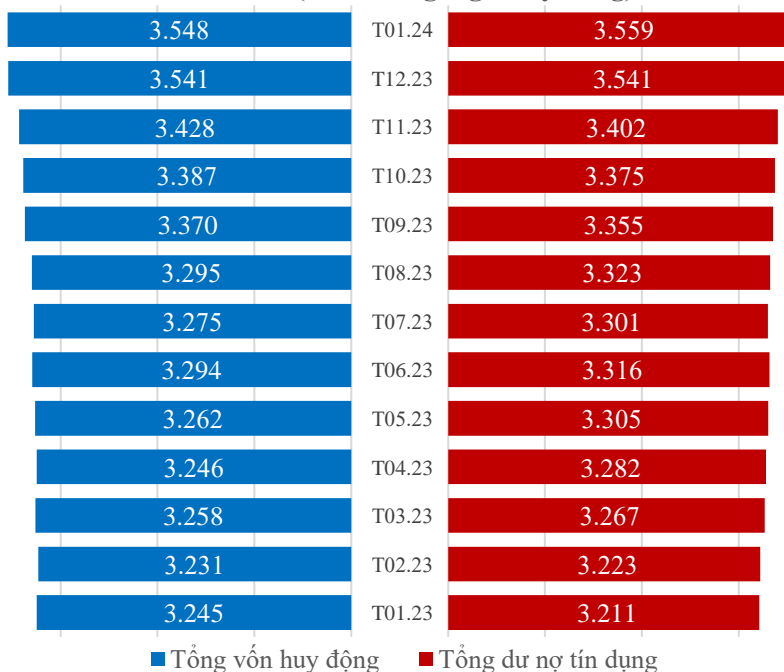


\* Thu, chi ngân sách cả nước ước tính đến 15/01/2024

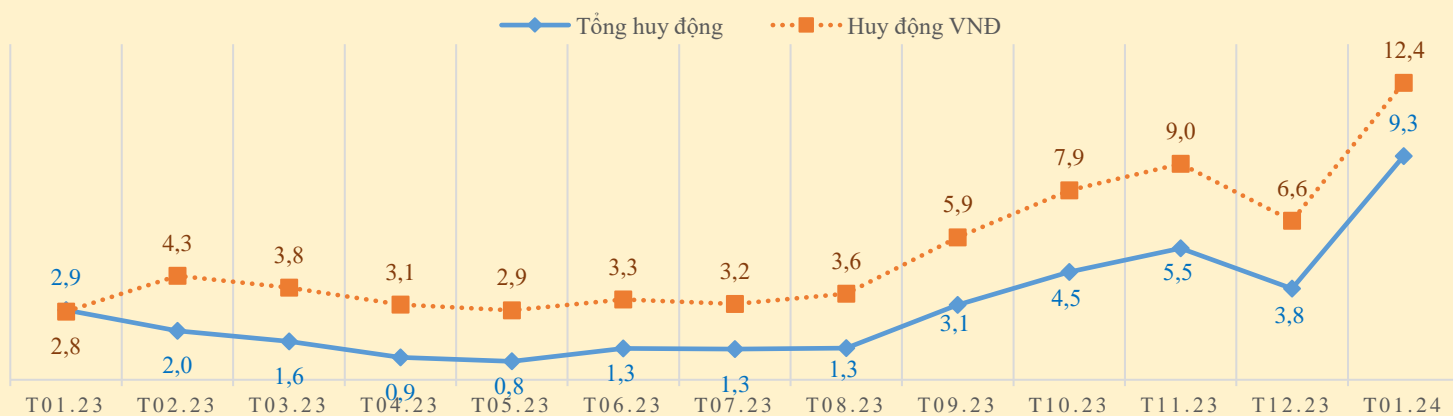


Hoạt động ngân hàng trên địa bàn Thành phố được duy trì ổn định, mặt bằng lãi suất, tỷ giá diễn biến theo đúng định hướng của Ngân hàng Nhà nước. Trong đó tỷ giá VNĐ/USD, giá vàng có diễn biến tăng so với cuối năm 2023 và lãi suất cho vay bằng VNĐ tại các Ngân hàng Thương mại đã giảm 2%-3%/năm tùy kỳ hạn so với cuối năm 2023. Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố tăng 9,3% và dư nợ tăng 10,8% so với cùng kỳ.

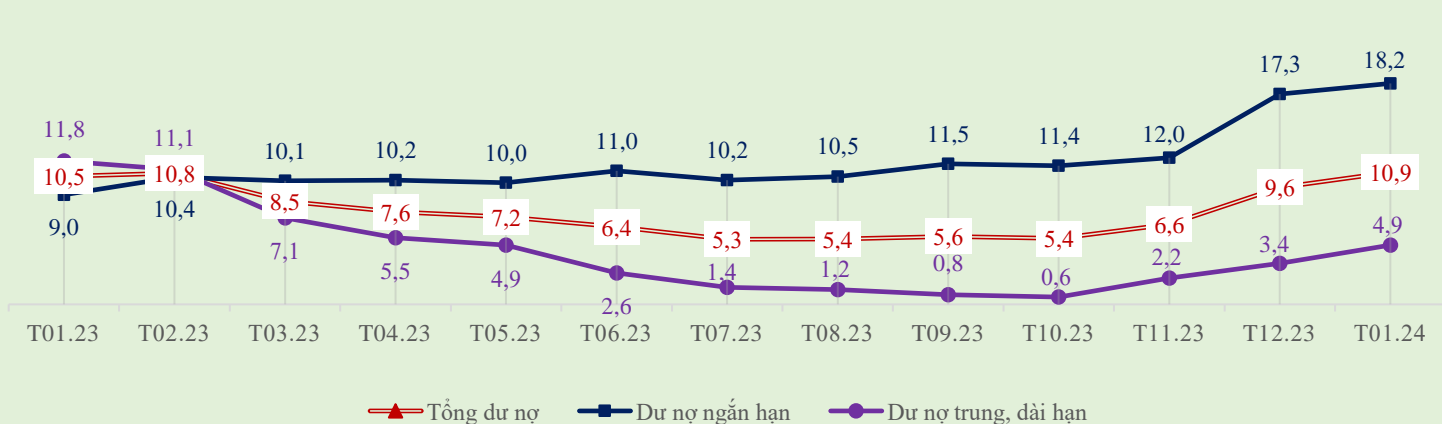
Tổng vốn huy động và dư nợ tín dụng trên địa bàn TP. HCM (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



Tốc độ tăng tổng vốn huy động so với cùng kỳ (theo tháng, %)



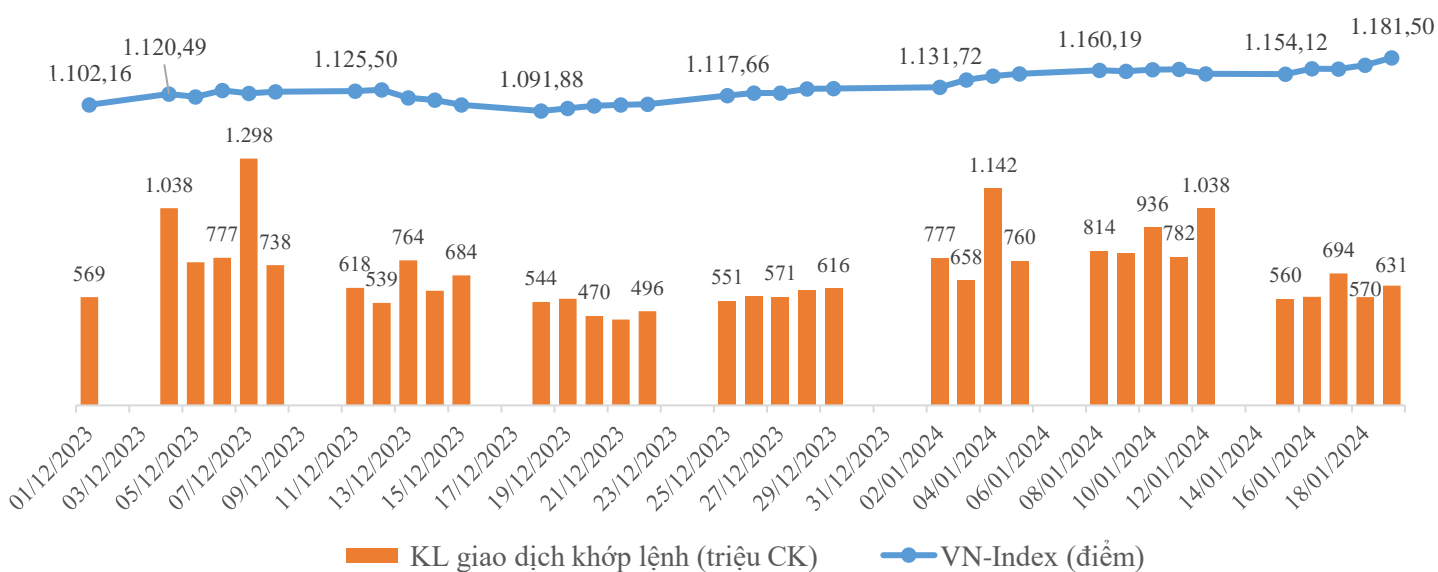
Tốc độ tăng dư nợ tín dụng so với cùng kỳ (theo tháng, %)



Tính cả năm 2023, khối lượng giao dịch trên sàn Hose tăng 11,9% về khối lượng nhưng giảm 14,7% về giá trị so với năm 2022. Chỉ số VN-Index trong tháng 12 có xu hướng tăng nhẹ và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của năm 2023 khi VN-Index đạt 1.129,93 điểm, tăng 12% so với 30/12/2022.

Bước sang phiên giao dịch ngày 02/01/2024, phiên giao dịch đầu năm 2024, thị trường tiếp tục khởi sắc khi VN-Index đạt 1.131,72 điểm, tăng 0,16% (tương ứng tăng 1,79 điểm) so với 29/12/2023.

**Khối lượng giao dịch khớp lệnh và Chỉ số VN-Index trên sàn Hose  
(tháng 12/2023 và có đến 19/01/2024)**

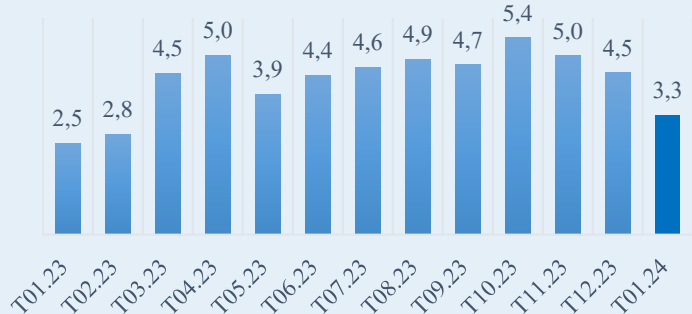


**Chỉ số VN-Index năm 2023 và có đến ngày 19/01/2024**

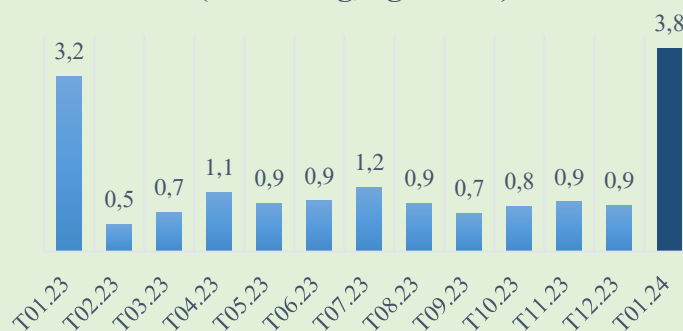


Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 20/01/2024, Thành phố cấp phép 3.303 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 39.020 tỷ đồng, tăng 30,2% về giấy phép và tăng 117,2% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, doanh nghiệp cấp phép ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có 06 doanh nghiệp, giảm 45,5% về cấp phép và giảm 22,5% về vốn so với cùng kỳ; ngành xây dựng – công nghiệp có 605 doanh nghiệp tăng 34,1% về cấp phép và tăng 19,3% về vốn; ngành thương mại, dịch vụ có 2.692 doanh nghiệp tăng 29,8% về cấp phép và tăng 149,8% về vốn.

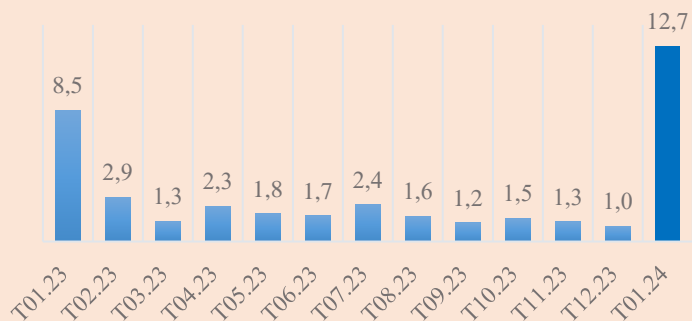
**Số DN thành lập mới  
(theo tháng, nghìn DN)**



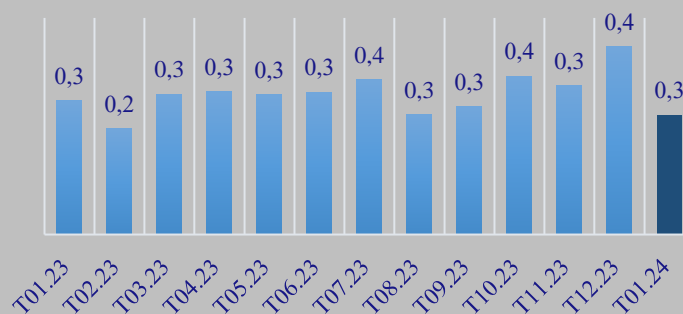
**Số DN quay lại hoạt động  
(theo tháng, nghìn DN)**



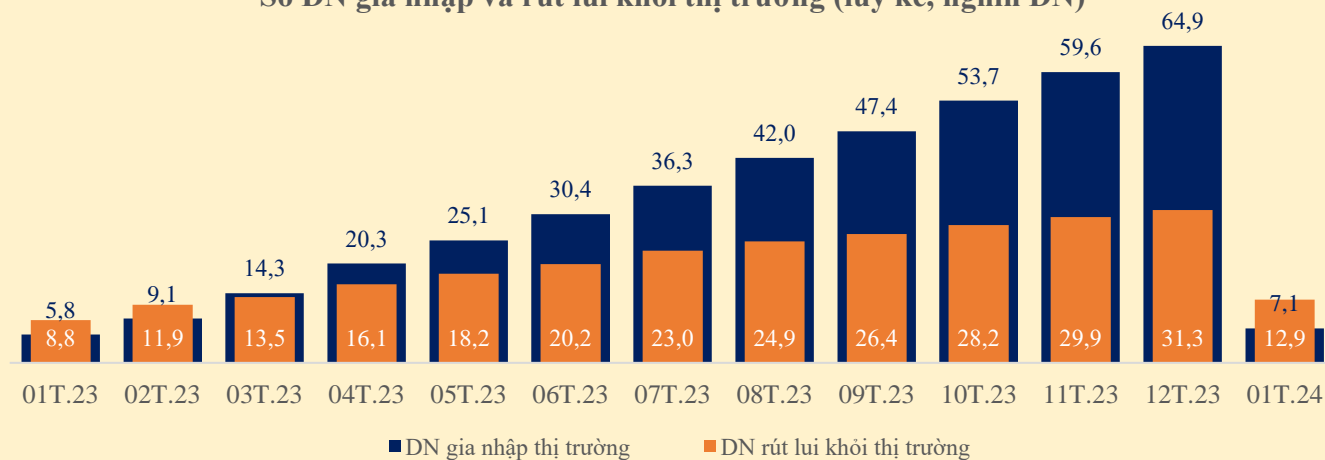
**Số DN tạm ngưng có thời hạn  
(theo tháng, nghìn DN)**



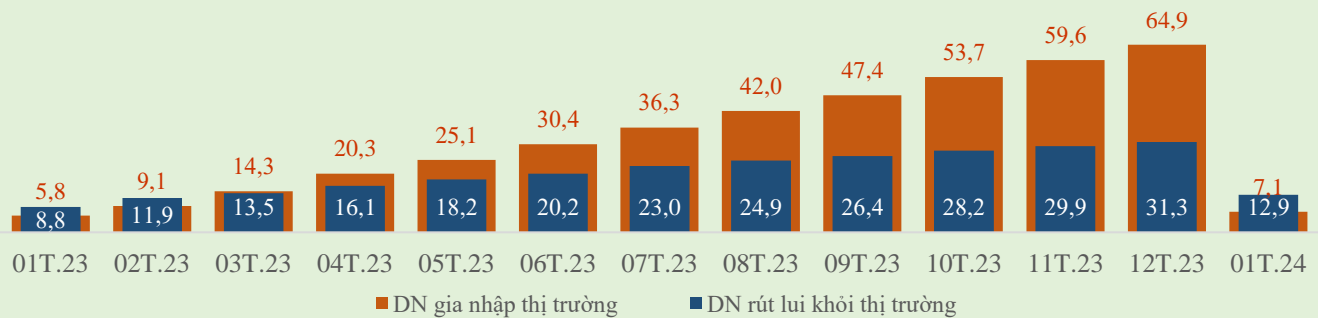
**Số DN chờ giải thể/giải thể  
(theo tháng, nghìn DN)**



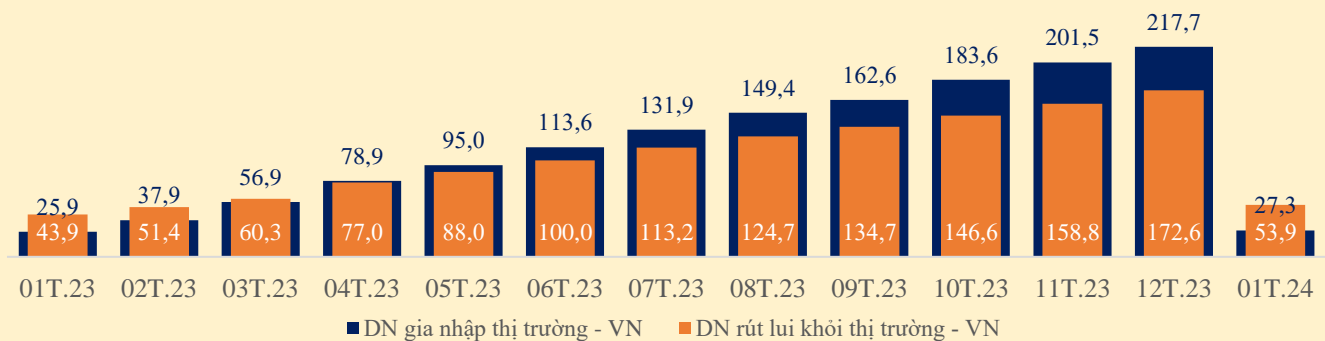
**Số DN gia nhập và rút lui khỏi thị trường (lũy kế, nghìn DN)**



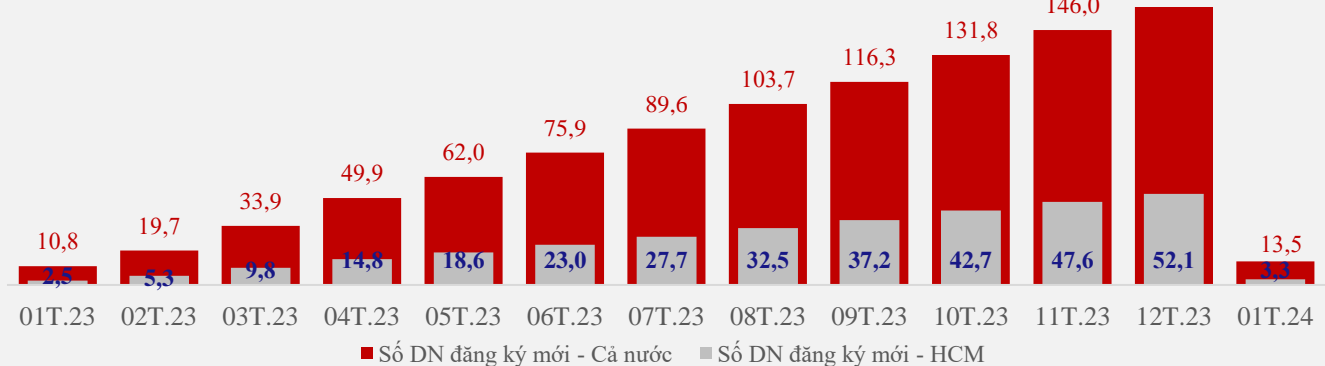
Số DN gia nhập và rút lui khỏi thị trường TP. HCM (lũy kế, nghìn DN)



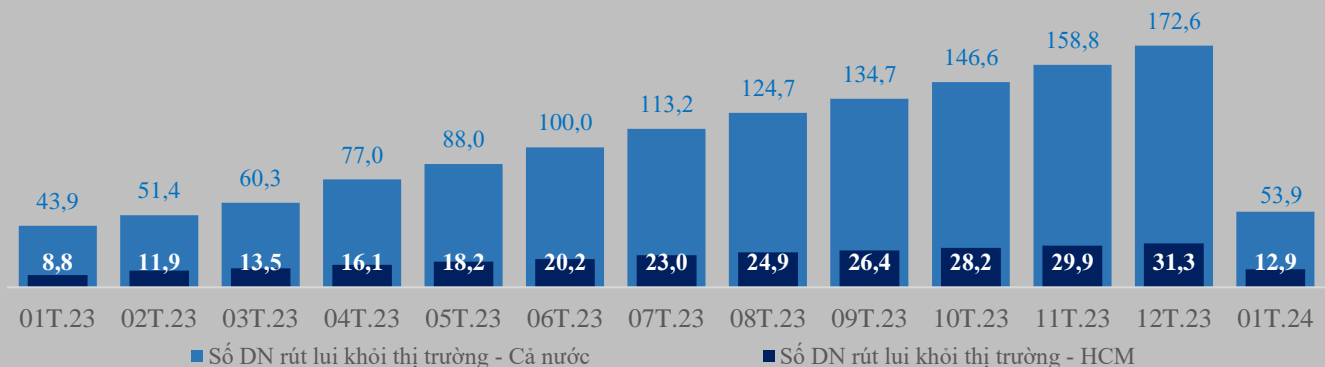
Số DN gia nhập và rút lui khỏi thị trường Cả nước (lũy kế, nghìn DN)



Số DN thành lập mới của TP. HCM và Cả nước (lũy kế, nghìn DN)

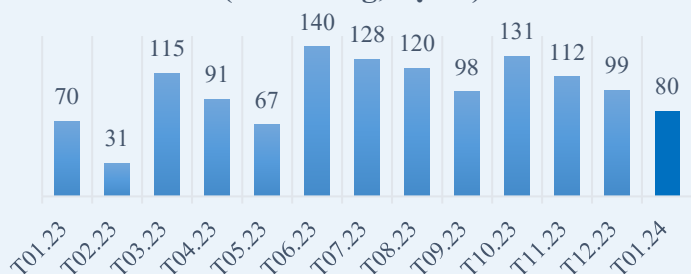


Số DN rút lui khỏi thị trường của TP. HCM và Cả nước (lũy kế, nghìn DN)

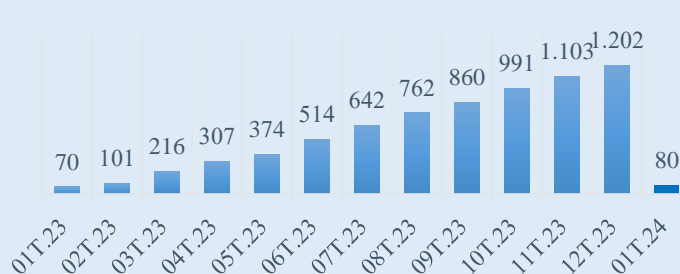


Từ 01/01/2024 đến 20/01/2024, Thành phố cấp mới 80 dự án FDI với vốn đăng ký đạt 23,8 triệu USD, bằng 27,4% so với cùng kỳ. Ngoài ra, có 07 dự án điều chỉnh vốn đăng ký với vốn điều chỉnh đạt 8,9 triệu USD, bằng 23,7% so với cùng kỳ; có 136 trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện với góp vốn là 93,0 triệu USD, tăng 70,1% về vốn so với cùng kỳ.

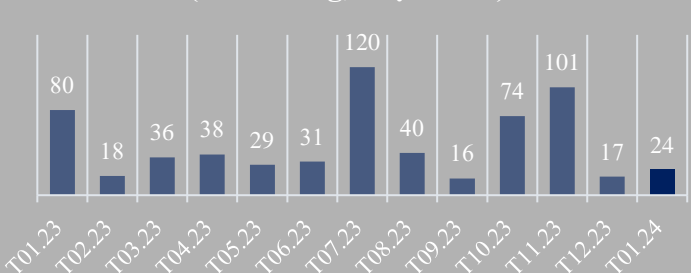
Số dự án FDI cấp mới  
(theo tháng, dự án)



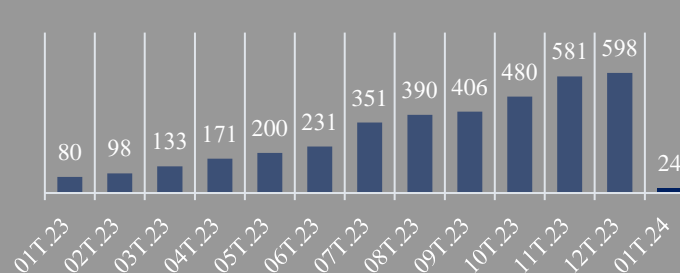
Số dự án FDI cấp mới  
(lũy kế, dự án)



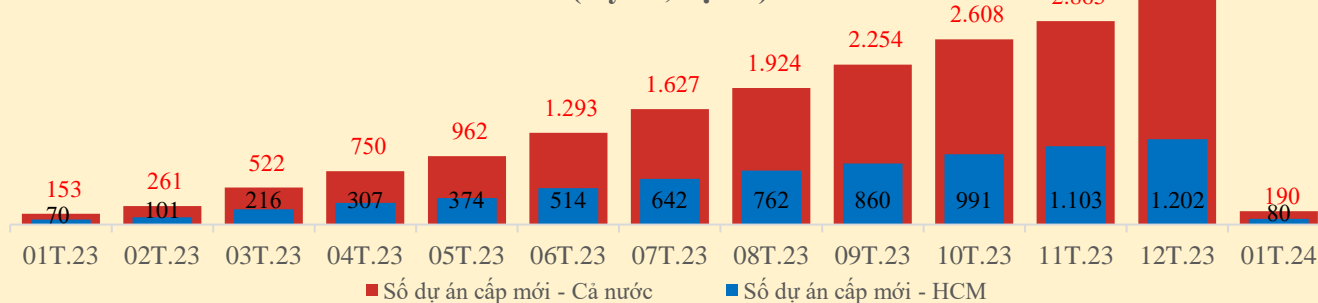
Vốn FDI đăng ký mới  
(theo tháng, triệu USD)



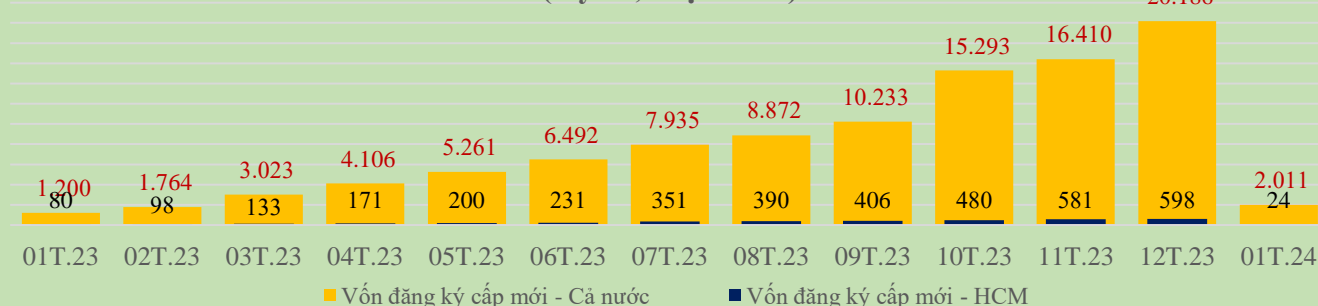
Vốn FDI đăng ký mới  
(lũy kế, triệu USD)



Số dự án FDI đăng ký mới của TP. HCM so với Cả nước  
(lũy kế, dự án)



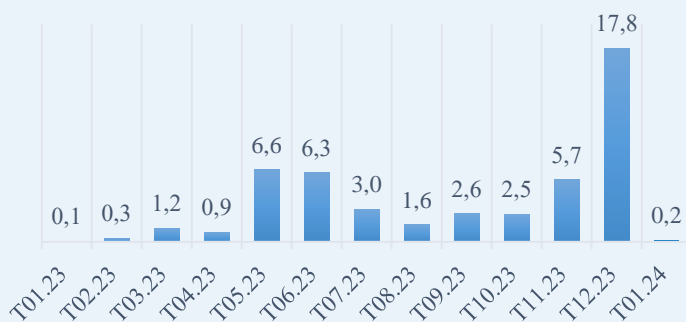
Vốn FDI đăng ký mới của TP. HCM so với Cả nước  
(lũy kế, triệu USD)



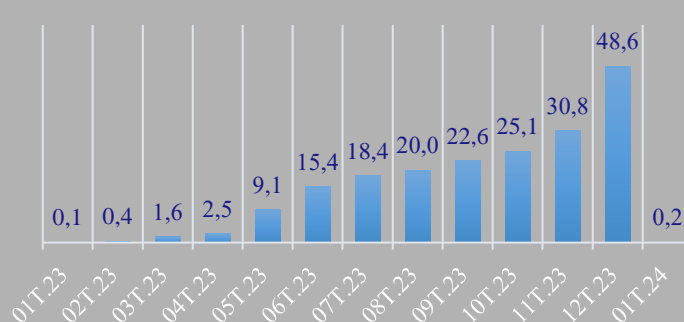
Vốn đầu tư công năm 2024 Thành phố được giao là 74.395,1 tỷ đồng. Tính đến hết ngày 26/01/2024, Thành phố đã giải ngân là 47.530,4 tỷ đồng, đạt 65,0% so với Kế hoạch Thủ tướng giao và ước tính đến hết tháng 01 năm 2024, giải ngân đạt 70% so với Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm: Dự án đường sắt Bến Thành – Suối Tiên đã hoàn thành 97% khối lượng; Dự án song hành Quốc lộ 50 đạt trên 38,5% khối lượng và đoạn mở rộng Quốc lộ 50 hiện hữu đã đủ điều kiện khởi công; Dự án Thành phần 2 đường Vành đai 3 Thành phố bàn giao mặt bằng đạt tỉ lệ hơn 97,2%; Dự án Thành phần 1 đường Vành đai 3 Thành phố đã triển khai 10 gói thầu xây lắp và 04 gói thầu đã được khởi công.

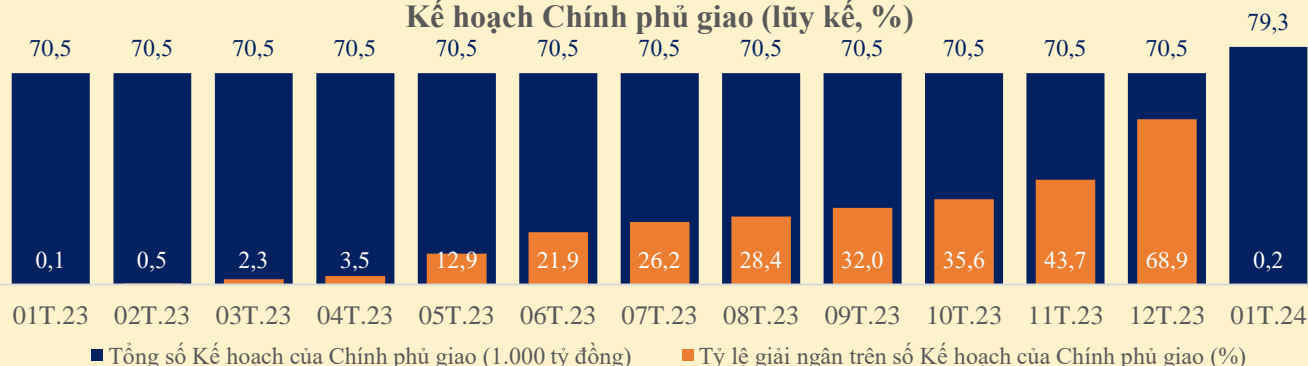
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



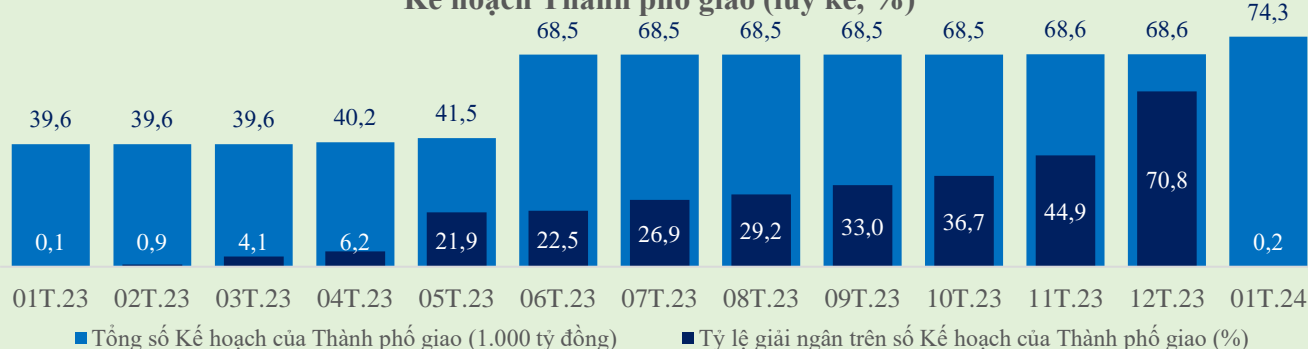
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước so với Kế hoạch Chính phủ giao (lũy kế, %)



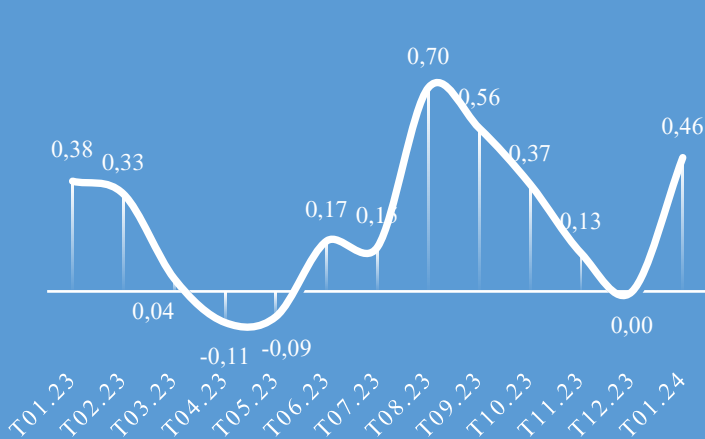
Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước so với Kế hoạch Thành phố giao (lũy kế, %)



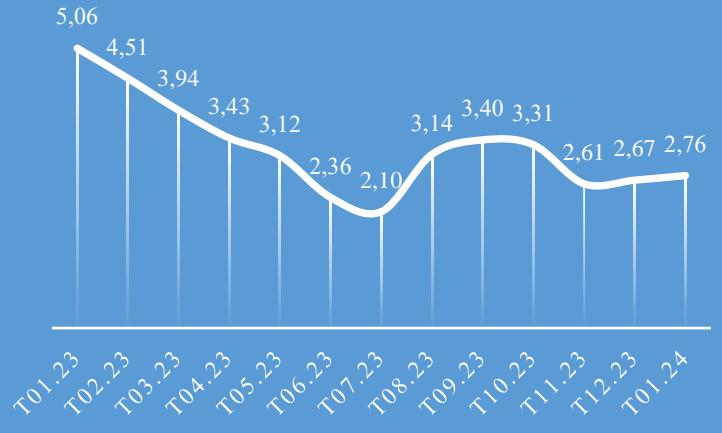
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01 năm 2024 tăng 0,46% so với tháng trước. Trong đó, 03/11 nhóm hàng hóa giảm so với tháng trước gồm bưu chính viễn thông giảm 0,09%, hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,02% và giáo dục giảm 0,01%; 08/11 nhóm còn lại đều tăng, tăng cao nhất là nhóm thuốc và dịch vụ y tế với 7,76%.

Chỉ số giá vàng, đô la Mỹ tháng 01 năm 2024 tăng lần lượt 3,32%, 0,54% so với tháng trước và tăng 13,75%, 3,68% so với cùng kỳ.

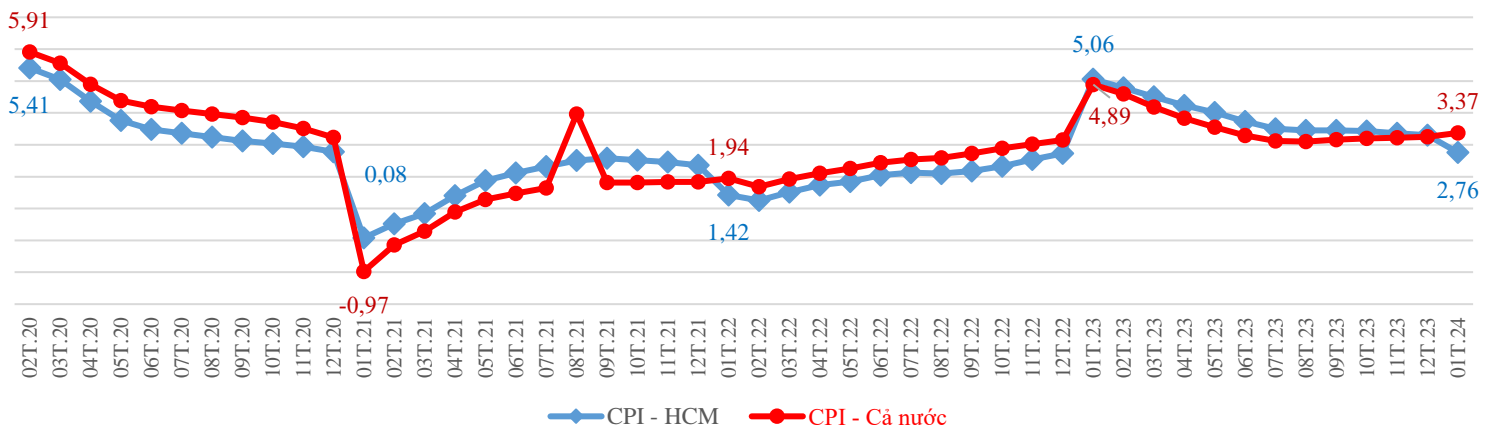
CPI so với tháng trước (theo tháng, %)



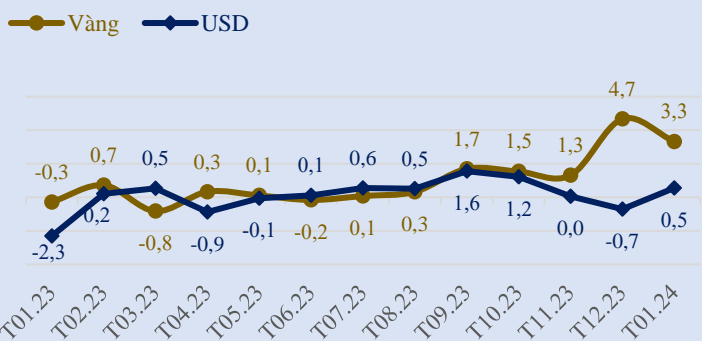
CPI so với tháng cùng kỳ (theo tháng, %)



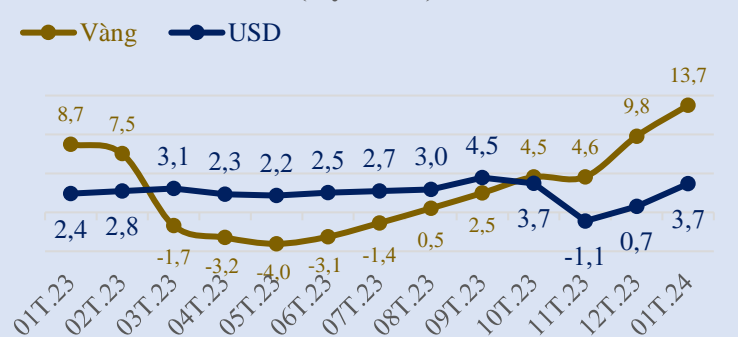
CPI bình quân của TP. HCM và Cả nước (lũy kế, %)



Giá vàng &amp; USD so với tháng trước (theo tháng, %)

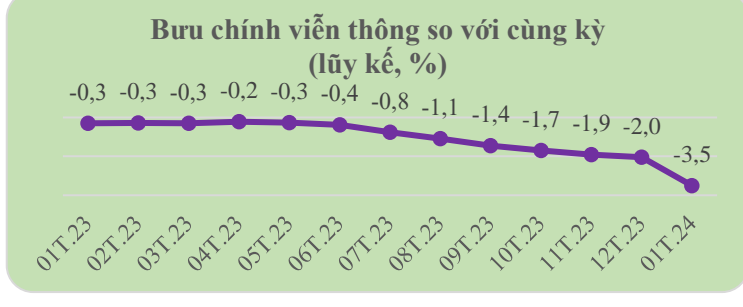
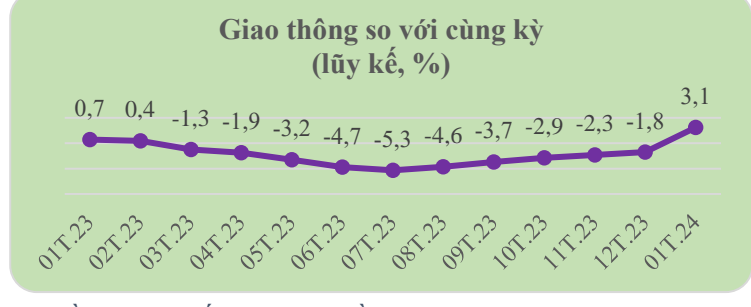
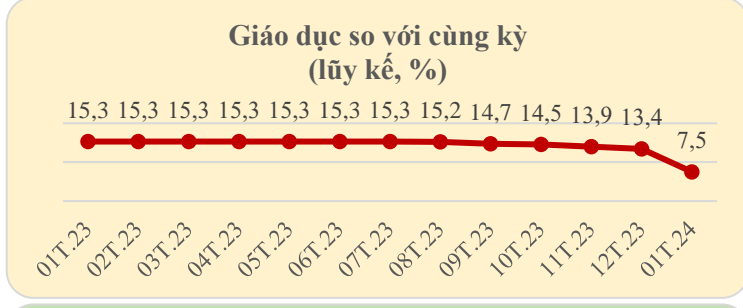
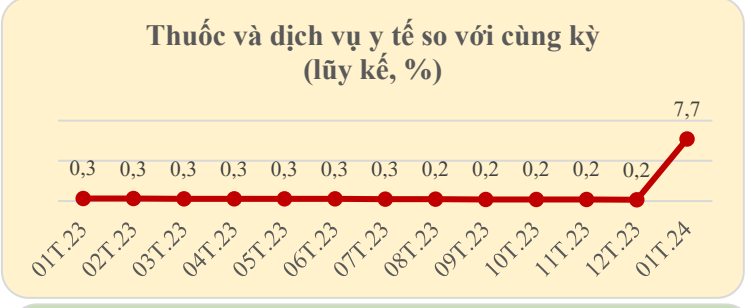
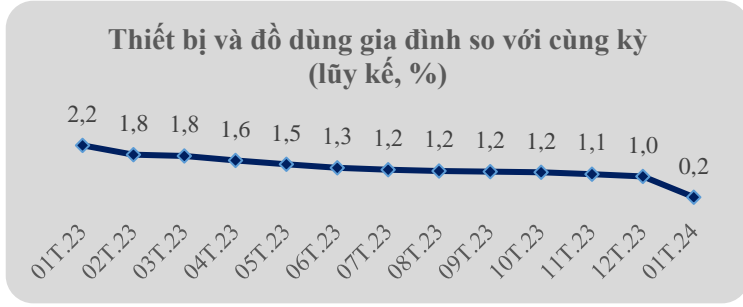
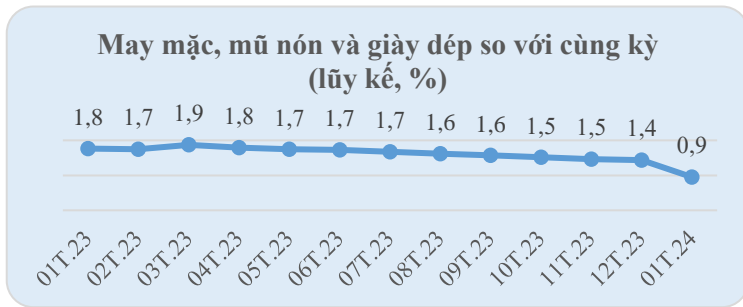
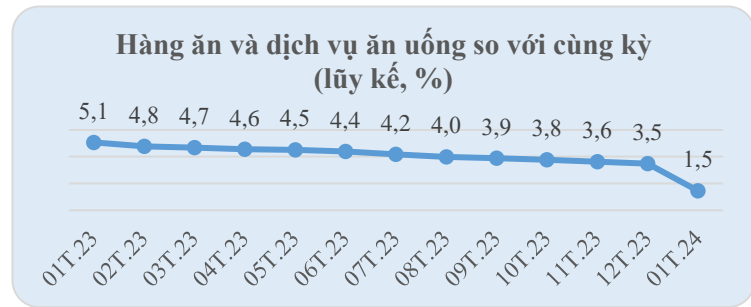
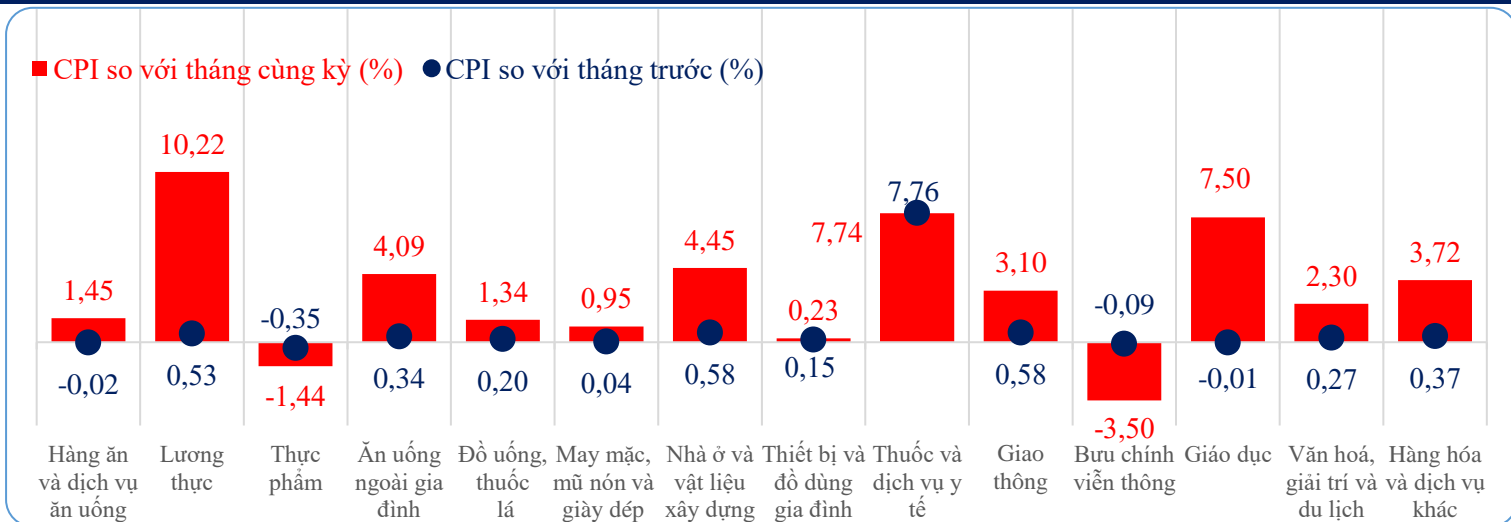


Giá vàng &amp; USD lũy kế so với cùng kỳ (lũy kế, %)



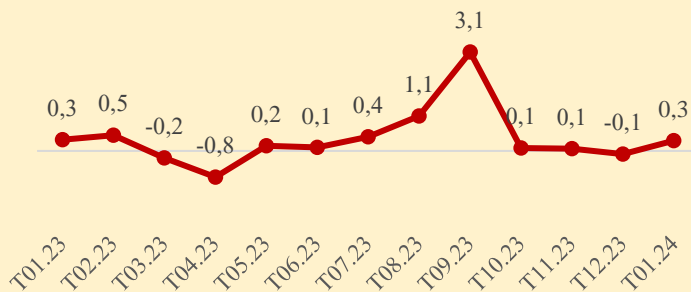
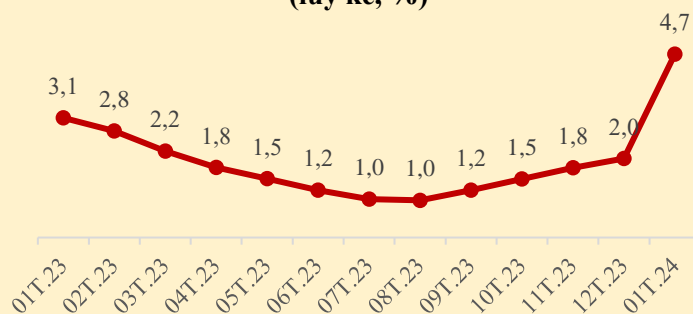
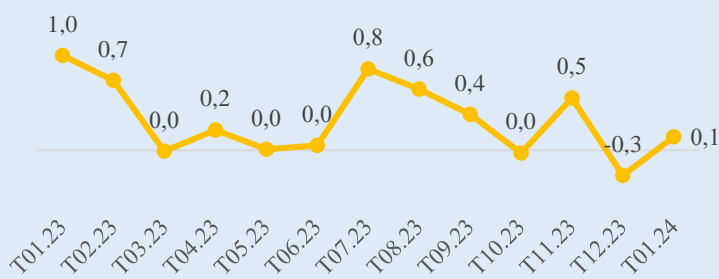
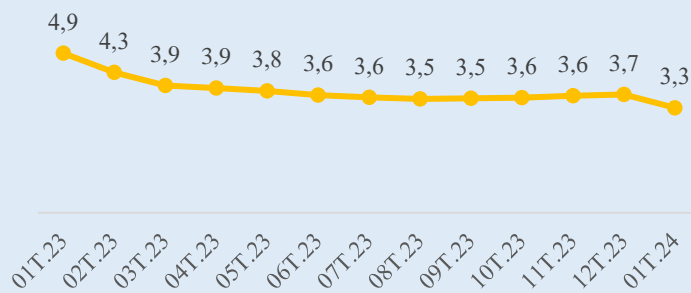
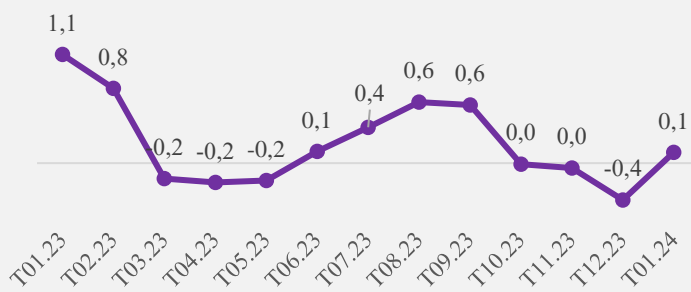
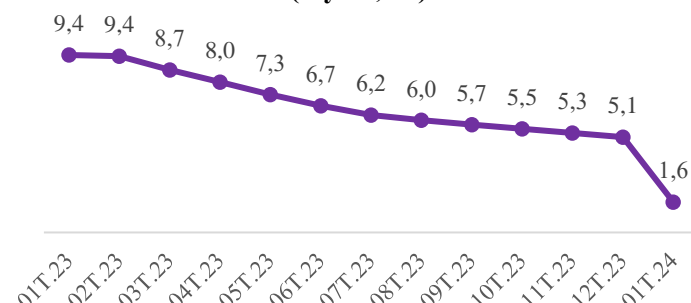
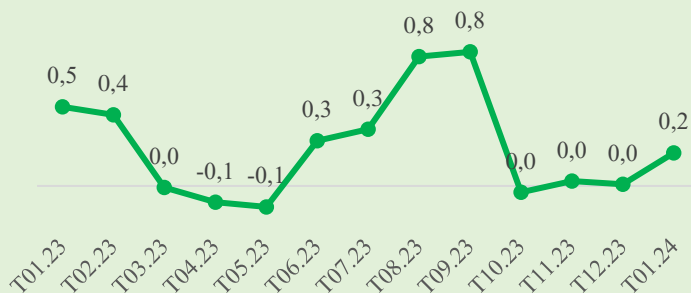
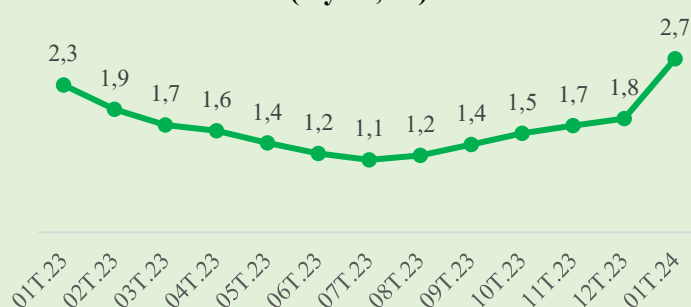


Chỉ số giá tiêu dùng CPI - theo các nhóm hàng



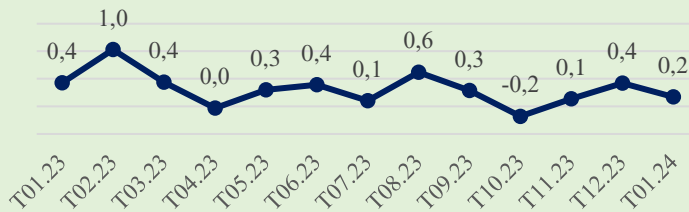
Nguồn: Cục Thống kê TP. Hồ Chí Minh

## Chỉ số giá tiêu dùng CPI của các Thành phố trực thuộc Trung ương

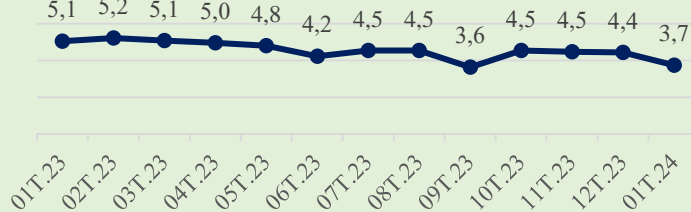
**Hà Nội: CPI so với tháng trước**  
(theo tháng, %)**Hà Nội: CPI lũy kế so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)**Hải Phòng: CPI so với tháng trước**  
(theo tháng, %)**Hải Phòng: CPI lũy kế so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)**Đà Nẵng: CPI so với tháng trước**  
(theo tháng, %)**Đà Nẵng: CPI lũy kế so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)**Cần Thơ: CPI so với tháng trước**  
(theo tháng, %)**Cần Thơ: CPI lũy kế so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)

## Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ

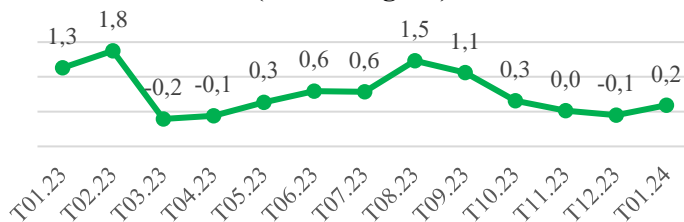
**Bình Phước: CPI so với tháng trước**  
(theo tháng, %)



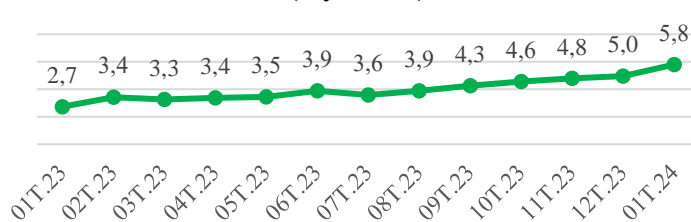
**Bình Phước: CPI so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)



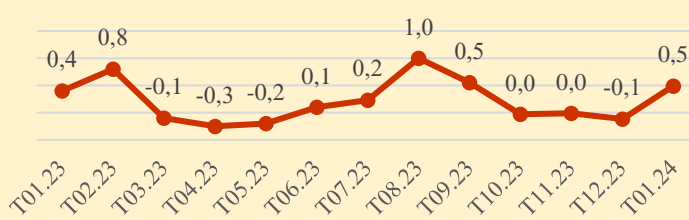
**Tây Ninh: CPI so với tháng trước**  
(theo tháng, %)



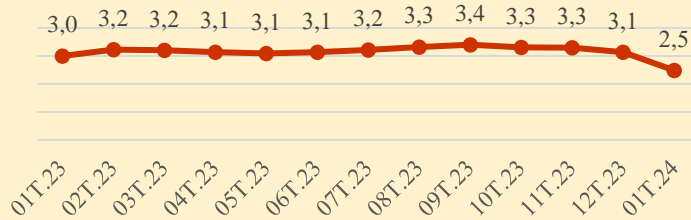
**Tây Ninh: CPI so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)



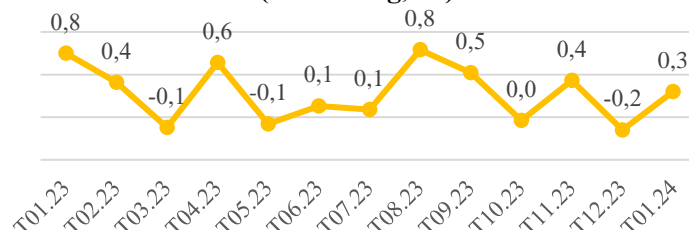
**Bình Dương: CPI so với tháng trước**  
(theo tháng, %)



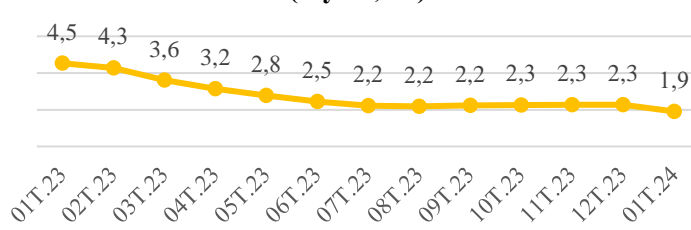
**Bình Dương: CPI so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)



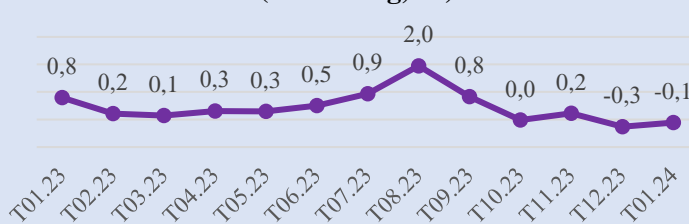
**Đồng Nai: CPI so với tháng trước**  
(theo tháng, %)



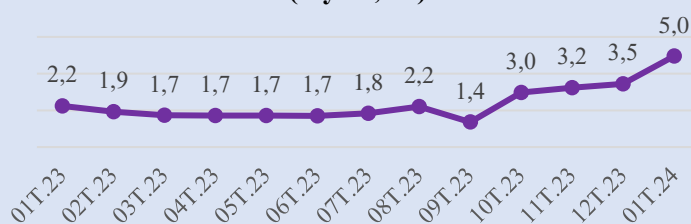
**Đồng Nai: CPI so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)



**Bà Rịa-Vũng Tàu: CPI so với tháng trước**  
(theo tháng, %)



**Bà Rịa-Vũng Tàu: CPI so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)

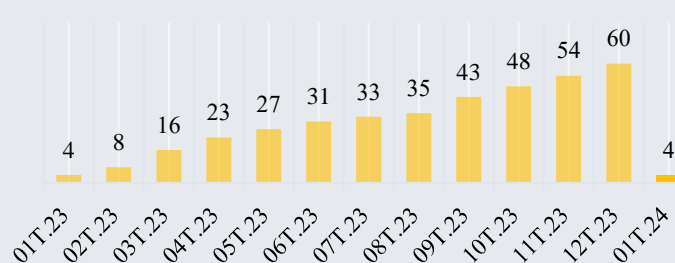


Trong tháng 01 năm 2024, hoạt động chăn nuôi trên địa bàn Thành phố tiếp tục được duy trì, tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt và chuẩn bị sản lượng thịt, trứng, sữa cung cấp cho thị trường dịp tết Nguyên đán. Sản lượng thủy sản ước đạt 4.832 tấn, giảm 2,9% so với cùng kỳ.

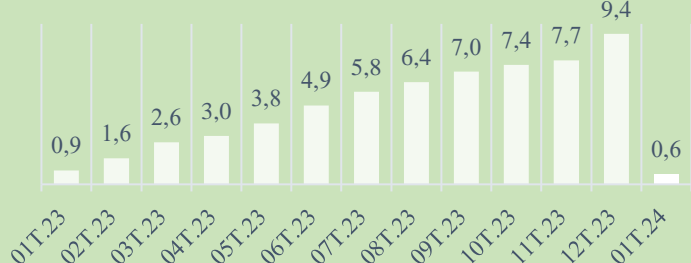
**Sản lượng thịt trâu hơi  
(lũy kế, nghìn tấn)**



**Sản lượng thịt lợn hơi  
(lũy kế, nghìn tấn)**



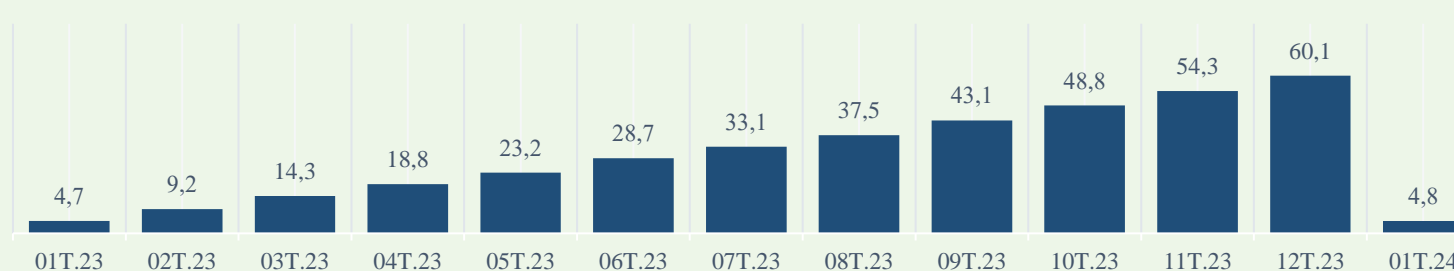
**Sản lượng thịt bò hơi  
(lũy kế, nghìn tấn)**



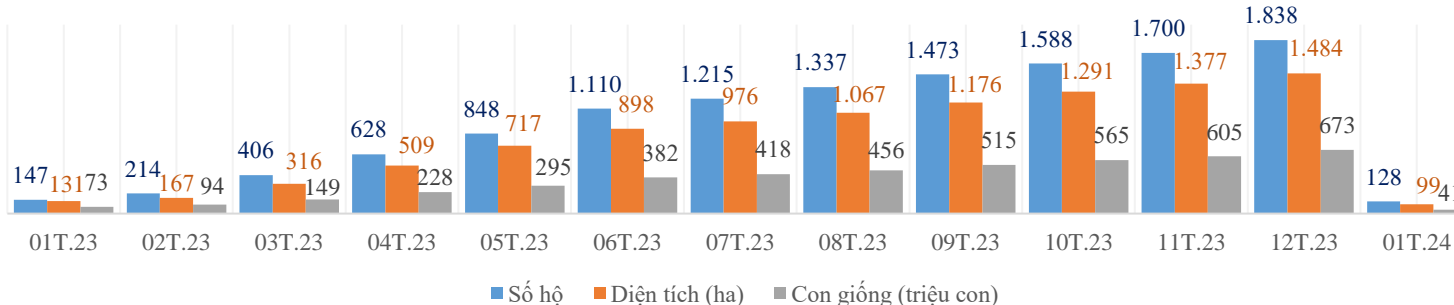
**Sản lượng sữa bò tươi  
(lũy kế, nghìn tấn)**



**Tổng sản lượng thủy sản  
(lũy kế, nghìn tấn)**



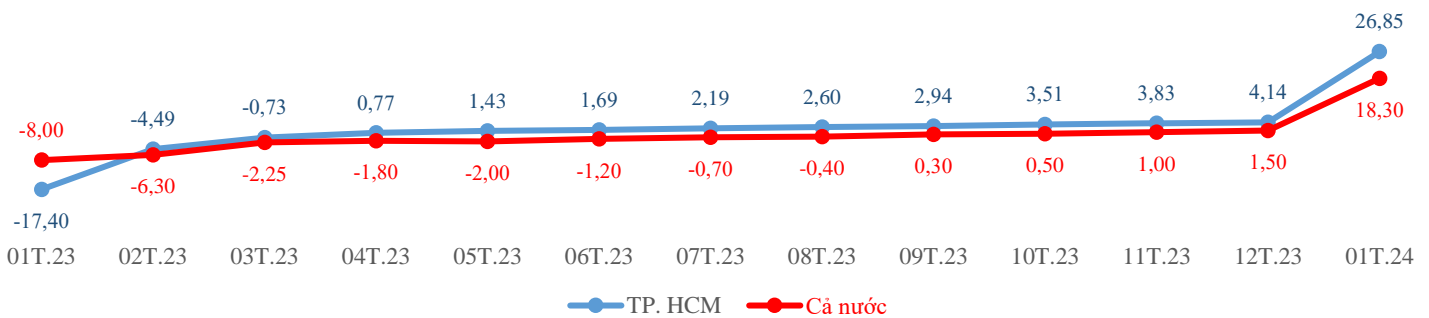
**Số lượng hộ, diện tích và con giống tôm thẻ chân trắng thả nuôi  
(lũy kế)**



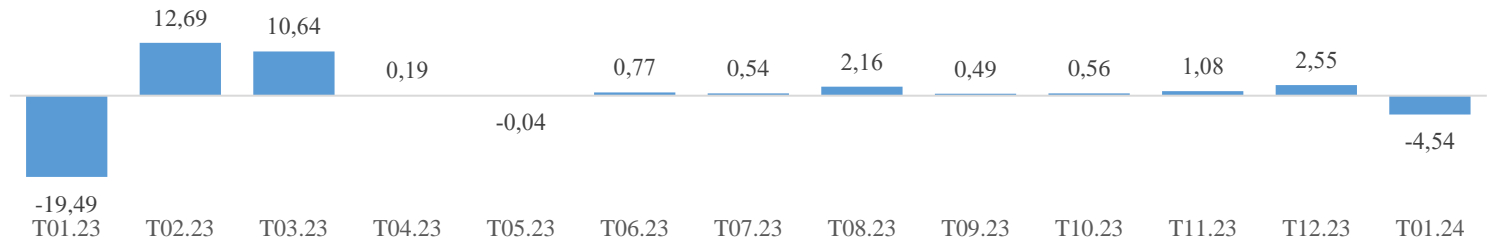
Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 01 năm 2024 ước tính tăng 26,9% so với cùng kỳ. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 27,2%; sản xuất và phân phối điện tăng 31,1%; cung cấp nước và xử lý nước thải tăng 10,7%, riêng 04 ngành công nghiệp trọng điểm tăng 29,1% và 03 ngành công nghiệp truyền thống tăng 22,3%.

Hoạt động công nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn khi chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế

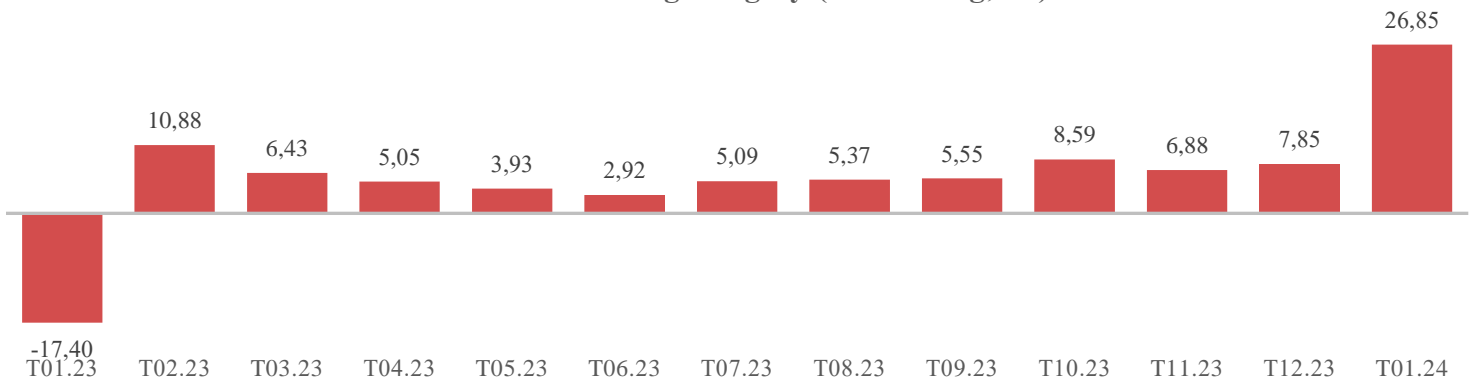
IIP của TP. HCM và Cả nước (lũy kế, %)



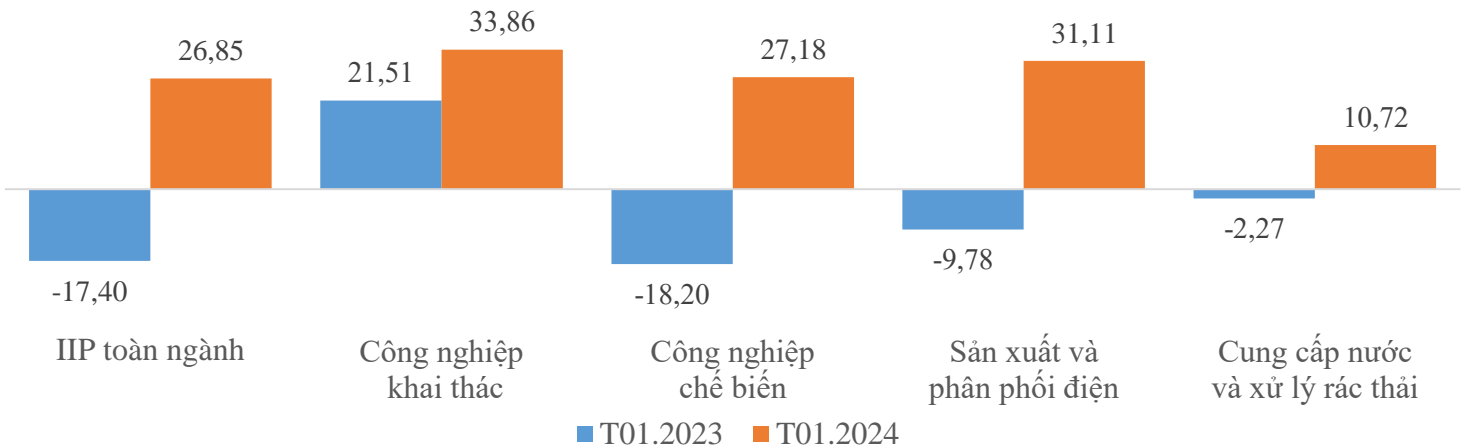
IIP so với tháng trước (theo tháng, %)



IIP so với tháng cùng kỳ (theo tháng, %)



## IIP các ngành (% so với cùng kỳ)

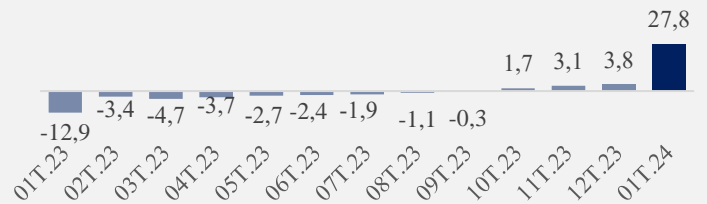


## Chỉ số ngành chế biến, chế tạo

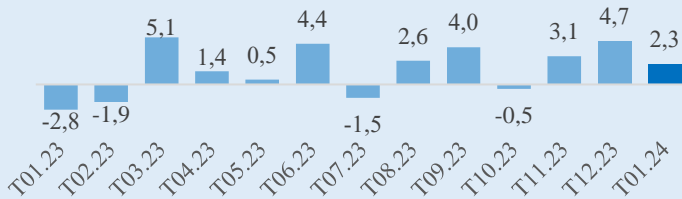
## Chỉ số tiêu thụ so với tháng trước (theo tháng, %)



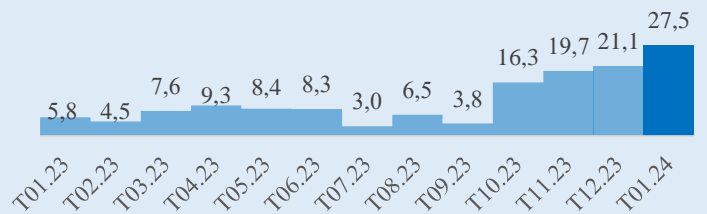
## Chỉ số tiêu thụ so với cùng kỳ (lũy kế, %)



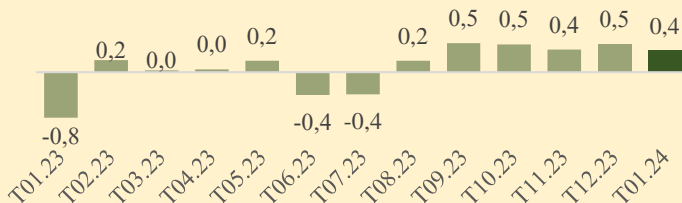
## Chỉ số tồn kho so với tháng trước (theo tháng, %)



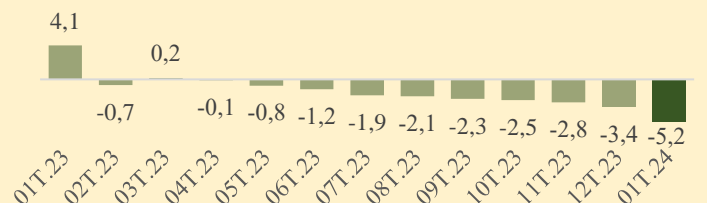
## Chỉ số tồn kho so với cùng kỳ (theo tháng, %)



## Chỉ số lao động so với tháng trước (theo tháng, %)

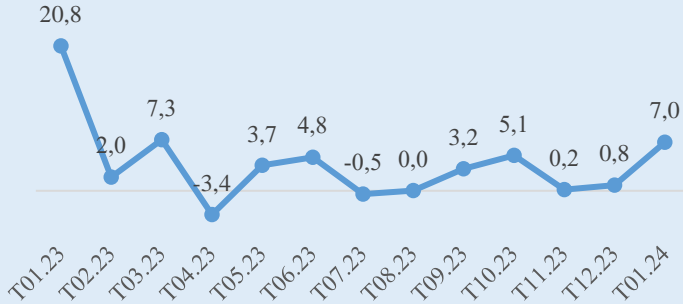


## Chỉ số lao động so với cùng kỳ (lũy kế, %)

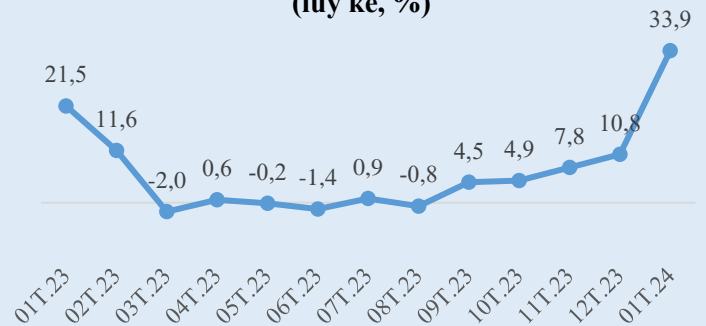


## Chỉ số IIP một số ngành công nghiệp chủ yếu

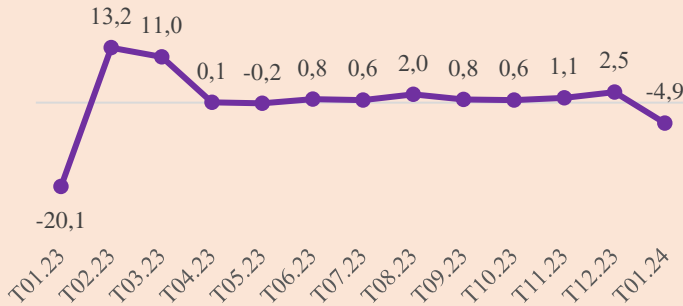
**Ngành khai thác so với tháng trước**  
(theo tháng, %)



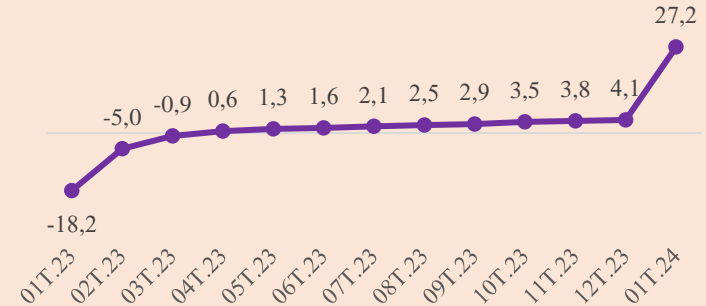
**Ngành khai thác so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)



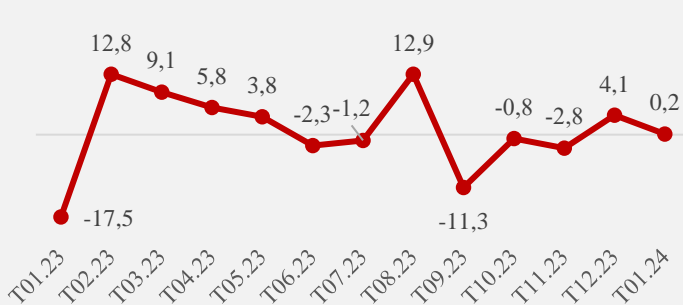
**Chế biến, chế tạo so với tháng trước**  
(theo tháng, %)



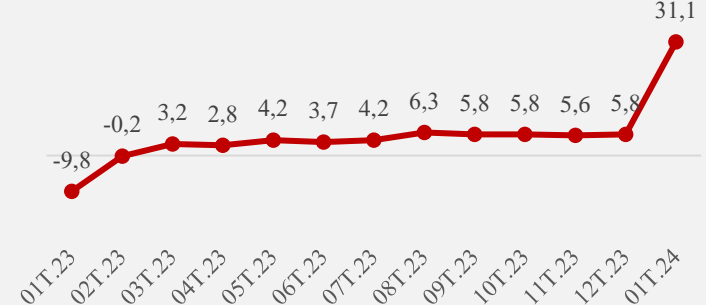
**Chế biến, chế tạo so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)



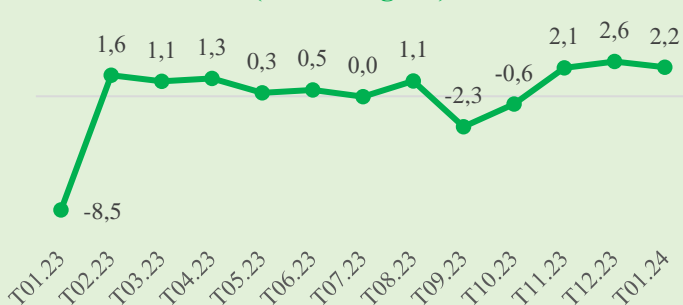
**Điện so với tháng trước**  
(theo tháng, %)



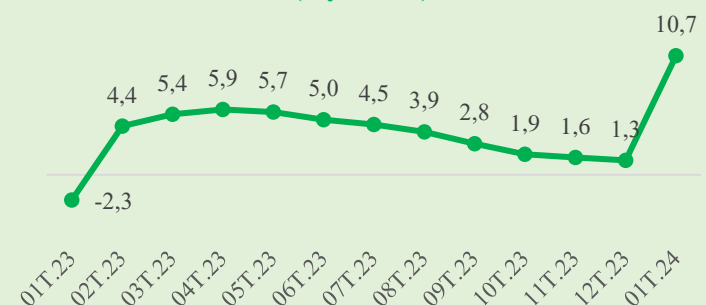
**Điện so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)



**Nước và rác thải so với tháng trước**  
(theo tháng, %)

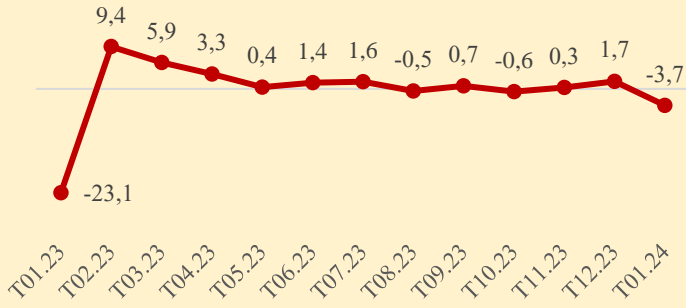
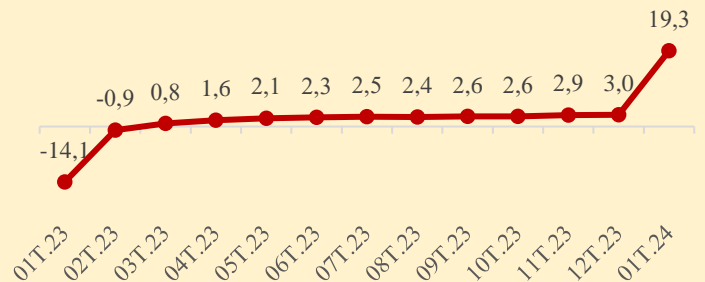
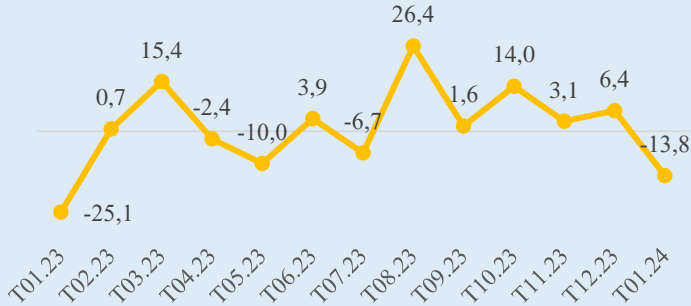
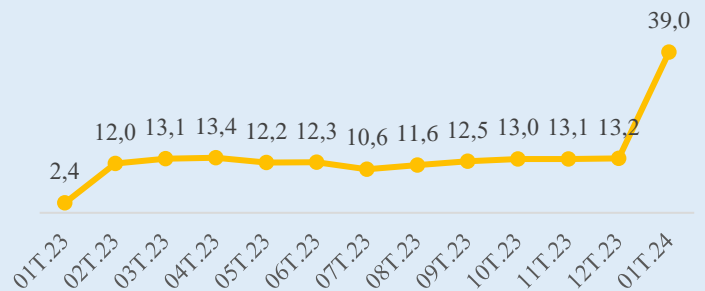
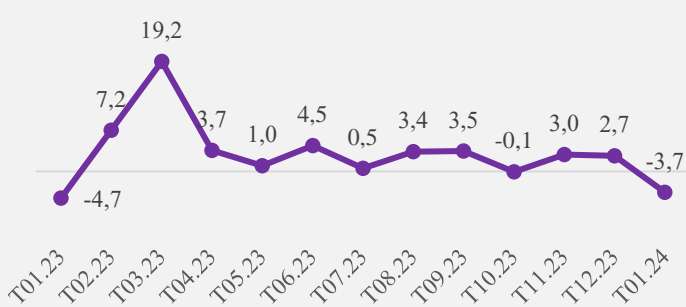
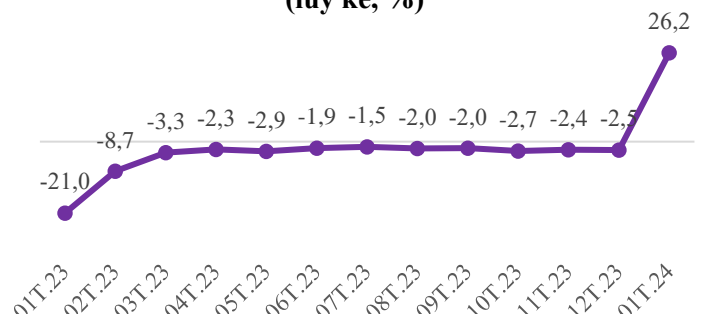
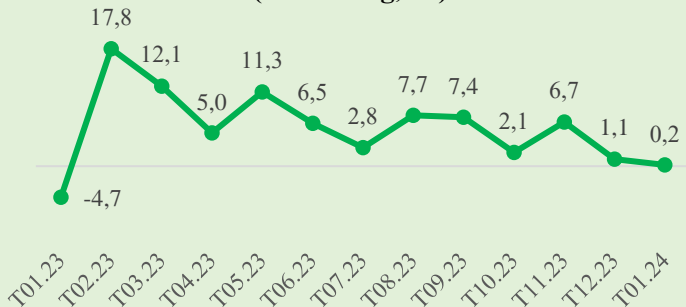
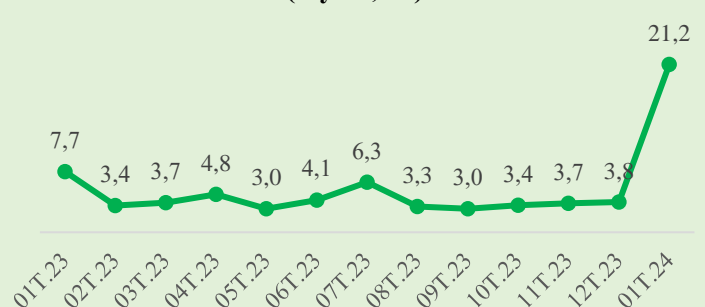


**Nước và rác thải so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)



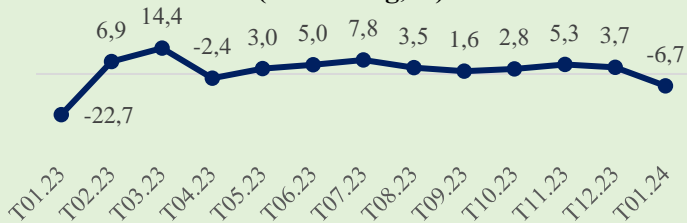


## Chỉ số IIP của các Thành phố trực thuộc Trung ương

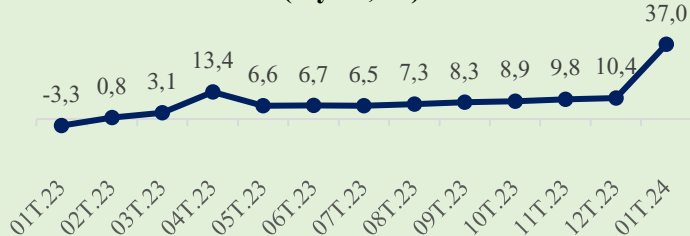
**Hà Nội: IIP so với tháng trước**  
(theo tháng, %)**Hà Nội: IIP so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)**Hải Phòng: IIP so với tháng trước**  
(theo tháng, %)**Hải Phòng: IIP so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)**Đà Nẵng: IIP so với tháng trước**  
(theo tháng, %)**Đà Nẵng: IIP so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)**Cần Thơ: IIP so với tháng trước**  
(theo tháng, %)**Cần Thơ: IIP so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)

## Chỉ số IIP của các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ

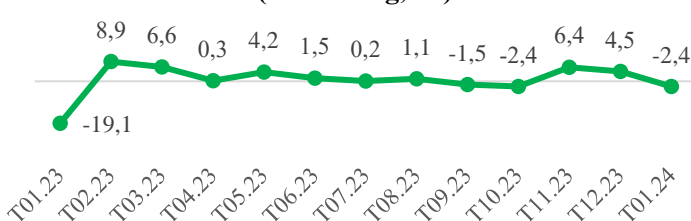
**Bình Phước: IIP so với tháng trước**  
(theo tháng, %)



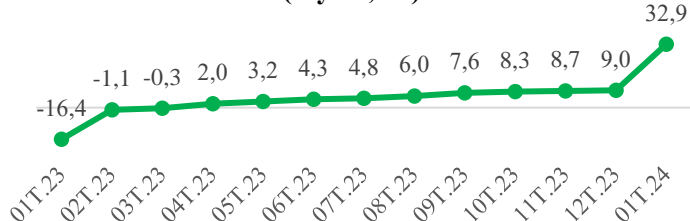
**Bình Phước: IIP so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)



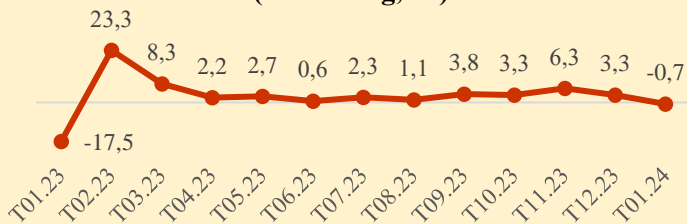
**Tây Ninh: IIP so với tháng trước**  
(theo tháng, %)



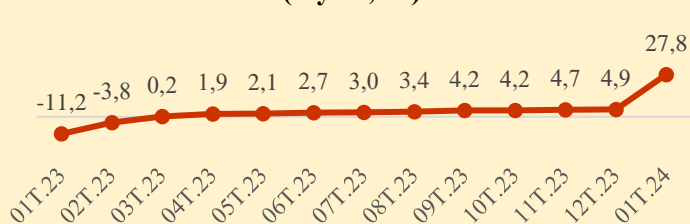
**Tây Ninh: IIP so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)



**Bình Dương: IIP so với tháng trước**  
(theo tháng, %)



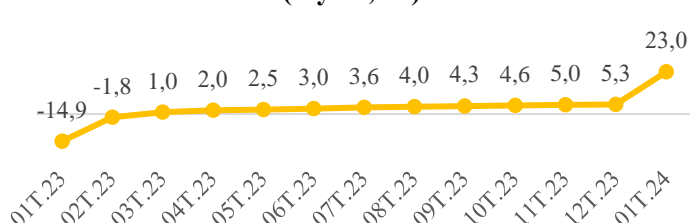
**Bình Dương: IIP so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)



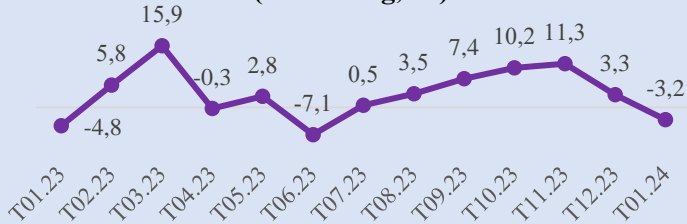
**Đồng Nai: IIP so với tháng trước**  
(theo tháng, %)



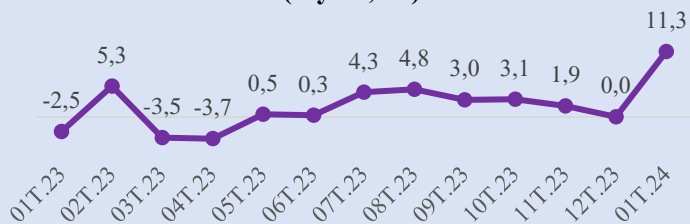
**Đồng Nai: IIP so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)



**Bà Rịa-Vũng Tàu: IIP so với tháng trước**  
(theo tháng, %)

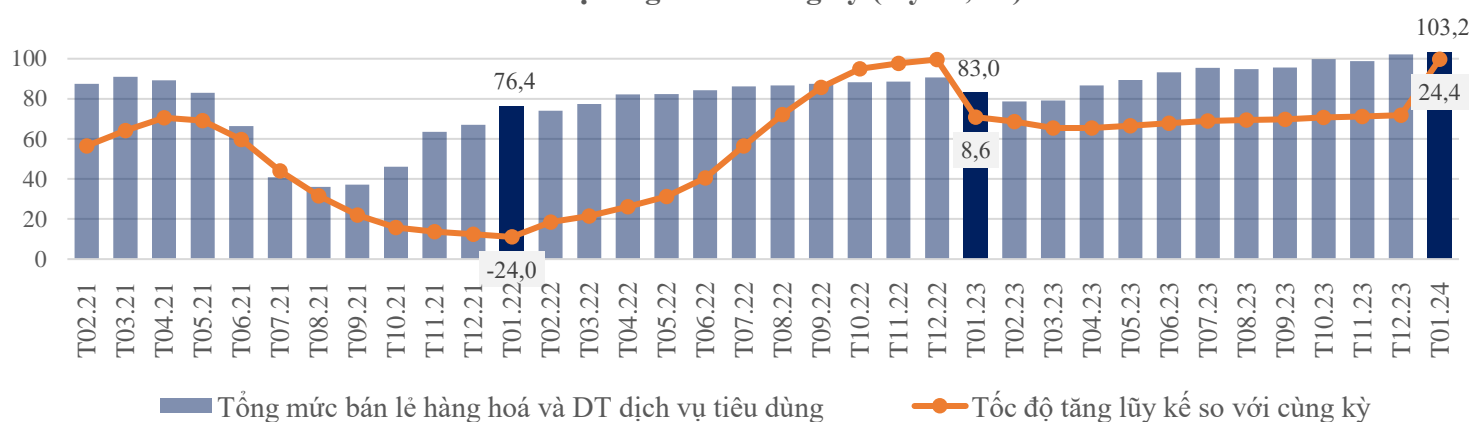


**Bà Rịa-Vũng Tàu: IIP so với cùng kỳ**  
(lũy kế, %)

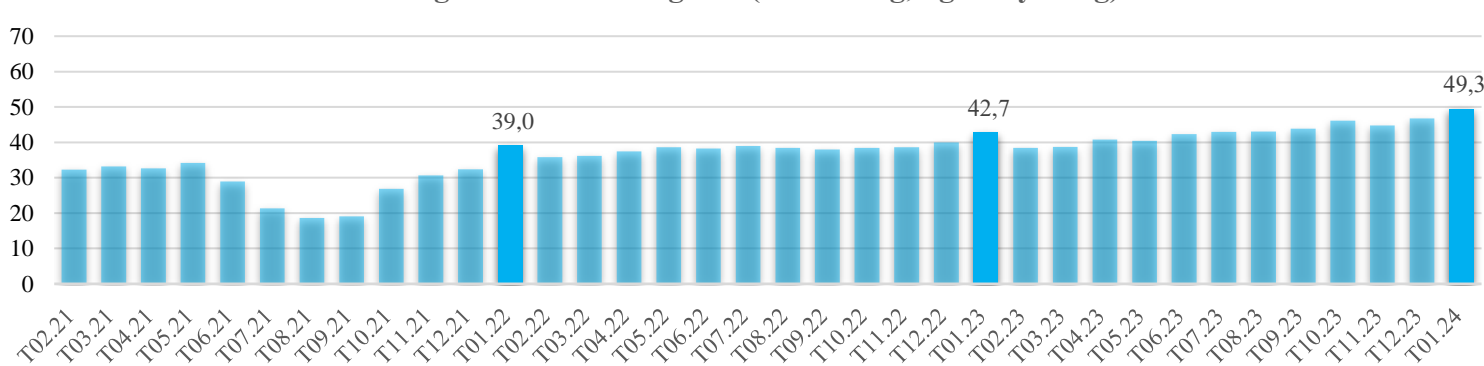


Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tăng 24,4% so với cùng kỳ. Trong đó, lương thực, thực phẩm tăng 8,8%; hàng đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 16,4%; đá quý, kim loại quý tăng 18,7%. Từ ngày 18/01/2024 - 21/01/2024, Thành phố tổ chức sự kiện “Tết Việt xưa và nay”, đây là một hoạt động nổi bật để quảng bá văn hóa, ẩm thực và phong tục ngày Tết cổ truyền Việt Nam đến du khách khi đến với Thành phố, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 18,6% so với cùng kỳ; dịch vụ lữ hành ước tăng 22,8%; Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tăng 39,2% so với cùng kỳ.

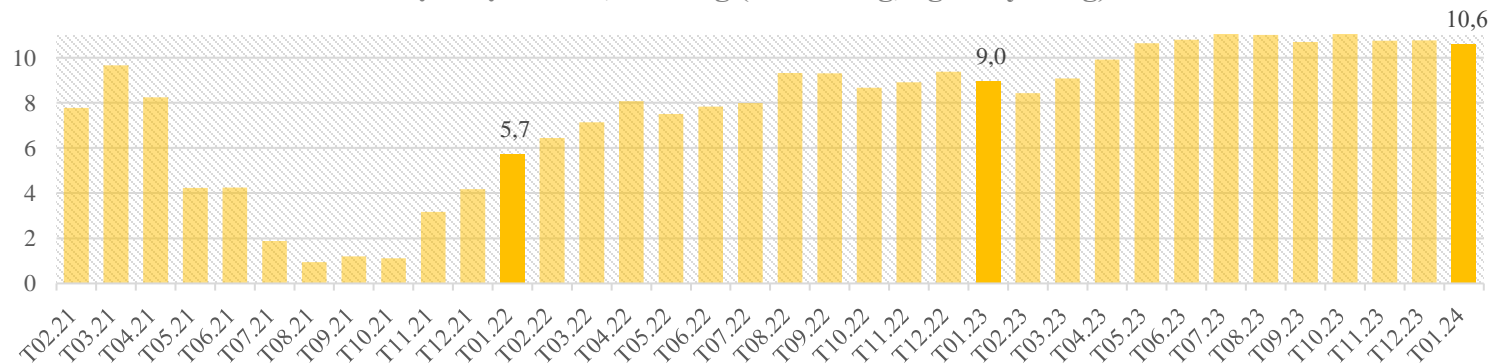
**Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ (theo tháng, nghìn tỷ đồng)**  
**Tốc độ tăng so với cùng kỳ (lũy kế, %)**



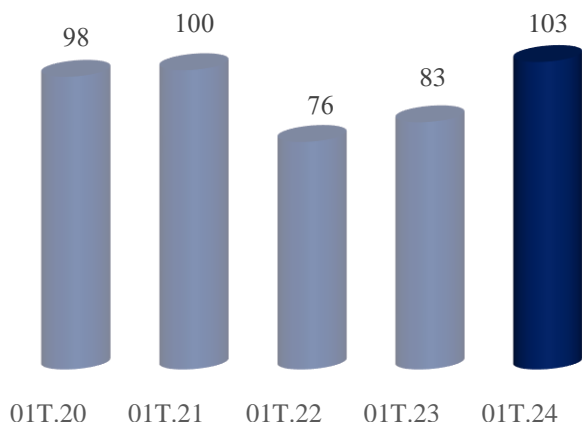
**Tổng mức bán lẻ hàng hoá (theo tháng, nghìn tỷ đồng)**



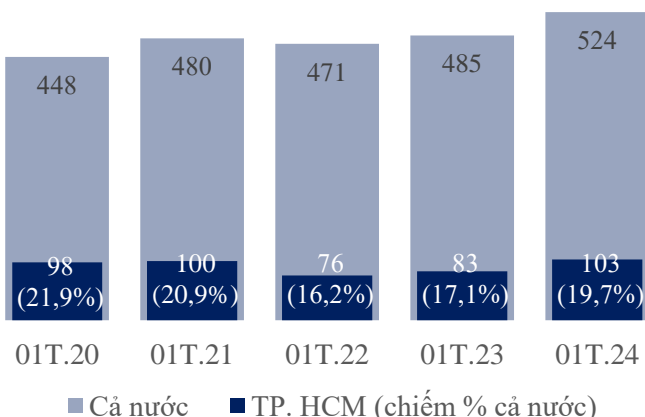
**Dịch vụ lưu trú, ăn uống (theo tháng, nghìn tỷ đồng)**



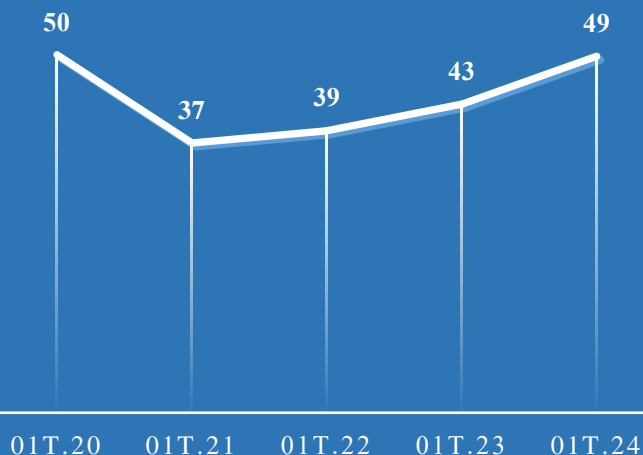
Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ  
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



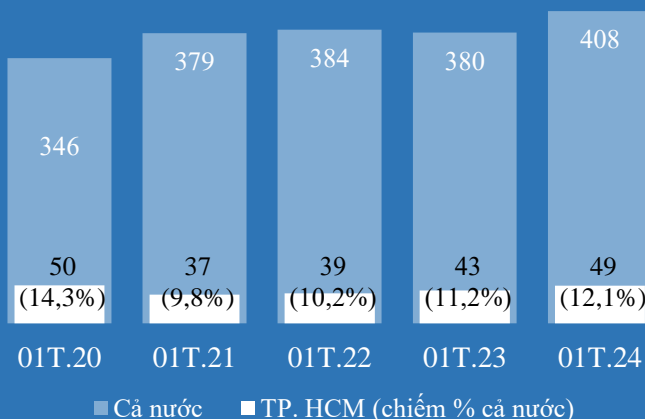
Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ  
TP. HCM và Cả nước  
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



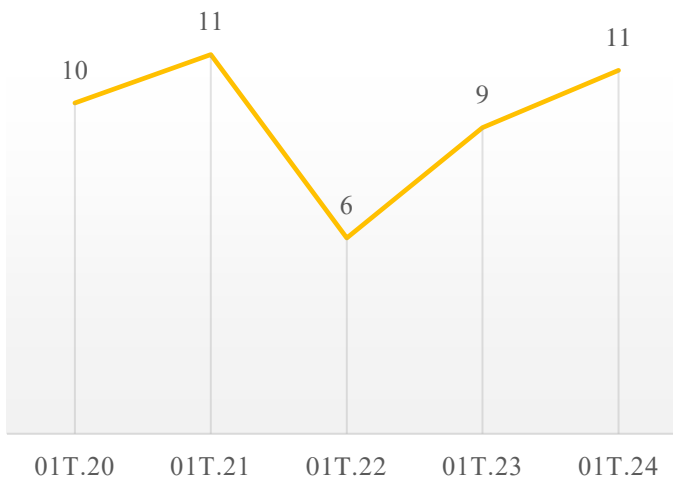
Tổng mức bán lẻ hàng hoá  
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



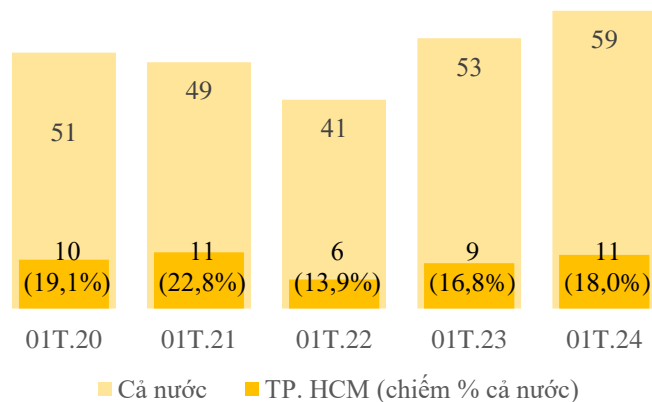
Tổng mức bán lẻ hàng hoá  
TP. HCM và Cả nước  
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống  
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)

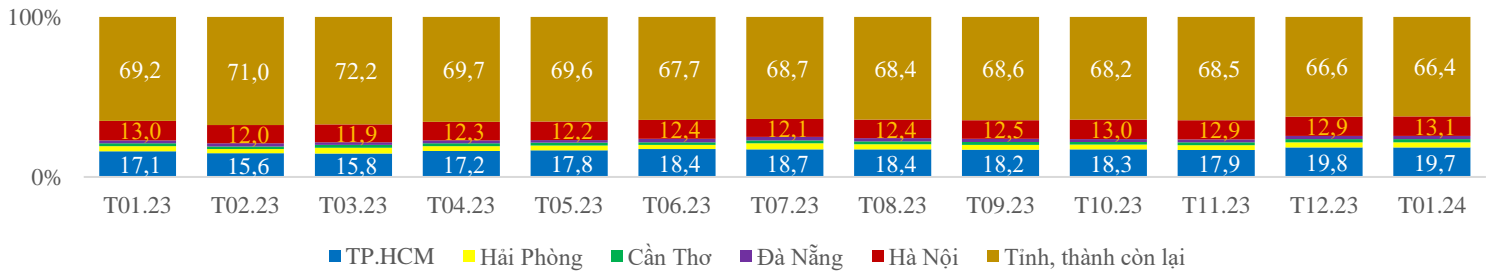
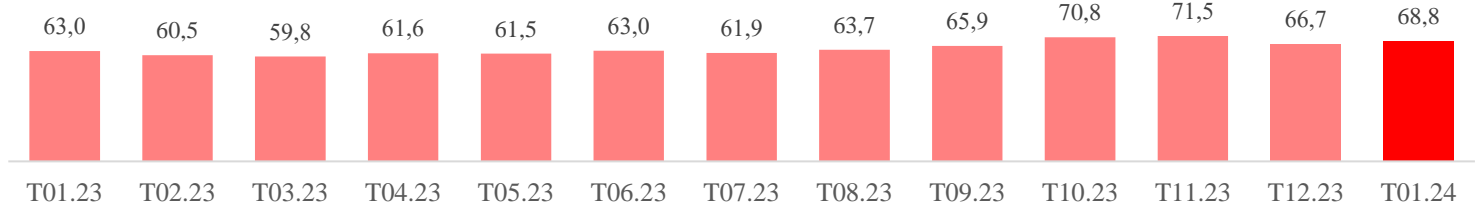
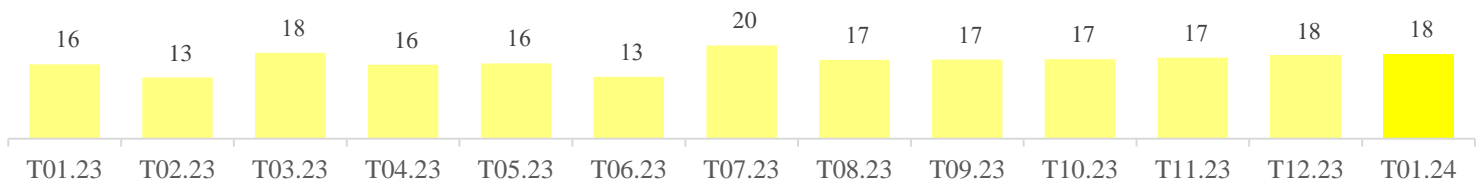
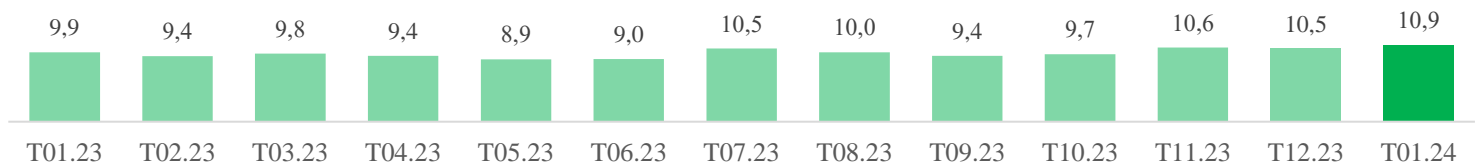
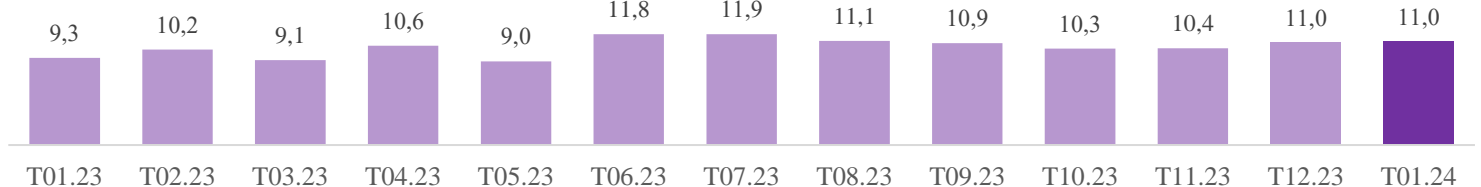


Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống  
TP. HCM và Cả nước  
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)

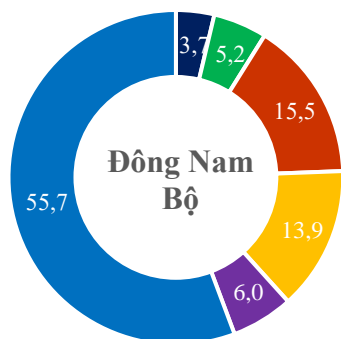


## Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ của các Thành phố trực thuộc TW

Tỷ trọng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của các Thành phố trực thuộc TW so với Cả nước (theo tháng, %)

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của Hà Nội  
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của Hải Phòng  
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của Cần Thơ  
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của Đà Nẵng  
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)

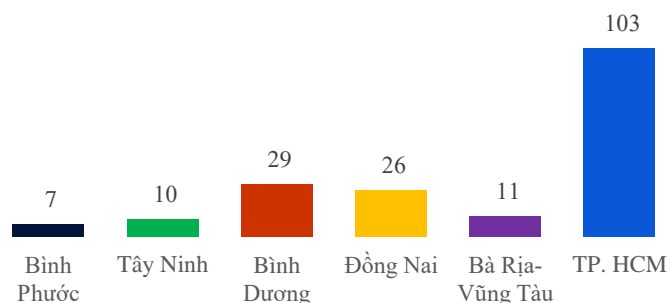
## Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ của các tỉnh vùng Đông Nam Bộ



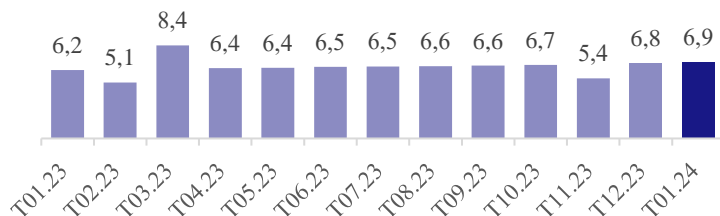
Tỷ trọng  
tổng mức bán lẻ hàng  
hóa và doanh thu  
dịch vụ các tỉnh  
(tháng 01, %)

- Bình Phước
- Tây Ninh
- Bình Dương
- Đồng Nai
- Bà Rịa-Vũng Tàu
- TP.HCM

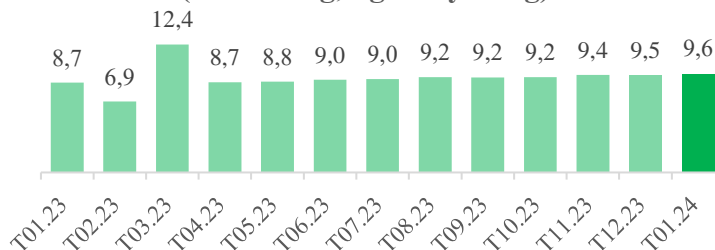
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ  
các tỉnh (tháng 01, nghìn tỷ đồng)



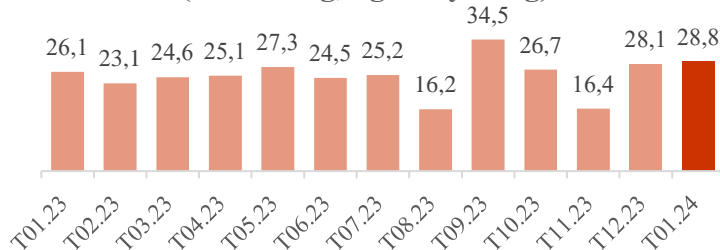
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu  
dịch vụ tỉnh **Bình Phước**  
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



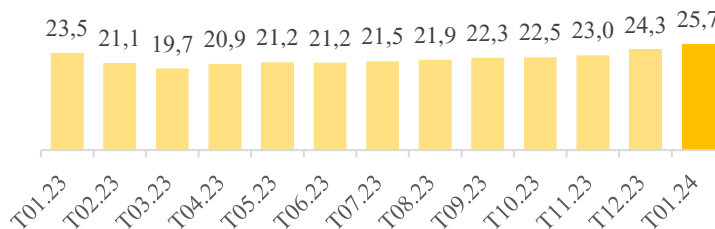
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu  
dịch vụ tỉnh **Tây Ninh**  
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



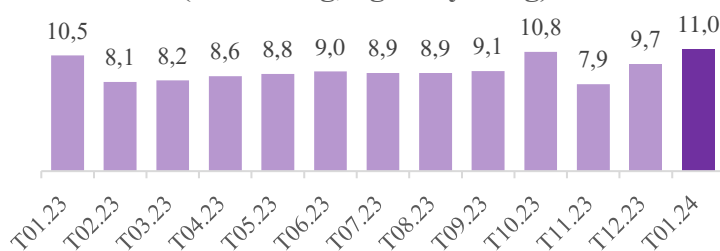
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu  
dịch vụ tỉnh **Bình Dương**  
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



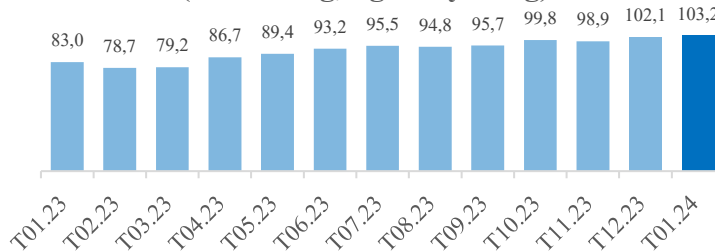
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu  
dịch vụ tỉnh **Đồng Nai**  
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu  
dịch vụ tỉnh **Bà Rịa-Vũng Tàu**  
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)

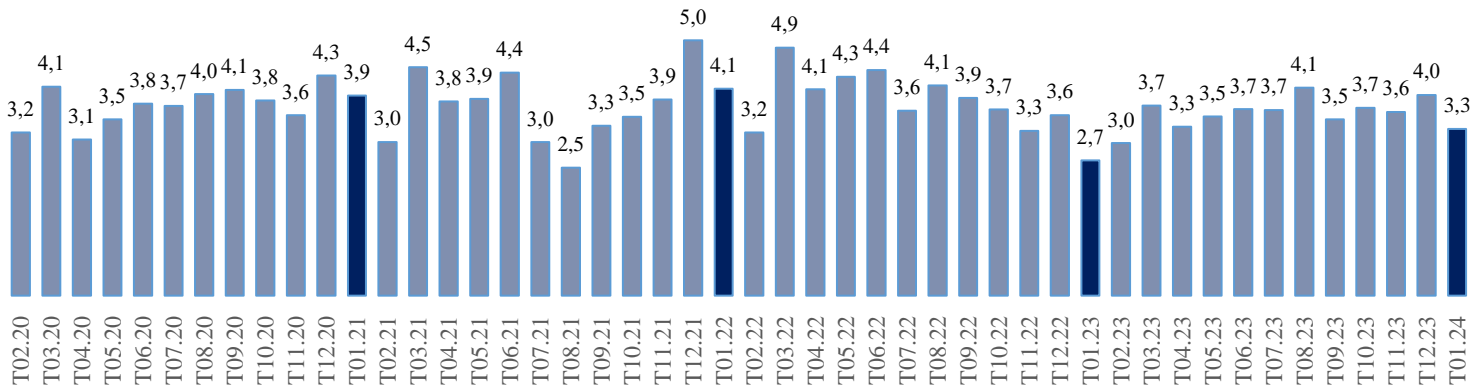


Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu  
dịch vụ **TP. Hồ Chí Minh**  
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)

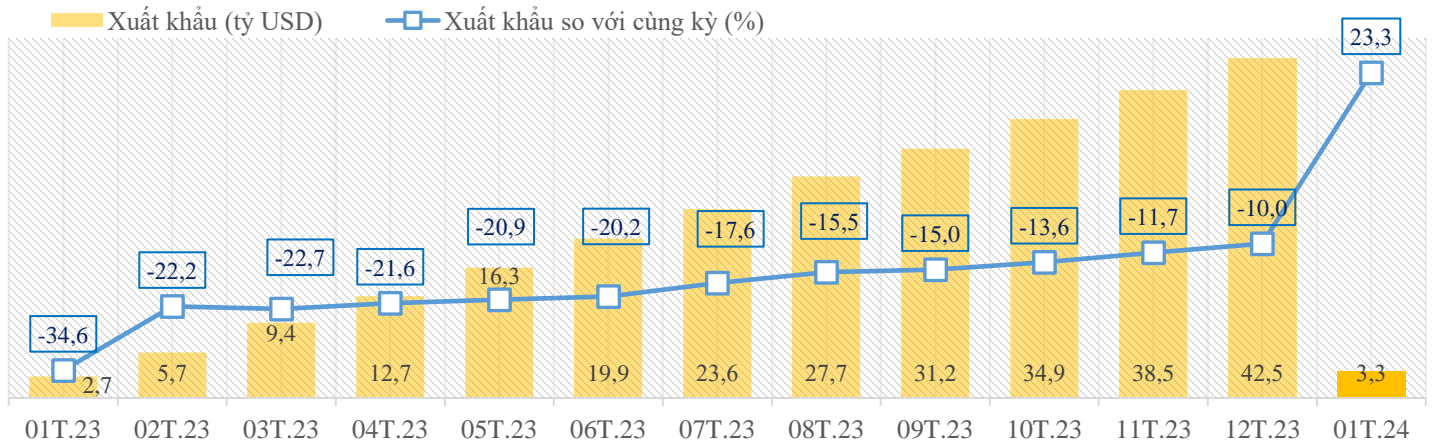


Kim ngạch xuất khẩu qua cảng Thành phố trong tháng 01 năm 2024 đạt 3,3 tỷ USD, giảm 16,9% so với tháng trước và tăng 23,3% so với cùng kỳ. Giá trị nhập khẩu qua cảng Thành phố đạt 4,6 tỷ USD, giảm 5,3% so với tháng trước và tăng 21% so với cùng kỳ. Theo đó cán cân thương mại hàng hóa của Thành phố nhập siêu 1,3 tỷ USD, ngược lại với cán cân thương mại hàng hóa của cả nước khi cả nước xuất siêu 0,4 tỷ USD.

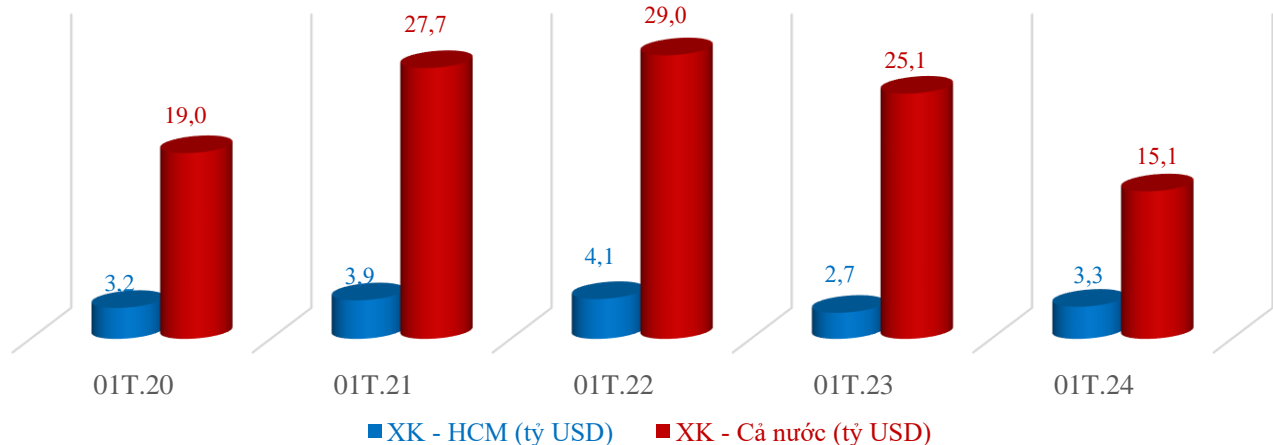
### Giá trị xuất khẩu hàng hóa (theo tháng, tỷ USD)



### Giá trị xuất khẩu hàng hóa (lũy kế, tỷ USD)



### Giá trị xuất khẩu TP. HCM và Cả nước (lũy kế, tỷ USD)

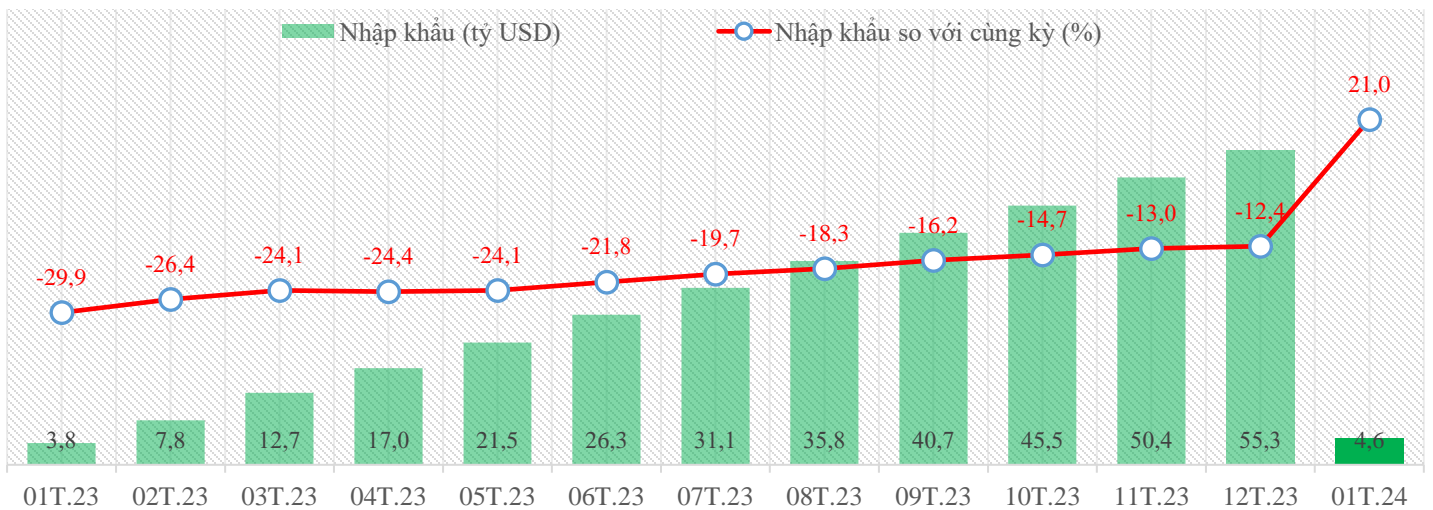




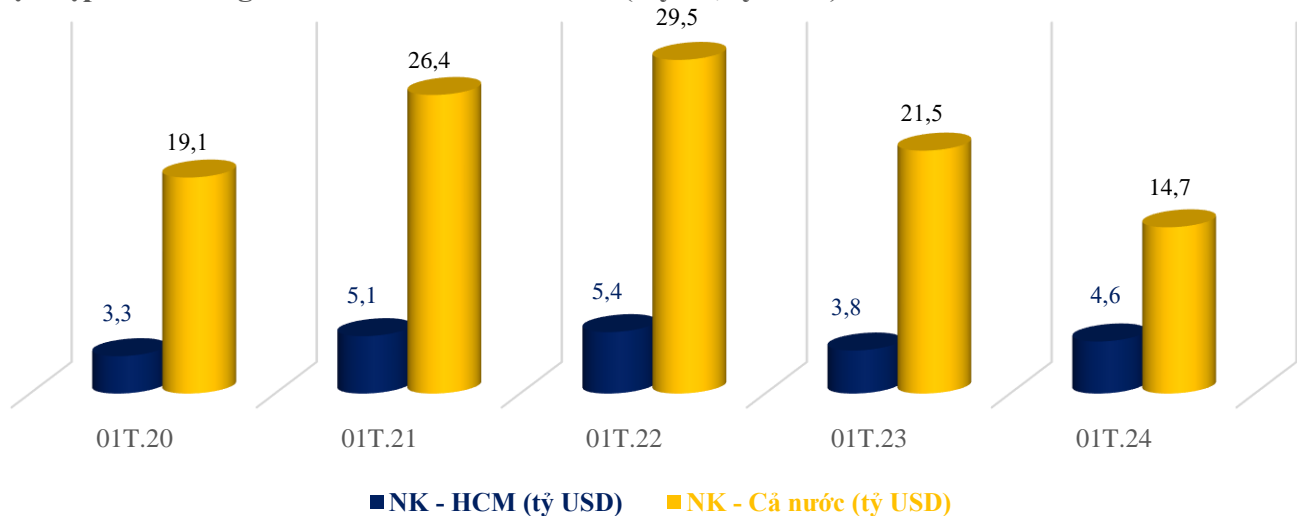
## Giá trị nhập khẩu hàng hóa (theo tháng, tỷ USD)

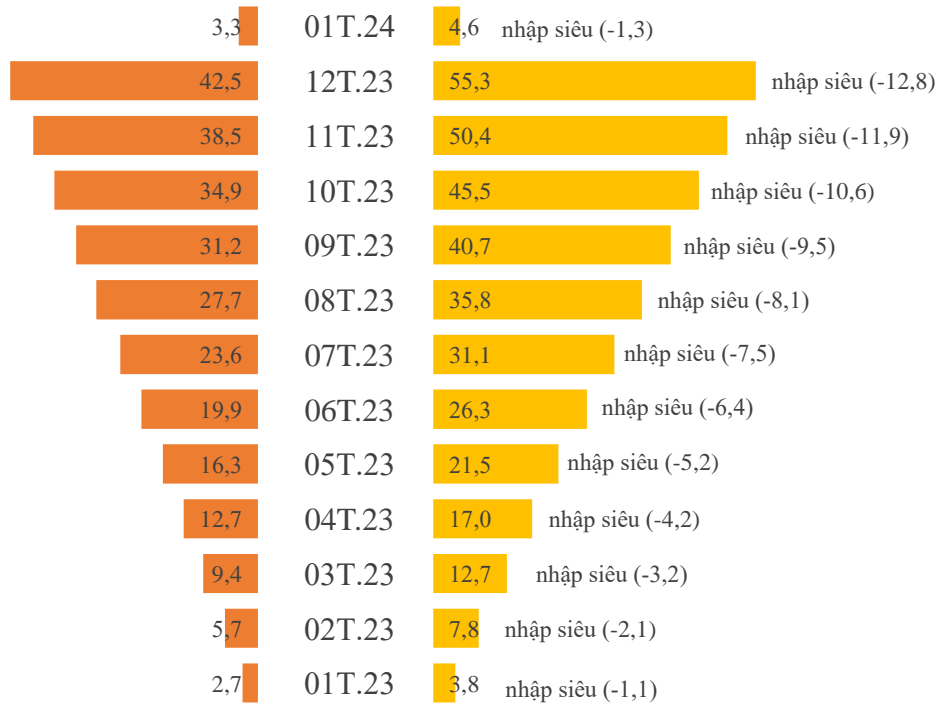


## Giá trị nhập khẩu hàng hóa (lũy kế, tỷ USD)

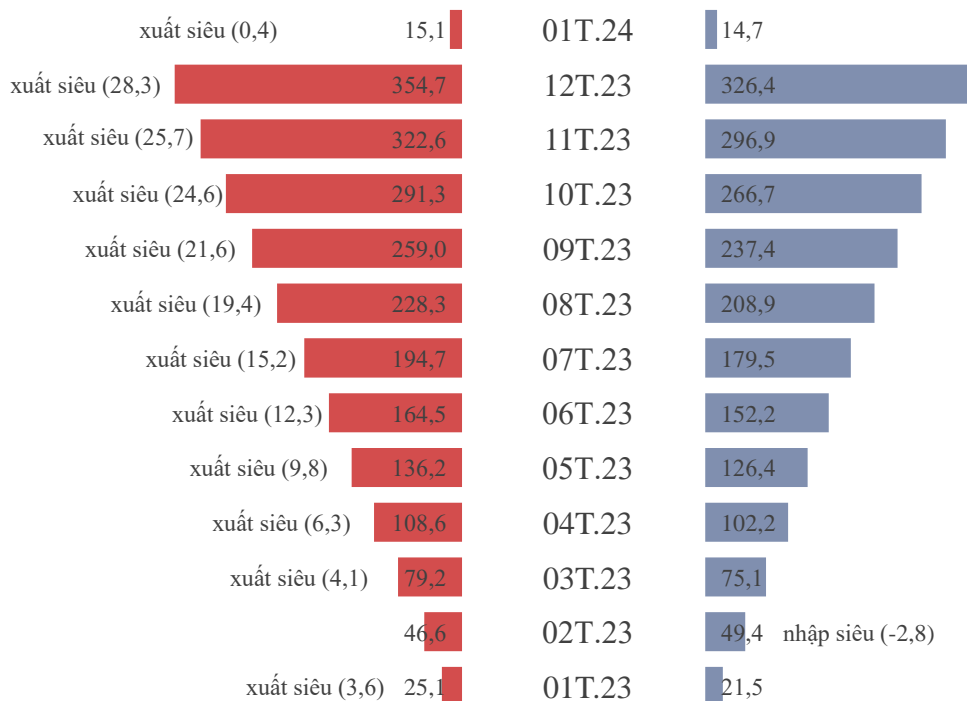


## Giá trị nhập khẩu hàng hóa TP. HCM và Cả nước (lũy kế, tỷ USD)



Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của **TP. HCM** (lũy kế, tỷ USD)

■ Xuất khẩu (tỷ USD) ■ Nhập khẩu (tỷ USD)

Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của **Cả nước** (lũy kế, tỷ USD)

■ Xuất khẩu - Cả nước (tỷ USD)

■ Nhập khẩu - Cả nước (tỷ USD)

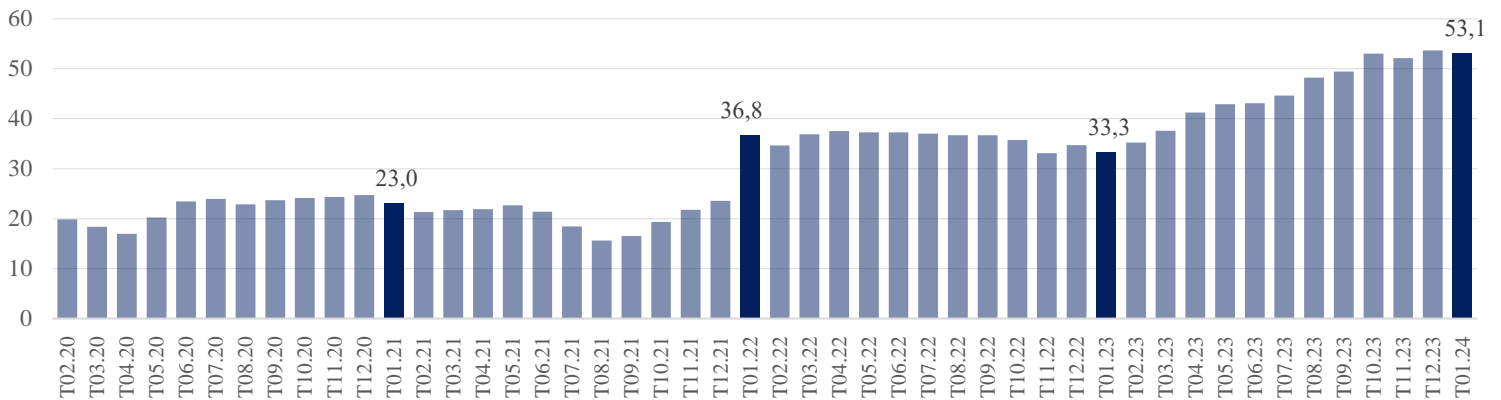
Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 01 năm 2024 giảm 1,1% so với tháng trước và tăng 59,3% so với cùng kỳ. Trong đó,

*Khối lượng vận chuyển hàng hóa* giảm 7,7% so với tháng trước và tăng 41,5% so với cùng kỳ kéo theo doanh thu vận tải giảm 2,9% so với tháng trước và tăng 45,6% so với cùng kỳ.

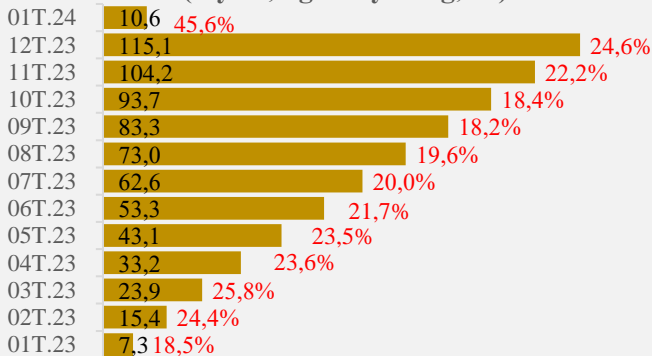
*Khối lượng vận chuyển hành khách* tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 17,2% so với cùng kỳ góp phần làm doanh thu vận tải tăng 5,4% so với tháng trước và giảm 4,7% so với cùng kỳ.

*Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát* giảm 0,9% so với tháng trước và tăng 68,3% so với cùng kỳ.

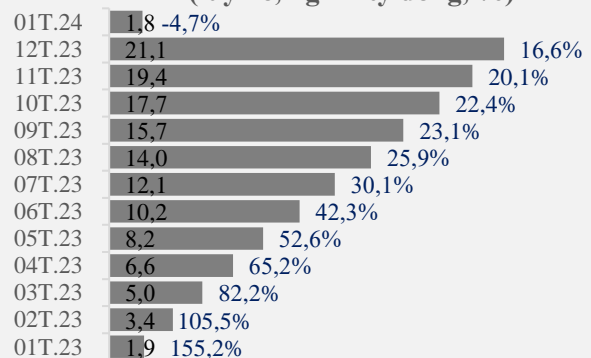
Doanh thu vận tải (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



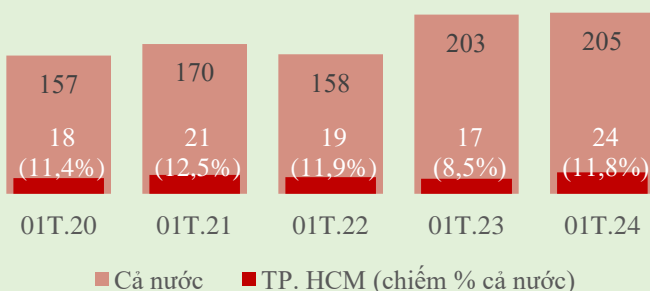
Doanh thu vận tải hàng hóa và tốc độ tăng (lũy kế, nghìn tỷ đồng, %)



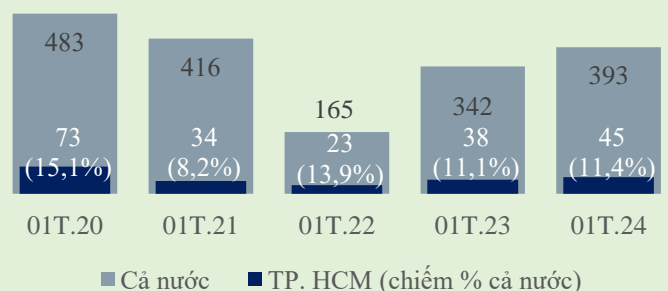
Doanh thu vận tải hành khách và tốc độ tăng (lũy kế, nghìn tỷ đồng, %)



Khối lượng vận chuyển hàng hóa TP. HCM và Cả nước (lũy kế, triệu tấn)



Khối lượng vận chuyển hành khách TP. HCM và Cả nước (lũy kế, triệu khách)

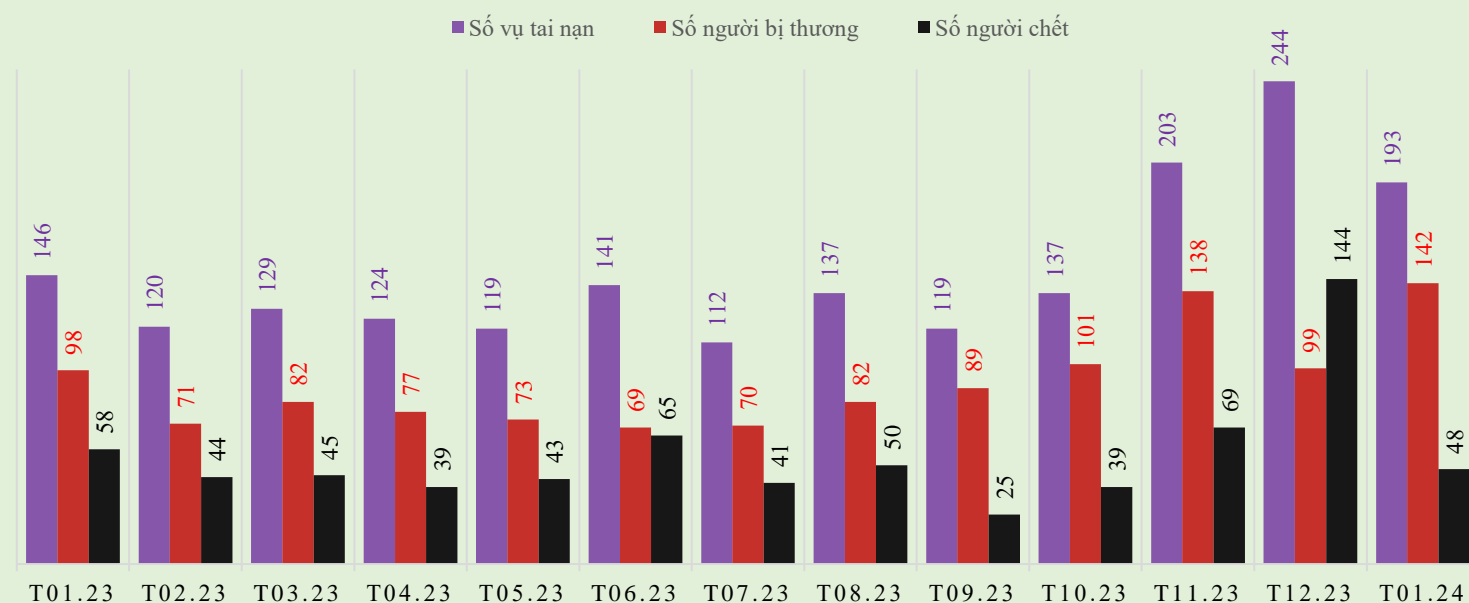


**Trật tự an toàn giao thông:** Trong tháng, xảy ra 193 vụ tai nạn giao thông đường bộ, tăng 27,0% so với cùng kỳ, làm chết 48 người, giảm 30,0%; bị thương 142 người, tăng 56,0%. Không xảy ra vụ tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy nội địa.

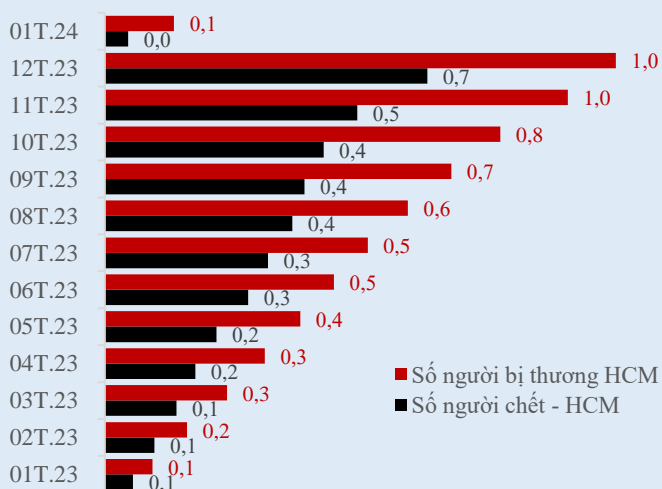
**Tình hình giải quyết việc làm:** Trong tháng đã giải quyết việc làm cho 27.347 lượt người, đạt 9,1% kế hoạch năm và có 12.624 chỗ việc làm mới được tạo ra, đạt 8,9% kế hoạch năm.

**Giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp:** Từ 01/12/2023 đến 31/12/2023, đã tiếp nhận 10.094 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 11.238 người lao động đủ điều kiện.

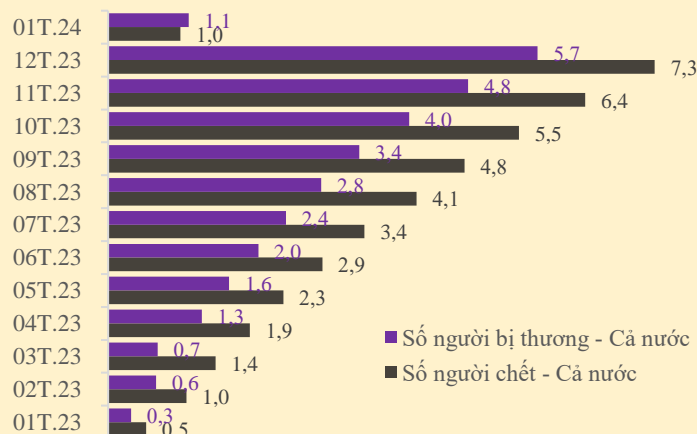
Tình hình tai nạn giao thông (theo tháng, số lượng)



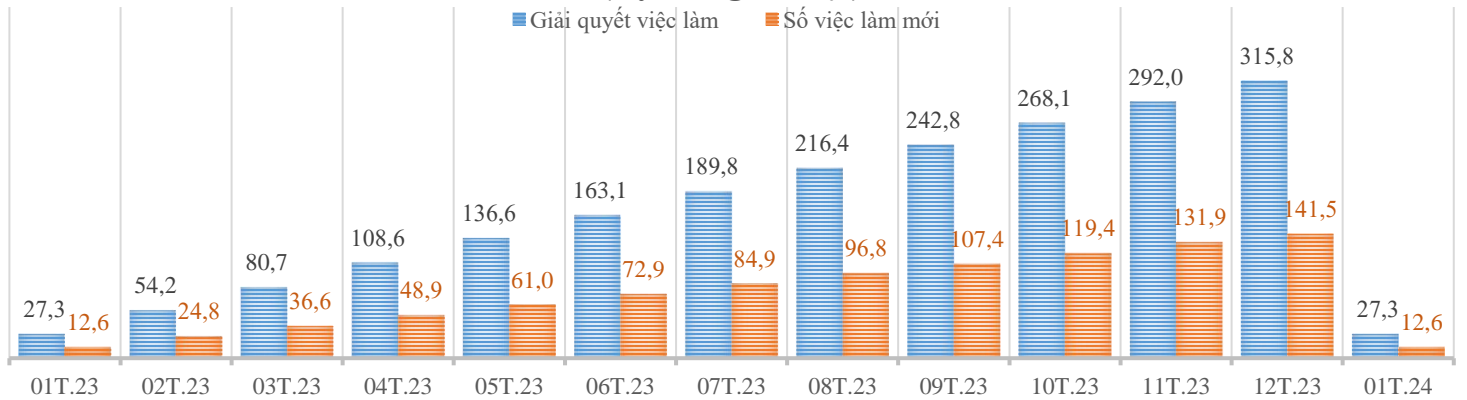
Số người chết và bị thương do tai nạn giao thông (lũy kế, nghìn người)



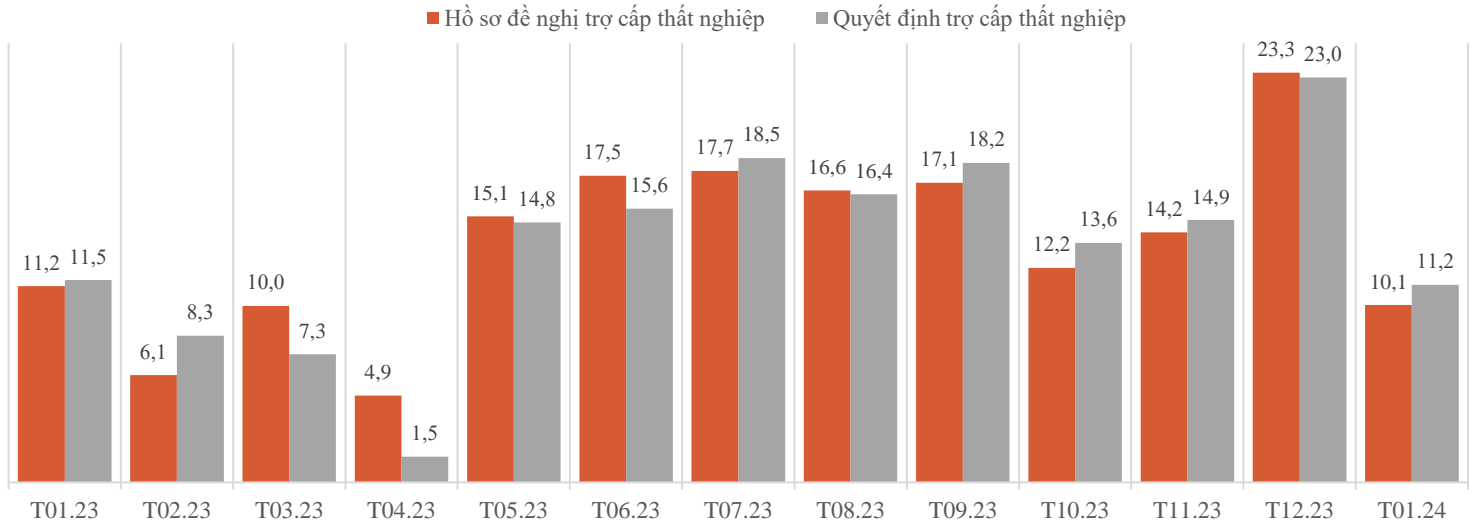
Số người chết và bị thương do tai nạn giao thông Cả nước (lũy kế, nghìn người)



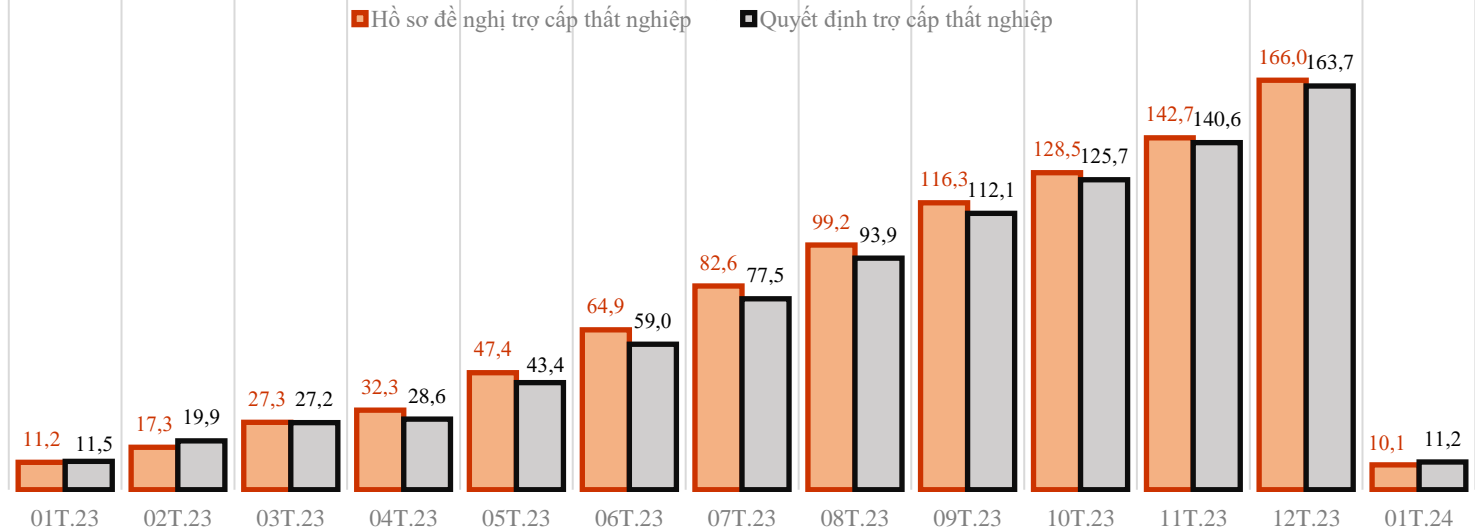
### Số lượt giải quyết việc làm và số việc làm mới tạo ra (lũy kế, nghìn lượt)



### Tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp (theo tháng, nghìn lượt)



### Tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp (lũy kế, nghìn lượt)



### 1. Kích cầu tiêu dùng nội địa

Tiêu dùng nội địa là động lực chính của tăng trưởng Thành phố và hiện tổng cầu nội địa khá thấp so với tiềm năng của Thành phố. Trong bối cảnh xuất khẩu chưa thể cải thiện; Cùng với việc Chính phủ triển khai đồng loạt chính sách tài khóa, tiền tệ linh hoạt thì Thành phố cần tiếp tục triển khai các chương trình khuyến mãi với quy mô lớn hơn để kích cầu tiêu dùng nội địa qua đó góp phần thúc đẩy sản xuất trong nước. Đề xuất Chính phủ chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước thực hiện các gói vay tiêu dùng tín chấp với lãi suất đặc biệt nhằm kích cầu nội địa, bên cạnh đó Thành phố tiếp tục thực hiện tốt việc kìm chế lạm phát bằng Chương trình bình ổn giá đã thực hiện hiệu quả trong thời gian qua.

### 2. Giải ngân vốn đầu tư công

Cần tăng tốc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, xem đây là nhiệm vụ chính trị và đóng vai trò là “vốn mồi dẫn dắt cho đầu tư tư nhân”, động lực quan trọng thể hiện vai trò thúc đẩy, bù đắp tăng trưởng cho các động lực khác. Thành phố tiếp tục các giải pháp nhằm phát huy vai trò, gắn trách nhiệm và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu giải quyết vốn đầu tư công, đồng thời khẩn trương nâng cao năng lực chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây lắp. Tập trung xử lý vấn đề giải phóng mặt bằng và bố trí giải phóng mặt bằng thành một dự án độc lập, được thực hiện với các quy định đặc thù, phù hợp với điều kiện thực tế, nhằm nâng cao tính sẵn sàng cho việc triển khai dự án. Các cơ chế và mức bồi thường phải thỏa đáng, bảo đảm quyền lợi cho người dân khi di dời, tái định cư để có sự đồng thuận khi triển khai. Bên cạnh đó, cần có cơ chế điều chỉnh kịp thời định mức thầu, giá thầu và giá các loại vật tư, vật liệu xây lắp khi có biến động giá trên thị trường; đảm bảo đầy đủ, kịp thời vật liệu xây lắp, đắp nền.

### 3. Đẩy mạnh xuất nhập khẩu

Xuất nhập khẩu vẫn là động lực quan trọng đến tăng trưởng Thành phố vì vậy Thành phố cần khẩn trương, đi đầu thu hút các ngành, lĩnh vực sẽ trở thành xu hướng phát triển của kinh tế thế giới như xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao. Bên cạnh đó Thành phố đẩy nhanh việc đa dạng hóa sản phẩm và đa dạng hóa thị trường xuất, nhập khẩu.

4. Nguồn lực  
lao động

Thực hiện hiệu quả Đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao.  
Nâng cao hiệu quả kết nối cung cầu lao động góp phần đảm bảo nhu cầu lao động cần thiết cho nền kinh tế vừa đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực, từ đó góp phần cải thiện năng suất lao động.

5. Nhân tố  
tổng hợp

Tăng cường đầu tư cho khoa học - công nghệ, để khoa học - công nghệ thực sự trở thành động lực, là giải pháp đột phá chiến lược quan trọng để Thành phố phát triển nhanh và bền vững.  
Thành phố tập trung các giải pháp nâng cao năng suất lao động từ chính tăng trưởng nội sinh từng ngành kinh tế mang lại qua đó sẽ góp phần dịch chuyển cơ cấu theo chiều sâu.

6. Chính  
quyền Thành  
phố

Triển khai hiệu quả Nghị Quyết 98/2023/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP. Hồ Chí Minh.

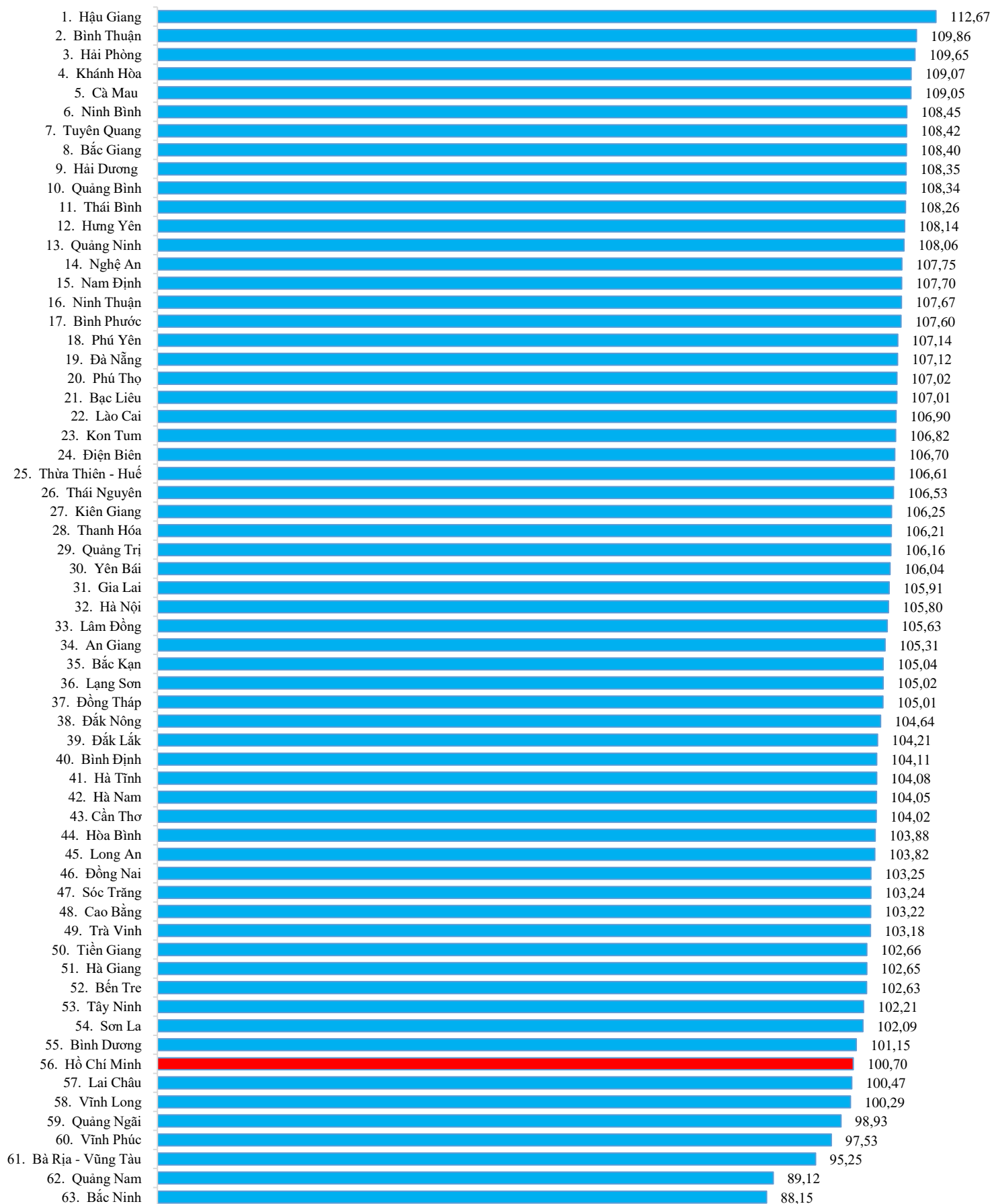
Đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân để phát triển sản xuất kinh doanh, rà soát và giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn đọng của mà doanh nghiệp đã kiến nghị trong thời gian qua.

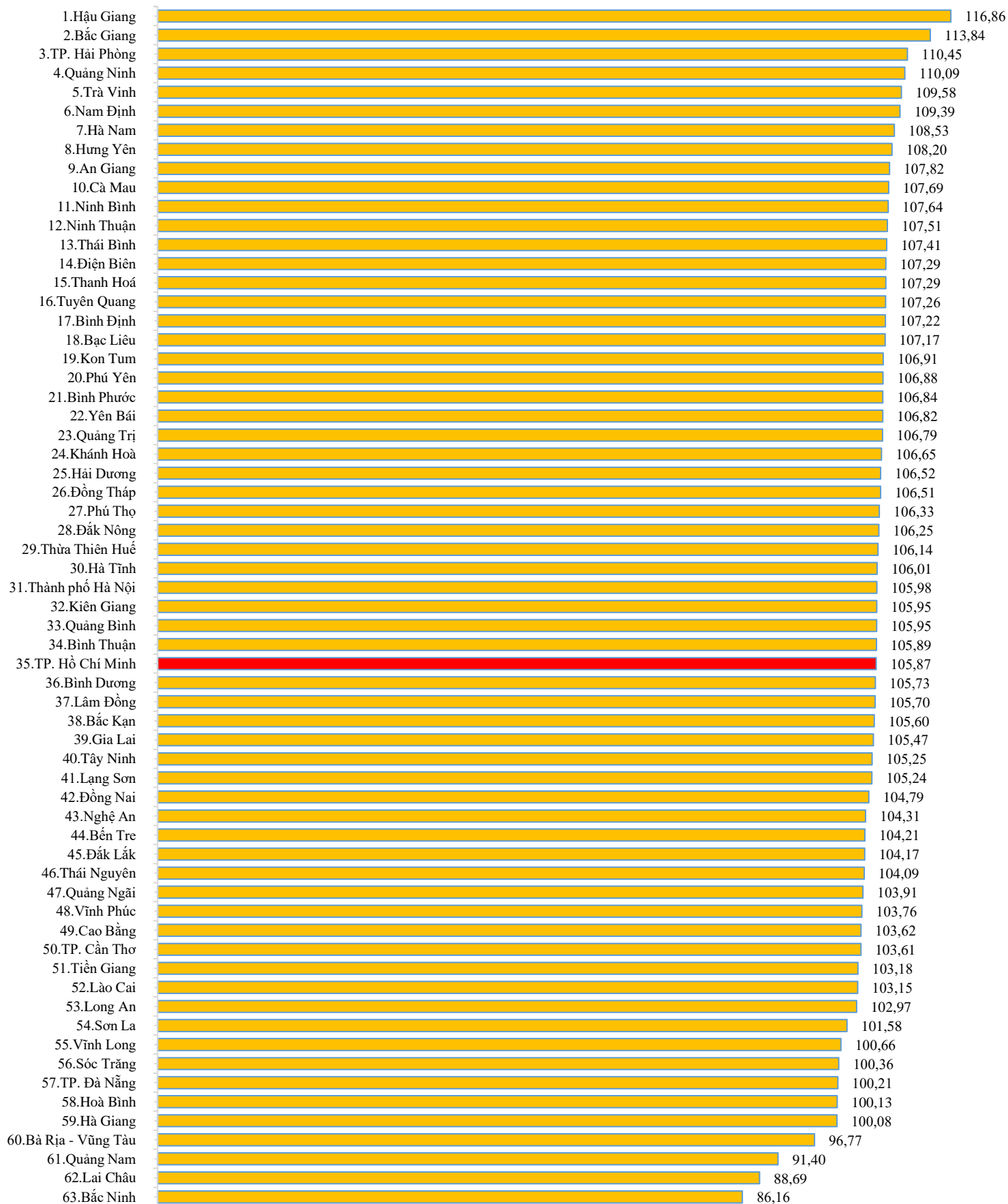
Chỉ đạo các Sở, Ban ngành khẩn trương xây dựng kịch bản, đánh giá những tồn tại đang cản trở tăng trưởng, đặc biệt đối với nhóm thể chế và môi trường pháp lý, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm khơi thông nguồn lực gắn tinh thần trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị với tinh thần khẩn trương, sát sao, cụ thể trong điều hành và xử lý nghiêm đối với cán bộ thiếu trách nhiệm.

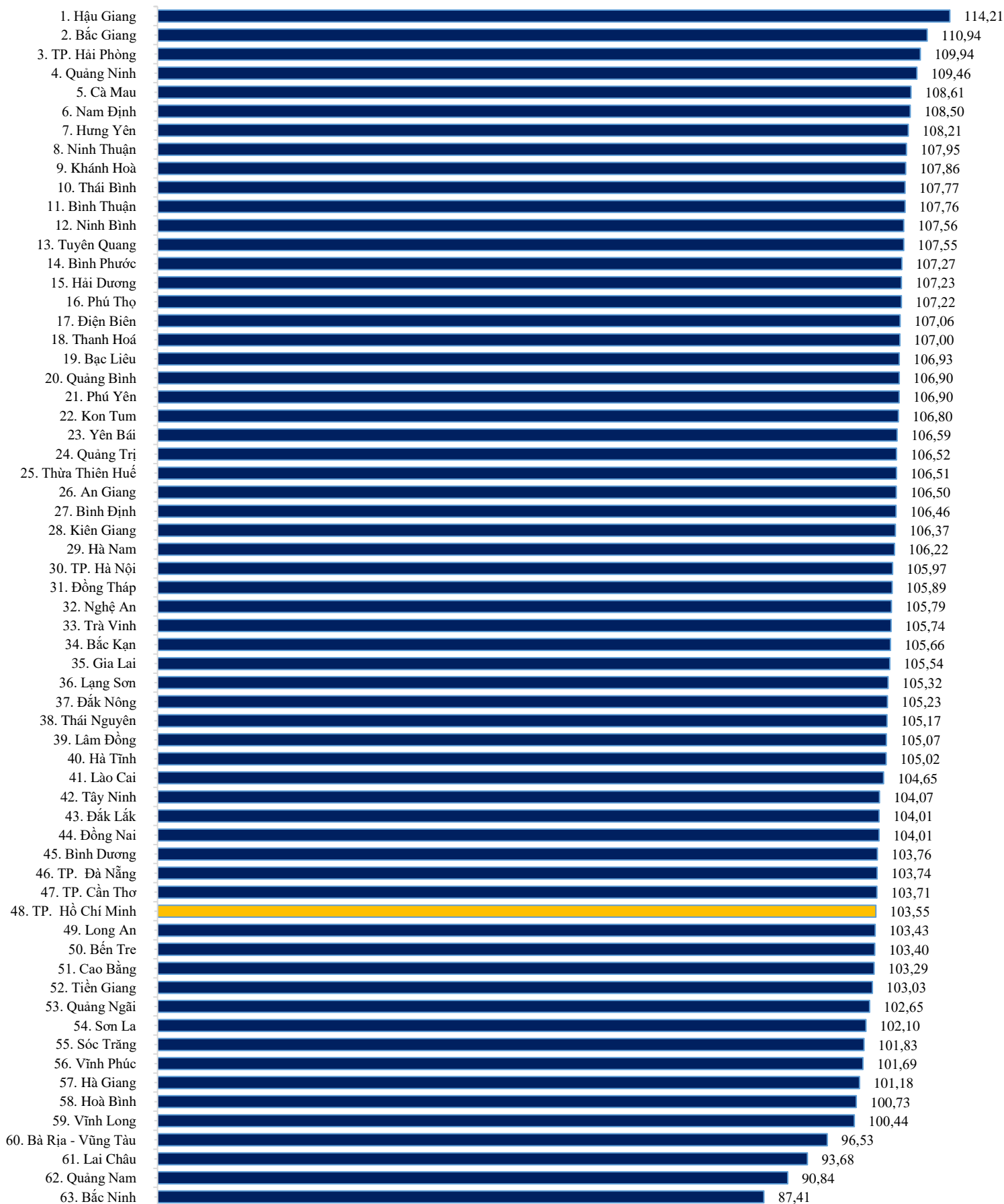
Thực hiện hiệu quả các Đề án về cải cách hành chính, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số quản trị và hành chính công. Xây dựng Thành phố là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao với định hướng phát triển Thành phố thành trung tâm giáo dục, khoa học công nghệ, trung tâm tài chính; trung tâm khởi nghiệp, lập nghiệp.

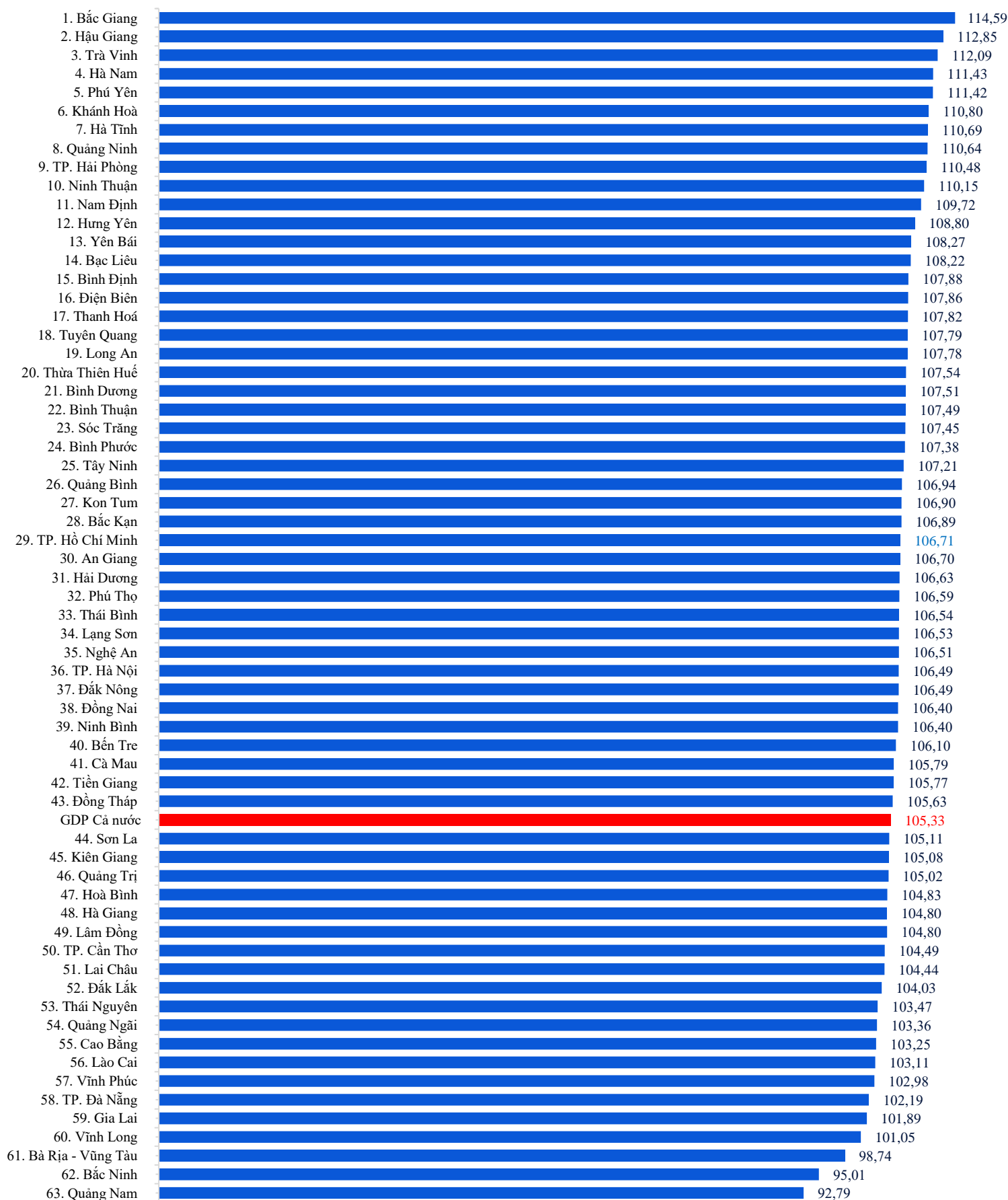
Cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

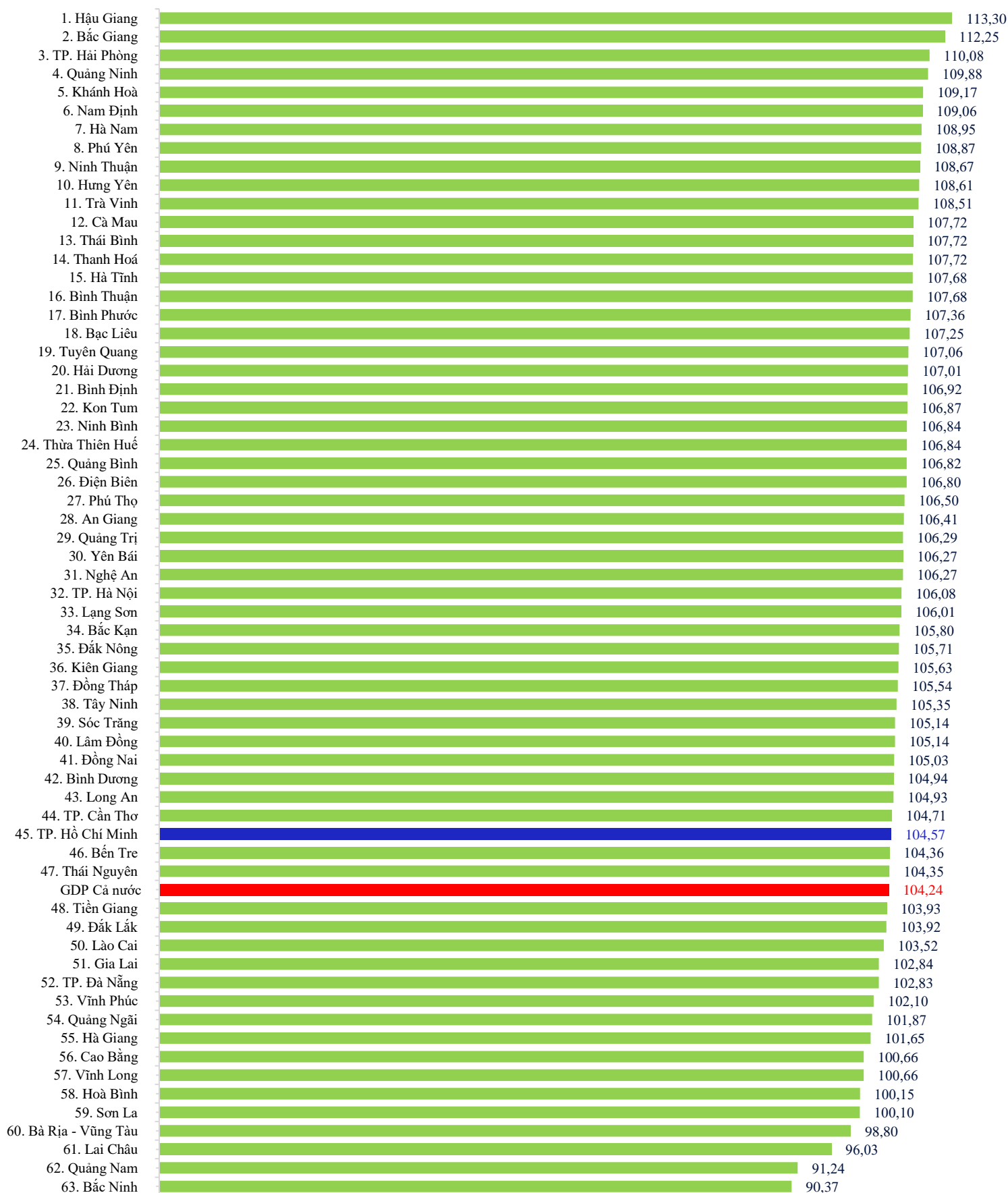


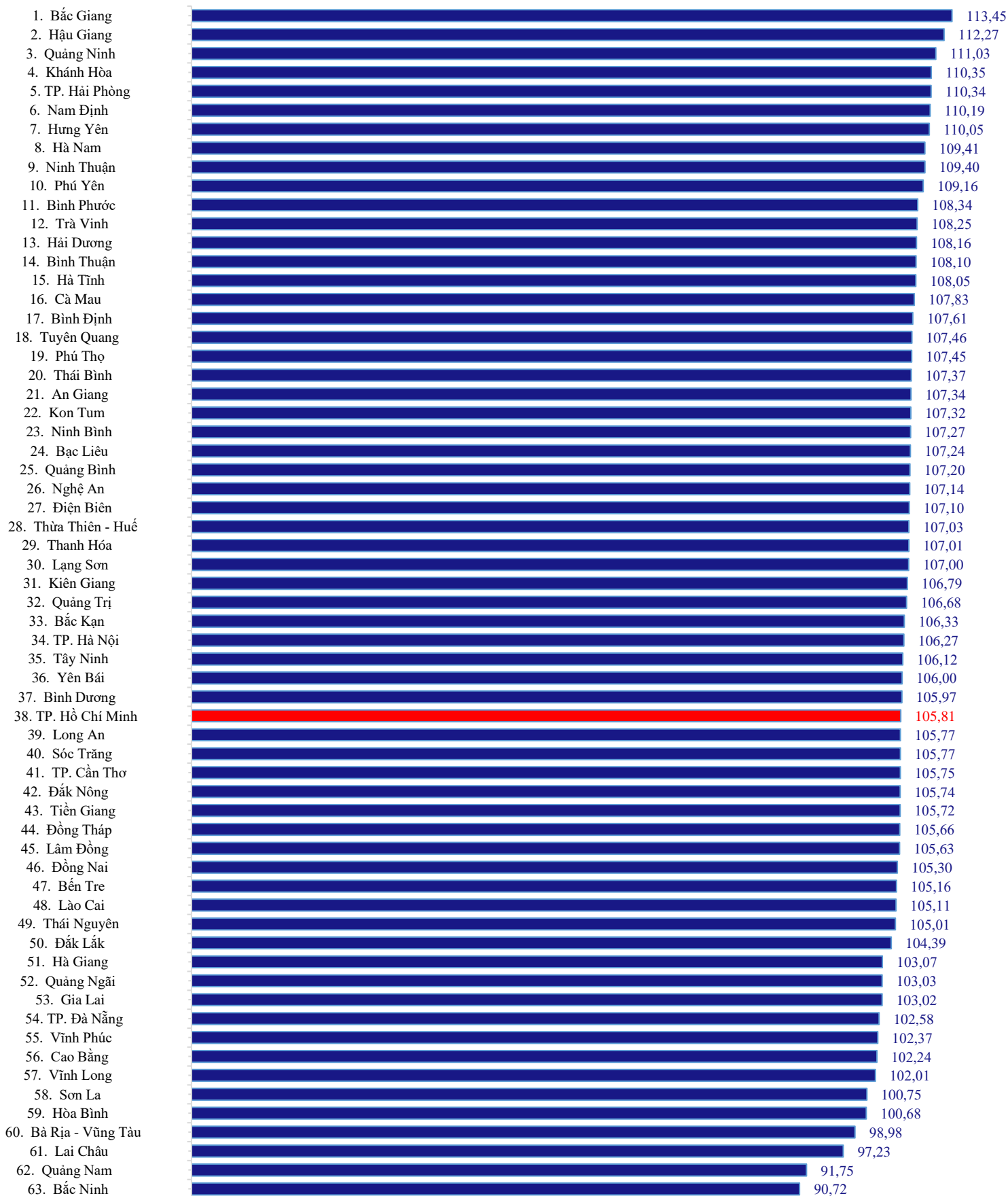








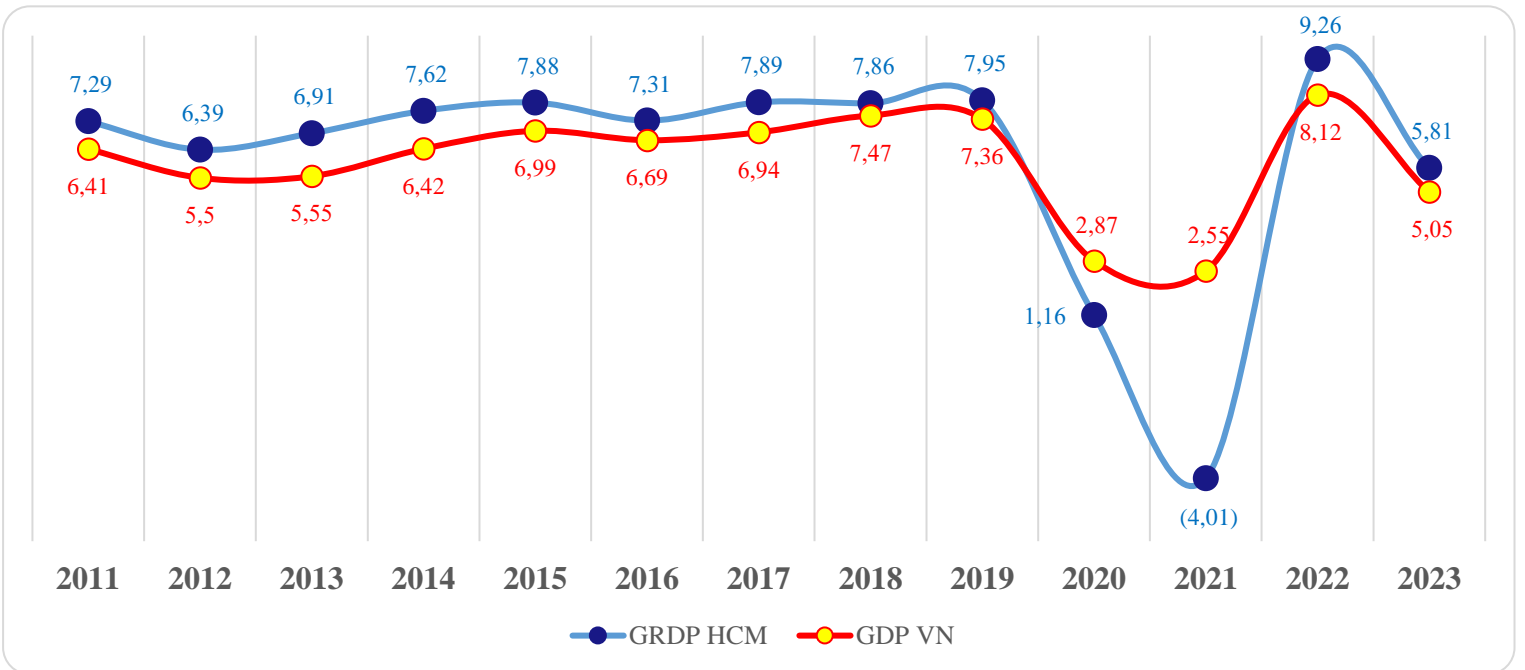




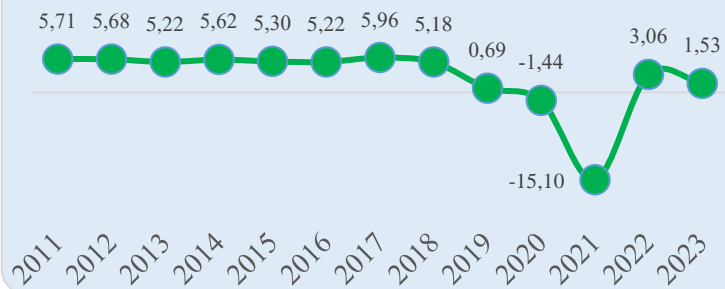
## Tốc độ tăng GRDP Thành phố năm 2023

Năm 2023		Nông nghiệp		Công nghiệp, xây dựng		Dịch vụ	
<b>GRDP</b>	<b>+5,81%</b>		<b>+1,53%</b>		<b>+4,42%</b>		<b>+6,79%</b>

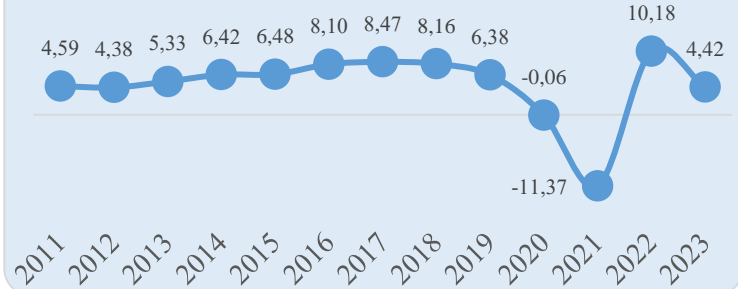
## Tốc độ tăng GRDP Thành phố và GDP Việt Nam giai đoạn 2011-2023 (%)



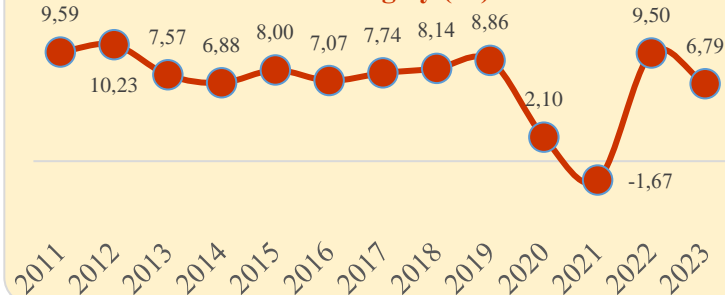
## Giá trị tăng thêm khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản so với cùng kỳ (%)



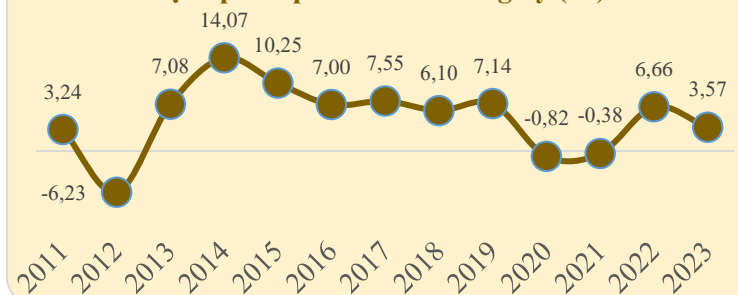
## Giá trị tăng thêm khu vực Công nghiệp, xây dựng so với cùng kỳ (%)



## Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ so với cùng kỳ (%)

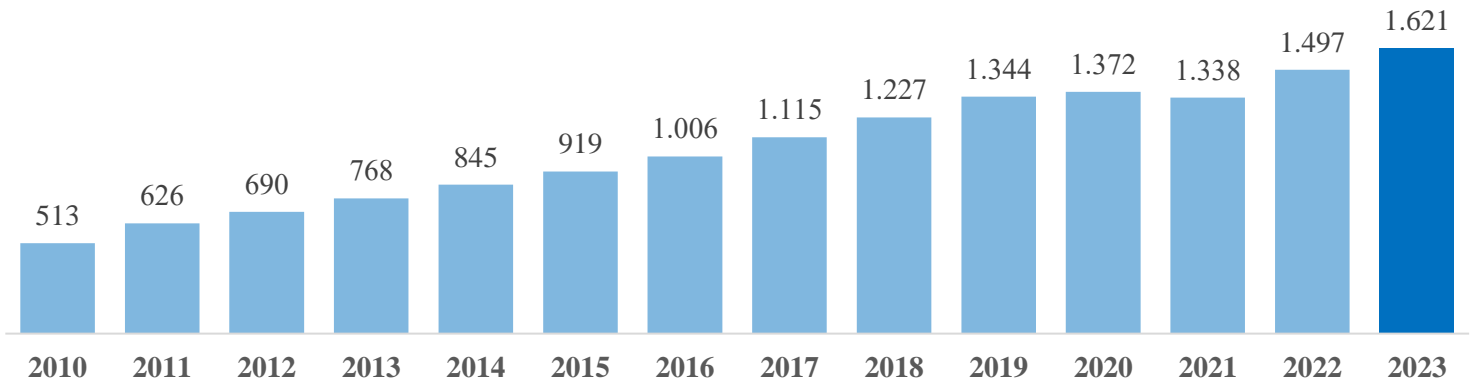


## Giá trị tăng thêm khu vực thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm so với cùng kỳ (%)



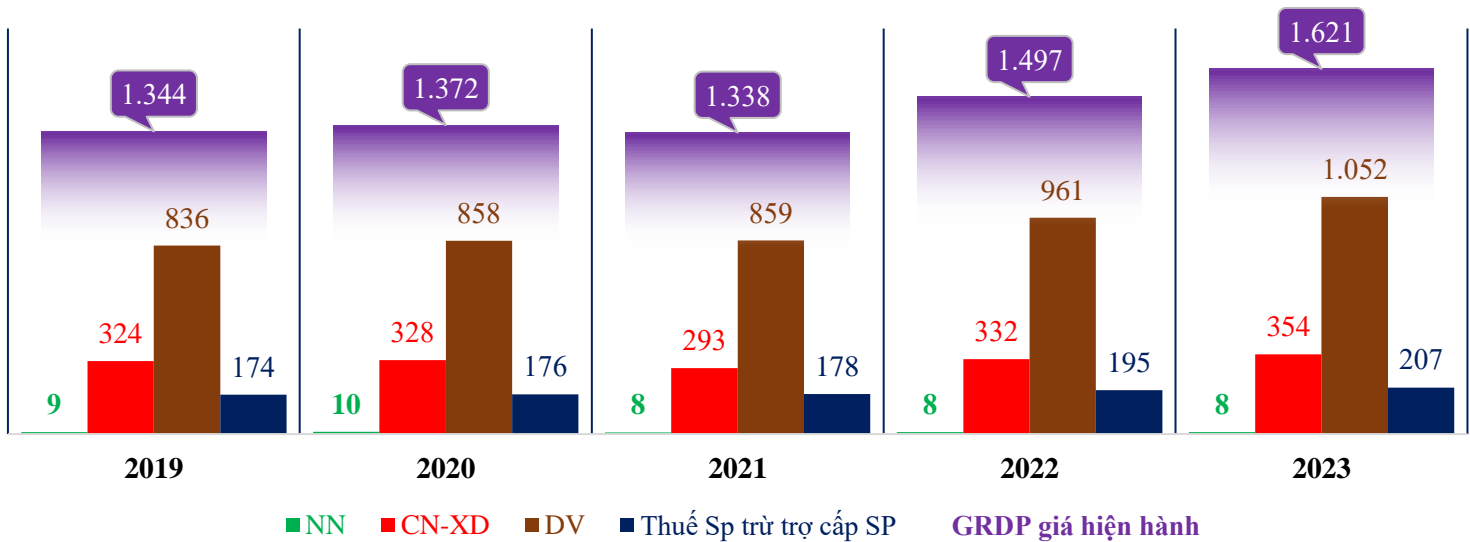
## Quy mô GRDP các ngành giai đoạn 2019-2023 (theo giá hiện hành)

Quy mô GRDP Thành phố giai đoạn 2010-2023 (1000 tỷ đồng)



## Quy mô GRDP các ngành giai đoạn 2019-2023 (theo giá hiện hành)

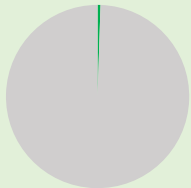
Quy mô GRDP theo giá hiện hành (1.000 tỷ đồng)



## Cơ cấu GRDP năm 2023 (theo giá hiện hành)

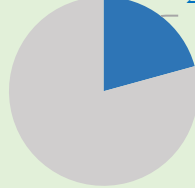
Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản (%)

0,51



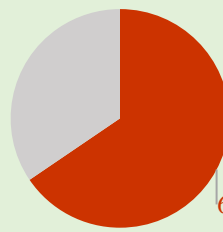
Công nghiệp, xây dựng (%)

20,73



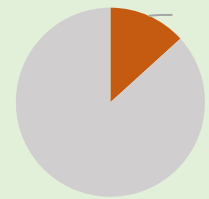
Dịch vụ (%)

65,50



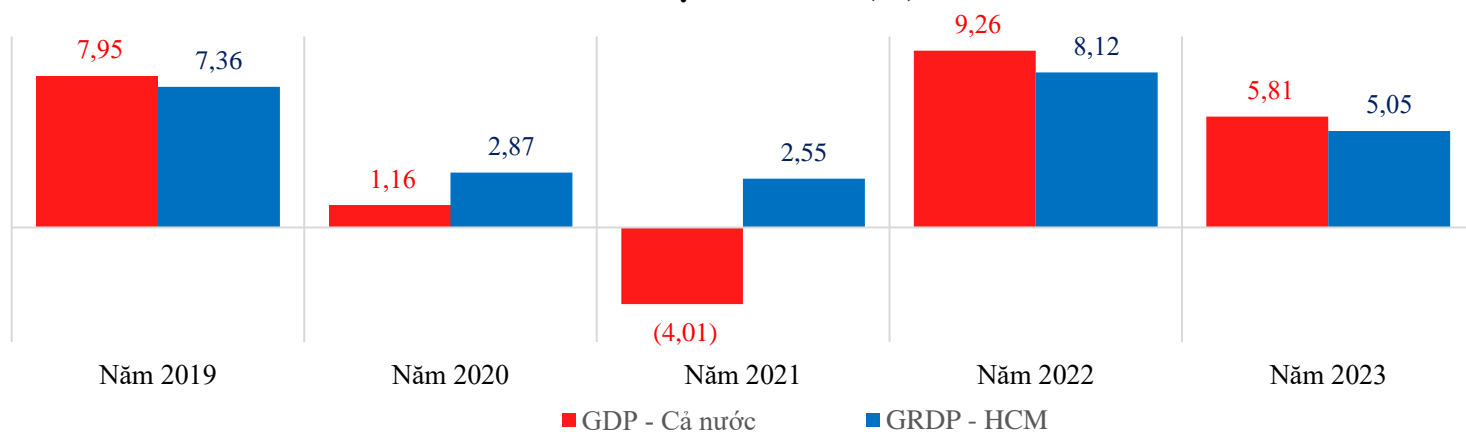
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (%)

13,26

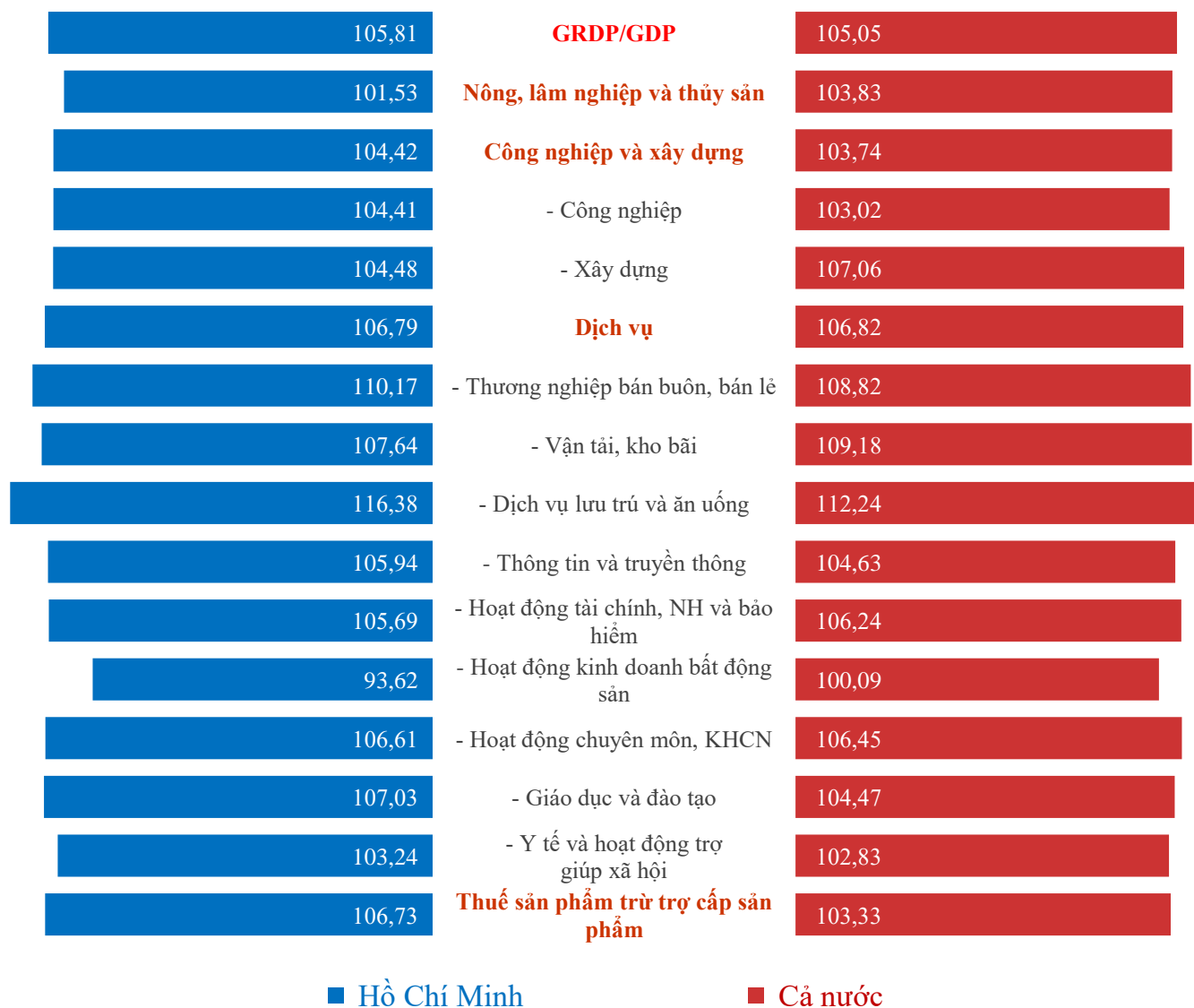




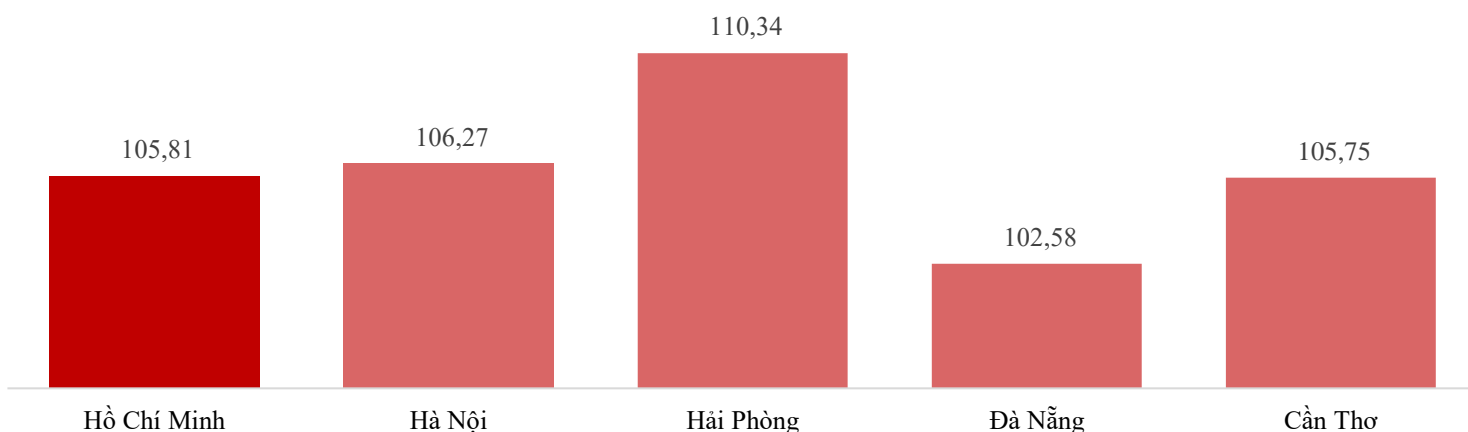
### Tốc độ tăng GDP Cả nước và GRDP Thành phố Giai đoạn 2019-2023 (%)



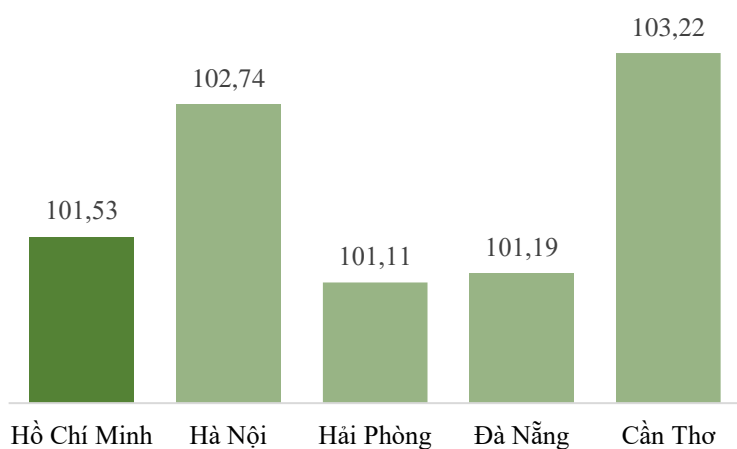
### Chỉ số phát triển các ngành của Cả nước và TP. Hồ Chí Minh Năm 2023 (%)



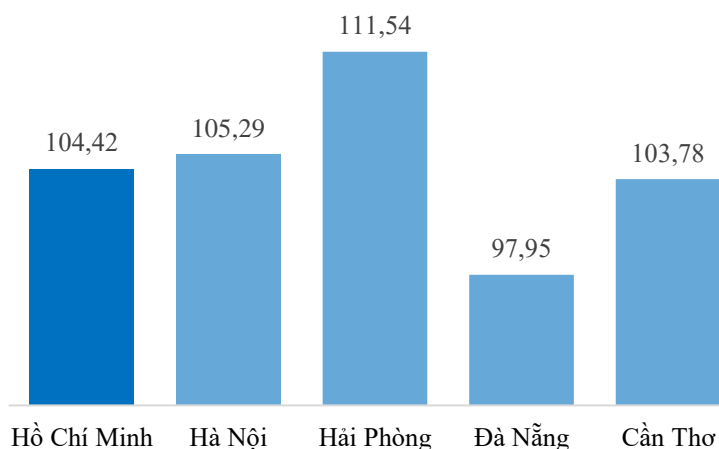
## Chỉ số phát triển GRDP năm 2023 so với cùng kỳ (%)



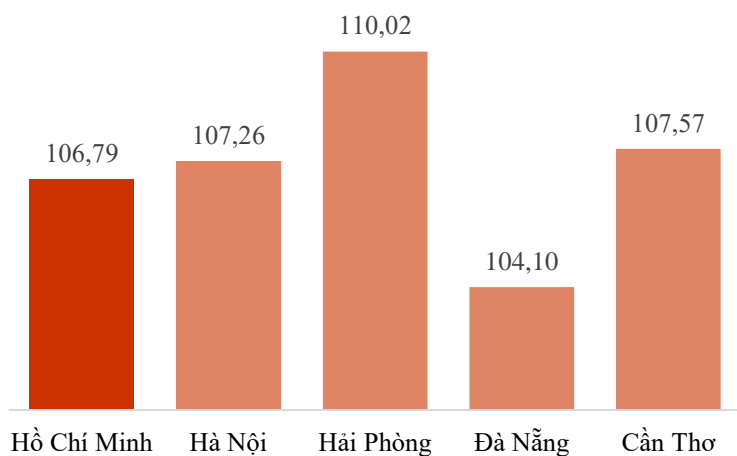
## Giá trị tăng thêm khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản so với cùng kỳ (%)



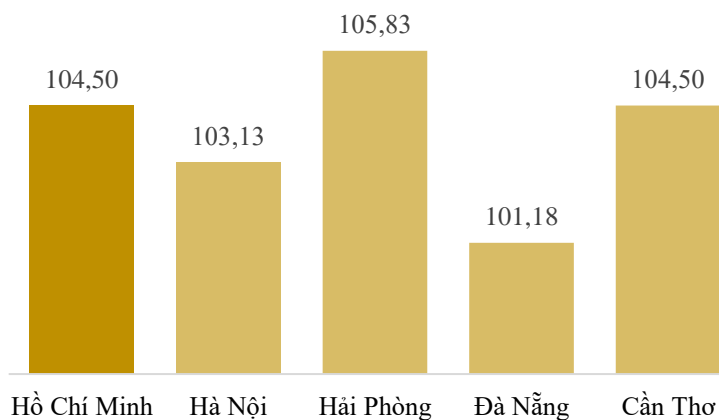
## Giá trị tăng thêm khu vực Công nghiệp, xây dựng so với cùng kỳ (%)



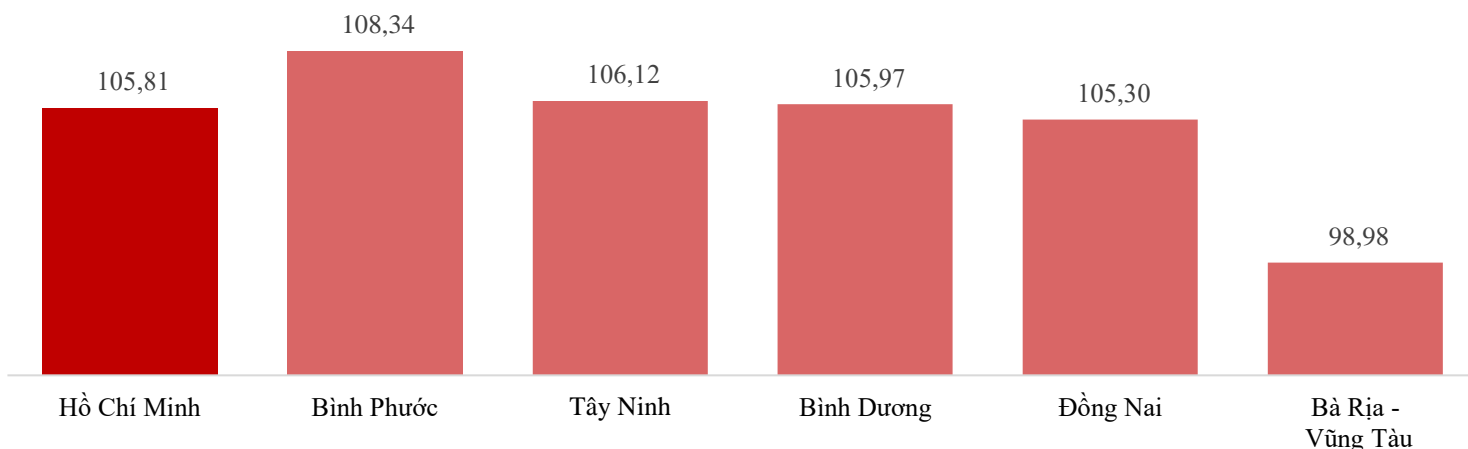
## Giá trị tăng thêm khu vực Dịch vụ so với cùng kỳ (%)



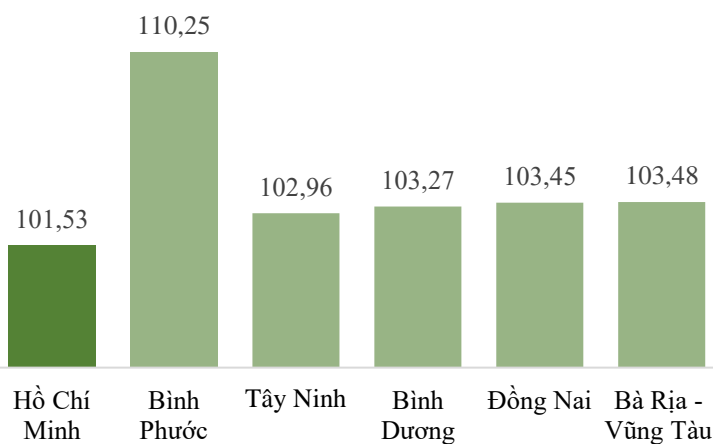
## Giá trị tăng thêm Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm so với cùng kỳ (%)



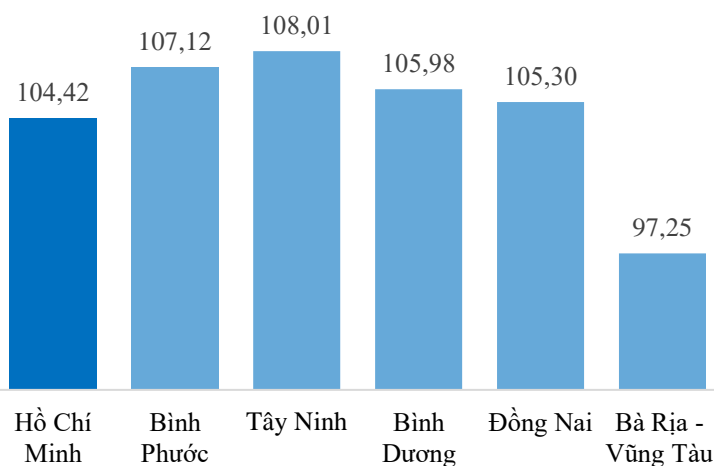
## Chỉ số phát triển GRDP năm 2023 so với cùng kỳ (%)



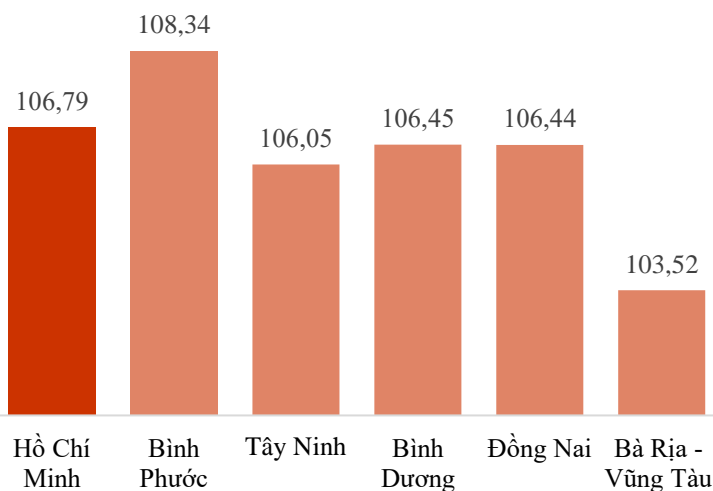
## Giá trị tăng thêm khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản so với cùng kỳ (%)



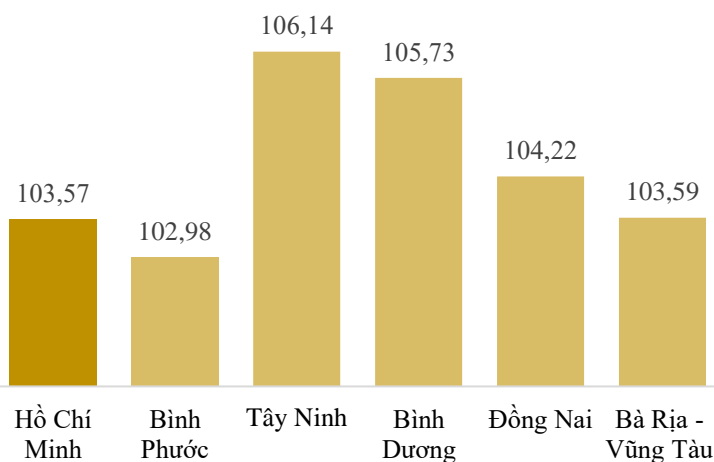
## Giá trị tăng thêm khu vực Công nghiệp, xây dựng so với cùng kỳ (%)



## Giá trị tăng thêm khu vực Dịch vụ so với cùng kỳ (%)



## Giá trị tăng thêm Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm so với cùng kỳ (%)



**TỔNG CỤC THỐNG KÊ  
CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

<https://thongkehochiminh.gso.gov.vn>